



Phụ lục 01

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI VÒNG I KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC KBNN 2022
VỊ TRÍ: CHUYÊN VIÊN NGHIỆP VỤ

(theo Thông báo số 15/1'B-HD/TĐ ngày 17/3/2023 của Hội đồng tuyển dụng công chức KBNN năm 2022)

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tại miền Nam (các tỉnh từ Đà Nẵng trở vào)														
1	Huỳnh Thị Thủy	Ái	KBNN Quảng Ngãi				01	01	1990			NV0001	1	Phòng thi số 01	
2	Nguyễn Trường	An	KBNN Bến Tre	18	12	1991						NV0002	1	Phòng thi số 01	
3	Nguyễn Thị Xuân	An	KBNN Tiền Giang				06	01	1994	x		NV0003	1	Phòng thi số 01	
4	Phan Thị Hoài	An	KBNN An Giang				12	03	1994			NV0004	1	Phòng thi số 01	
5	Nguyễn Ngọc	Án	KBNN Bình Dương	01	10	1989						NV0005	1	Phòng thi số 01	
6	Tô Thị Bảo	Án	KBNN Quảng Ngãi				31	03	1997			NV0006	1	Phòng thi số 01	
7	Bùi Thị Kun	Anh	KBNN Quảng Ngãi				15	08	2000			NV0007	1	Phòng thi số 01	
8	Đào Thị Ngọc	Anh	KBNN Đắk Lắk				27	01	1996			NV0008	1	Phòng thi số 01	
9	Đinh Hồng	Anh	KBNN Cà Mau				27	12	1992	x		NV0009	1	Phòng thi số 01	
10	Đoàn Thị Mai	Anh	KBNN TPHCM				27	5	1995			NV0010	1	Phòng thi số 01	
11	Đoàn Thị Trâm	Anh	KBNN Bến Tre				25	04	2000			NV0011	1	Phòng thi số 01	
12	Dương Thị Vân	Anh	KBNN Cần Thơ				23	12	1997			NV0012	1	Phòng thi số 01	
13	Hồ Vĩnh	Anh	KBNN Bình Thuận	10	4	1996						NV0013	1	Phòng thi số 01	
14	Hoàng Thị Kim	Anh	KBNN Long An				16	04	1990			NV0014	1	Phòng thi số 01	
15	Lê Hoài	Anh	KBNN Khánh Hòa				5	6	1997			NV0015	1	Phòng thi số 01	
16	Lê Thị Trâm	Anh	KBNN TPHCM				26	1	1996			NV0016	1	Phòng thi số 01	
17	Lê Thị Vân	Anh	KBNN Đắk Lắk				11	03	1995			NV0017	1	Phòng thi số 01	
18	Ngô Đỗ Quỳnh	Anh	KBNN Ninh Thuận				05	08	1987			NV0018	1	Phòng thi số 01	
19	Nguyễn Kiều	Anh	KBNN Đắk Lắk				19	10	1988			NV0019	1	Phòng thi số 01	
20	Nguyễn Ngọc	Anh	KBNN Cà Mau				04	9	1998			NV0020	1	Phòng thi số 01	
21	Nguyễn Quỳnh	Anh	KBNN TPHCM				15	1	2000			NV0021	1	Phòng thi số 01	
22	Nguyễn Đoàn Duy	Anh	KBNN TPHCM	12	12	1993						NV0022	1	Phòng thi số 01	
23	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	KBNN Kon Tum				14	03	1993			NV0023	1	Phòng thi số 01	
24	Nguyễn Hồng Minh	Anh	KBNN Tiền Giang				09	3	1999			NV0024	1	Phòng thi số 01	
25	Nguyễn Lê Văn	Anh	KBNN Khánh Hòa				27	9	2000			NV0025	1	Phòng thi số 01	
26	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	KBNN Đắk Lắk				10	12	1988	x		NV0026	1	Phòng thi số 01	
27	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	KBNN TPHCM	15	5	1987						NV0027	1	Phòng thi số 01	
28	Nguyễn Thị Mai	Anh	KBNN Lâm Đồng				02	1	2000			NV0028	1	Phòng thi số 01	
29	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	KBNN Kiên Giang				06	02	1996			NV0029	1	Phòng thi số 01	
30	Nguyễn Thị Thuận	Anh	KBNN Ninh Thuận				09	11	1987	x		NV0030	1	Phòng thi số 01	
31	Nguyễn Thị Trúc	Anh	KBNN Lâm Đồng				02	01	2001			NV0031	1	Phòng thi số 02	
32	Nguyễn Thị Vân	Anh	KBNN TPHCM				26	2	1993			NV0032	1	Phòng thi số 02	
33	Nguyễn Thị Phương	Anh	KBNN Khánh Hòa				20	8	1988			NV0033	1	Phòng thi số 02	
34	Phan Trâm	Anh	KBNN Tiền Giang				28	9	1992			NV0034	1	Phòng thi số 02	
35	Phan Kỳ Nam	Anh	KBNN TPHCM	6	9	1988						NV0035	1	Phòng thi số 02	
36	Trần Tú	Anh	KBNN Tây Ninh				06	07	1994			NV0036	1	Phòng thi số 02	
37	Trần Nguyễn Thủy	Anh	KBNN TPHCM				21	8	1996			NV0037	1	Phòng thi số 02	
38	Trần Thị Kun	Anh	KBNN Quảng Nam				30	3	1988			NV0038	1	Phòng thi số 02	
39	Trần Thị Kim	Anh	KBNN TPHCM				29	9	1994			NV0039	1	Phòng thi số 02	
40	Trần Thị Ngọc	Anh	KBNN Quảng Ngãi				19	05	1995			NV0040	1	Phòng thi số 02	
41	Vô Thị Minh	Anh	KBNN Quảng Ngãi				04	06	1996			NV0041	1	Phòng thi số 02	
42	Vô Thụy Vân	Anh	KBNN Đắk Lắk				13	04	1993			NV0042	1	Phòng thi số 02	
43	Bùi Thị Kim	Anh	KBNN Quảng Nam				01	01	1993	x		NV0043	1	Phòng thi số 02	
44	Hoàng Ngọc	Anh	KBNN TPHCM				27	11	1990			NV0044	1	Phòng thi số 02	
45	Lê Thị Ngọc	Anh	KBNN Phú Yên				19	06	1993			NV0045	1	Phòng thi số 02	
46	Nguyễn Thu	Anh	KBNN Đắk Lắk				05	05	1990			NV0046	1	Phòng thi số 02	
47	Nguyễn Tài Ngọc	Anh	KBNN Tây Ninh				12	04	1999			NV0047	1	Phòng thi số 02	
48	Phạm Trần Thu	Anh	KBNN Đồng Tháp				20	9	1991			NV0048	1	Phòng thi số 02	
49	Ta Thị Ngọc	Anh	KBNN TPHCM				13	4	2000			NV0049	1	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Niên thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
50	Trần Ngọc	Ảnh	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				25	12	1990			NV0050	1	Phòng thi số 02	
51	Nguyễn Thị	Ảnh	KBNN Phú Yên				01	05	1994			NV0051	1	Phòng thi số 02	
52	Trần Văn	Bằng	KBNN Long An	23	09	1994						NV0052	1	Phòng thi số 02	
53	Dư Gia	Báo	KBNN Bình Định	05	10	1999						NV0053	1	Phòng thi số 02	
54	Lê Chí	Báo	KBNN Cà Mau	23	10	1997					HTNVCAND	NV0054	1	Phòng thi số 02	
55	Lê Nguyễn Gia	Báo	KBNN TPHCM				14	1	1993			NV0055	1	Phòng thi số 02	
56	Hoàng Thị	Bé	KBNN Đồng Nai				05	5	1992			NV0056	1	Phòng thi số 02	
57	Chu Thị	Bích	KBNN Lâm Đồng				28	5	1989		DT Nùng	NV0057	1	Phòng thi số 02	
58	Bùi Ân	Bình	KBNN Trà Vinh				06	11	2000			NV0058	1	Phòng thi số 02	
59	Bùi Thị	Bình	KBNN Đắk Lắk				06	08	1999			NV0059	1	Phòng thi số 02	
60	Lê Thị Thanh	Bình	KBNN Khánh Hòa				2	11	1999			NV0060	1	Phòng thi số 02	
61	Nguyễn Văn	Bình	KBNN Sóc Trăng	27	02	1983					CDNHDKCB NCDHH	NV0061	1	Phòng thi số 03	
62	Nguyễn Thu Xuân	Bưởi	KBNN TPHCM				21	2	1991			NV0062	1	Phòng thi số 03	
63	Nguyễn Ngọc	Cẩm	KBNN Bến Tre				27	10	2000			NV0063	1	Phòng thi số 03	
64	Trần Ngọc	Cẩm	KBNN Cần Thơ				15	11	1999			NV0064	1	Phòng thi số 03	
65	Lê Thị Ngọc	Cẩm	KBNN Quảng Ngãi				02	05	1993			NV0065	1	Phòng thi số 03	
66	Ba Minh	Cầu	KBNN Phú Yên	01	06	1993					DT Bana	NV0066	1	Phòng thi số 03	
67	Đào Thị Minh	Châu	KBNN Bạc Liêu				09	02	1985		Con TB	NV0067	1	Phòng thi số 03	
68	Hoàng Thanh	Châu	KBNN Khánh Hòa				15	8	2000			NV0068	1	Phòng thi số 03	
69	Huỳnh Báo	Châu	KBNN Tây Ninh				11	06	2000			NV0069	1	Phòng thi số 03	
70	Kha Ngọc	Châu	KBNN TPHCM				13	10	2000		DT Hoa	NV0070	1	Phòng thi số 03	
71	Lê Thị Quỳnh	Châu	KBNN Phú Yên				29	08	1999			NV0071	1	Phòng thi số 03	
72	Ngô Thu Kim	Châu	KBNN Bình Dương				24	12	1994			NV0072	1	Phòng thi số 03	
73	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	KBNN Quảng Ngãi				01	10	1980			NV0073	1	Phòng thi số 03	
74	Nguyễn Trương Báo	Cháu	KBNN Tây Ninh				18	07	1998			NV0074	1	Phòng thi số 03	
75	Phạm Hoàng	Châu	KBNN TPHCM	11	2	1994						NV0075	1	Phòng thi số 03	
76	Phạm Thị Ngọc	Châu	KBNN Quảng Nam				23	12	1997			NV0076	1	Phòng thi số 03	
77	Trương Ngọc	Châu	KBNN Đồng Tháp				15	6	1996			NV0077	1	Phòng thi số 03	
78	Bùi Thị Mỹ	Chi	KBNN Kon Tum				04	04	1988			NV0078	1	Phòng thi số 03	
79	Đặng Thị Kim	Chi	KBNN Phú Yên				11	03	1994			NV0079	1	Phòng thi số 03	
80	Lê Bình Phương	Chi	KBNN Ninh Thuận				20	04	1990			NV0080	1	Phòng thi số 03	
81	Nguyễn Thị Kiều	Chi	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				12	04	2000			NV0081	1	Phòng thi số 03	
82	Nguyễn Trần Hồng	Chi	KBNN Bình Định				17	3	1989			NV0082	1	Phòng thi số 03	
83	Trần Thị	Chi	KBNN Bình Định				10	4	1998			NV0083	1	Phòng thi số 03	
84	Trần Thị Kim	Chi	KBNN Đồng Nai				07	6	1989			NV0084	1	Phòng thi số 03	
85	Lê Thị Bích	Chuẩn	KBNN Phú Yên				26	12	1996			NV0085	1	Phòng thi số 03	
86	Nguyễn Hoàng	Chung	KBNN Bạc Liêu	05	12	1992						NV0086	1	Phòng thi số 03	
87	Vũ Thị Kim	Chung	KBNN Đắk Lắk				27	04	1990			NV0087	1	Phòng thi số 03	
88	Hòa Quang	Cổng	KBNN Đắk Lắk	28	08	1995						NV0088	1	Phòng thi số 03	
89	Nguyễn Thị	Cổng	KBNN Quảng Ngãi				12	11	1993			NV0089	1	Phòng thi số 03	
90	Nguyễn Thị	Cúc	KBNN TPHCM				13	9	1991			NV0090	1	Phòng thi số 03	
91	Nguyễn Thị Kim	Cúc	KBNN Cần Thơ				26	8	1989			NV0091	1	Phòng thi số 04	
92	Trần Thị Kim	Cưng	KBNN Bến Tre				23	11	1989			NV0092	1	Phòng thi số 04	
93	Trần Chí	Cường	KBNN Bạc Liêu	06	8	1991						NV0093	1	Phòng thi số 04	
94	Trần Đoàn	Cường	KBNN Đắk Lắk	11	07	1987						NV0094	1	Phòng thi số 04	
95	Phan Thị	Đà	KBNN TPHCM				9	5	1991			NV0095	1	Phòng thi số 04	
96	Trương Thắng Phương	Đài	KBNN TPHCM	10	6	1991						NV0096	1	Phòng thi số 04	
97	Trần Thị Bích	Đầm	KBNN Tây Ninh				01	04	1993			NV0097	1	Phòng thi số 04	
98	Vô Hải	Đặng	KBNN Cần Thơ	16	12	1994						NV0098	1	Phòng thi số 04	
99	Mã Nguyễn Hoàng	Danh	KBNN Phú Yên	18	10	1997						NV0099	1	Phòng thi số 04	
100	Đặng Trúc	Đào	KBNN An Giang				23	04	1993			NV0100	1	Phòng thi số 04	
101	Nguyễn Anh	Đào	KBNN Cà Mau				20	7	1981			NV0101	1	Phòng thi số 04	
102	Nguyễn Lâm Hồng	Đào	KBNN Bạc Liêu				13	5	1993			NV0102	1	Phòng thi số 04	
103	Vân Nguyễn Anh	Đào	KBNN Quảng Nam				10	10	1995			NV0103	1	Phòng thi số 04	
104	Bùi Trọng	Đạt	KBNN Quảng Ngãi	13	05	1995						NV0104	1	Phòng thi số 04	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú	
				Nam			Nữ									
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
105	Huỳnh Văn	Đầy	KBNN Long An	15	04	1983						HTNVQS	NV0105	1	Phòng thi số 04	
106	Nguyễn Kiều	Diễm	KBNN Phú Yên				28	02	1993				NV0106	1	Phòng thi số 04	
107	Nguyễn Thanh	Diễm	KBNN Bạc Liêu				13	5	1984				NV0107	1	Phòng thi số 04	
108	Nguyễn Thị	Diễm	KBNN Bình Định				12	3	1992				NV0108	1	Phòng thi số 04	
109	Nguyễn Thủy	Diễm	KBNN Tây Ninh				29	03	1995				NV0109	1	Phòng thi số 04	
110	Nguyễn Thị Hoài	Diễm	KBNN Bình Định				28	12	1990				NV0110	1	Phòng thi số 04	
111	Nguyễn Thị Thu	Diễm	KBNN Tây Ninh				03	03	1990				NV0111	1	Phòng thi số 04	
112	Phan Thị	Diễm	KBNN Bình Định				12	4	1998				NV0112	1	Phòng thi số 04	
113	Trịnh Ngọc Kiều	Diễm	KBNN Gia Lai				25	11	2000				NV0113	1	Phòng thi số 04	
114	Võ Kiều	Diễm	KBNN Cà Mau				24	8	1989				NV0114	1	Phòng thi số 04	
115	Trương Thị Thanh	Diễm	KBNN Đắk Lắk				22	07	1989				NV0115	1	Phòng thi số 04	
116	Trần Tài	Diễm	KBNN Trà Vinh				10	10	1993				NV0116	1	Phòng thi số 04	
117	Nguyễn Phan Bích	Diễm	KBNN An Giang				14	01	2000				NV0117	1	Phòng thi số 04	
118	Huỳnh Thị	Diệp	KBNN TPHCM				10	4	1997				NV0118	1	Phòng thi số 04	
119	Mã Thị Ngọc	Diệp	KBNN Phú Yên				01	06	1989				NV0119	1	Phòng thi số 04	
120	Phạm Thị Mỹ	Diệp	KBNN Khánh Hòa				4	8	1988				NV0120	1	Phòng thi số 04	
121	Trần Thị Ngọc	Diệp	KBNN Đắk Lắk				25	01	1993				NV0121	1	Phòng thi số 05	
122	Phan Ngọc	Diệp	KBNN Bình Định	30	10	1990							NV0122	1	Phòng thi số 05	
123	Cao Lê Hoàng	Diệu	KBNN Quảng Ngãi				01	04	1997				NV0123	1	Phòng thi số 05	
124	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	KBNN Phú Yên				10	12	1992				NV0124	1	Phòng thi số 05	
125	Nguyễn Ngọc	Đinh	KBNN Bạc Liêu				29	01	2000				NV0125	1	Phòng thi số 05	
126	Mai Xuân	Đinh	KBNN Kiên Giang	01	06	1977							NV0126	1	Phòng thi số 05	
127	Nguyễn Phú	Đoãn	KBNN Bạc Liêu	03	7	1992							NV0127	1	Phòng thi số 05	
128	Phạm Thị Mai	Đoan	KBNN Phú Yên				11	07	1988				NV0128	1	Phòng thi số 05	
129	Tam Báu	Đrimin	KBNN Lâm Đồng				15	02	1998		DT Kơ Ho		NV0129	1	Phòng thi số 05	
130	Nguyễn Ngọc	Dư	KBNN Quảng Ngãi	20	10	1984							NV0130	1	Phòng thi số 05	
131	Cao Phương	Dùng	KBNN TPHCM				2	3	1987				NV0131	1	Phòng thi số 05	
132	Đặng Thị Phương	Dùng	KBNN Đắk Lắk				25	04	2000				NV0132	1	Phòng thi số 05	
133	Đỗ Nguyễn Hạnh	Dùng	KBNN Bình Thuận				25	6	1995				NV0133	1	Phòng thi số 05	
134	Lê Thị Mỹ	Dùng	KBNN Tây Ninh				26	10	1998				NV0134	1	Phòng thi số 05	
135	Lê Thị Thủy	Dùng	KBNN Vĩnh Long				13	12	1987				NV0135	1	Phòng thi số 05	
136	Nguyễn Chung Phương	Dùng	KBNN Đắk Lắk				06	05	2000				NV0136	1	Phòng thi số 05	
137	Nguyễn Phương Mỹ	Dùng	KBNN TPHCM				16	6	1989				NV0137	1	Phòng thi số 05	
138	Nguyễn Thị Phương	Dùng	KBNN Phú Yên				15	02	1992				NV0138	1	Phòng thi số 05	
139	Nguyễn Thị Thủy	Dùng	KBNN Ninh Thuận				01	12	1992				NV0139	1	Phòng thi số 05	
140	Nguyễn Thị Thủy	Dùng	KBNN Phú Yên				22	09	1991				NV0140	1	Phòng thi số 05	
141	Phạm Thị	Dùng	KBNN TPHCM				25	8	1993				NV0141	1	Phòng thi số 05	
142	Phạm Thủy	Dùng	KBNN TPHCM				10	8	1992				NV0142	1	Phòng thi số 05	
143	Phạm Thị Thủy	Dùng	KBNN Đồng Tháp				11	6	1996				NV0143	1	Phòng thi số 05	
144	Phan Thị Mỹ	Dùng	KBNN Bạc Liêu				18	4	1993				NV0144	1	Phòng thi số 05	
145	Trần Thị Hoàng	Dùng	KBNN Bình Định				20	9	1994				NV0145	1	Phòng thi số 05	
146	Dương Khắc	Dũng	KBNN Kon Tum	03	02	1994							NV0146	1	Phòng thi số 05	
147	Huỳnh Văn	Dũng	KBNN Trà Vinh	04	6	1978					HTNVQS		NV0147	1	Phòng thi số 05	
148	Lê Ngọc	Dũng	KBNN Đắk Lắk	09	09	1995							NV0148	1	Phòng thi số 05	
149	Lê Ngọc	Dũng	KBNN Đắk Nông	09	09	1995							NV0149	1	Phòng thi số 05	
150	Lưu An	Dũng	KBNN TPHCM	11	10	1985							NV0150	1	Phòng thi số 05	
151	Nguyễn Việt	Dũng	KBNN An Giang	08	06	1988							NV0151	1	Phòng thi số 06	
152	Trương Bà	Dũng	KBNN TPHCM	12	7	1997					Con TB		NV0152	1	Phòng thi số 06	GCNTN
153	Đỗ Văn	Dương	KBNN Quảng Nam				24	8	2000				NV0153	1	Phòng thi số 06	
154	Đoàn Đại	Dương	KBNN Quảng Ngãi	14	09	1985							NV0154	1	Phòng thi số 06	
155	Dương Trương Thủy	Dương	KBNN Trà Vinh				21	3	1998				NV0155	1	Phòng thi số 06	
156	Huỳnh Thị Thủy	Dương	KBNN TPHCM				3	3	1990				NV0156	1	Phòng thi số 06	
157	Ksor Mlô Thủy	Dương	KBNN Gia Lai				12	07	2000		DT Jarai		NV0157	1	Phòng thi số 06	
158	Nguyễn Ngọc Thủy	Dương	KBNN Long An				22	06	1999				NV0158	1	Phòng thi số 06	
159	Nguyễn Thị Thủy	Dương	KBNN Đắk Lắk				20	06	1989				NV0159	1	Phòng thi số 06	
160	Phạm Thị Thủy	Dương	KBNN Phú Yên				02	05	1992				NV0160	1	Phòng thi số 06	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đội tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
161	Phan Thanh	Dương	KBNN Bình Dương	01	02	1999						NV0161	1	Phòng thi số 06	
162	Võ Khánh	Dương	KBNN TPHCM	16	7	1992						NV0162	1	Phòng thi số 06	
163	Võ Thủy	Dương	KBNN TPHCM				17	9	1999			NV0163	1	Phòng thi số 06	
164	Nguyễn Hải	Đường	KBNN Sóc Trăng				23	07	1996		CĐNHĐKCB NCDHH	NV0164	1	Phòng thi số 06	
165	Lê Quang	Duy	KBNN Gia Lai	28	09	1989				x		NV0165	1	Phòng thi số 06	
166	Lê Thanh	Duy	KBNN Cần Thơ	01	8	1988						NV0166	1	Phòng thi số 06	
167	Mai Đức	Duy	KBNN TPHCM	25	2	1998					CĐNHĐKCB NCDHH	NV0167	1	Phòng thi số 06	
168	Nguyễn Quốc	Duy	KBNN TPHCM	2	2	2000						NV0168	1	Phòng thi số 06	
169	Nguyễn Tấn	Duy	KBNN Bình Thuận				7	1	1995			NV0169	1	Phòng thi số 06	
170	Nguyễn Thị Thủy	Duy	KBNN An Giang				08	11	1994			NV0170	1	Phòng thi số 06	
171	Phan Khánh	Duy	KBNN Bình Dương	28	6	1995						NV0171	1	Phòng thi số 06	
172	Phan Quốc	Duy	KBNN Ninh Thuận	29	01	1988						NV0172	1	Phòng thi số 06	
173	Huỳnh Thị Kim	Duyên	KBNN Bình Dương				26	9	1997			NV0173	1	Phòng thi số 06	
174	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	KBNN Kon Tum				02	06	1999			NV0174	1	Phòng thi số 06	
175	Lê Thị Bích	Duyên	KBNN Đồng Tháp				12	10	1998			NV0175	1	Phòng thi số 06	
176	Lê Trần Thị Mỹ	Duyên	KBNN Quảng Ngãi				01	05	1996			NV0176	1	Phòng thi số 06	
177	Nguyễn Hán	Duyên	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				04	3	1998			NV0177	1	Phòng thi số 06	
178	Nguyễn Lương	Duyên	KBNN Đắk Lắk				18	07	1993			NV0178	1	Phòng thi số 06	
179	Phan Ái	Duyên	KBNN Phú Yên				06	07	1993			NV0179	1	Phòng thi số 06	
180	Thạch Thị Mỹ	Duyên	KBNN Cần Thơ				03	4	1997		DT Khmer	NV0180	1	Phòng thi số 06	
181	Tô Mai Kiều	Duyên	KBNN Quảng Ngãi				18	07	1995			NV0181	1	Phòng thi số 07	
182	Trần Hương	Duyên	KBNN TPHCM				8	9	1990			NV0182	1	Phòng thi số 07	
183	Lê Thị Lam	Giang	KBNN Quảng Ngãi				20	04	1993			NV0183	1	Phòng thi số 07	
184	Nguyễn Đồng	Giang	KBNN An Giang	18	02	1990						NV0184	1	Phòng thi số 07	
185	Nguyễn Thu	Giang	KBNN Lâm Đồng				05	4	1991			NV0185	1	Phòng thi số 07	
186	Ninh Thị Châu	Giang	KBNN Đắk Lắk				04	09	1997			NV0186	1	Phòng thi số 07	
187	Thế Thị Quỳnh	Giang	KBNN Bình Thuận				1	7	1989			NV0187	1	Phòng thi số 07	
188	Trần Phương	Guo	KBNN Cà Mau				24	10	2000			NV0188	1	Phòng thi số 07	
189	Trần Thị Kim	Giàu	KBNN Tiền Giang				29	5	1998			NV0189	1	Phòng thi số 07	
190	Trần Cá	Gon	KBNN Bạc Liêu				10	9	1989			NV0190	1	Phòng thi số 07	
191	MILO NIÊ	H' TRẦN	KBNN Đắk Lắk				30	12	1991		DT Êđê	NV0191	1	Phòng thi số 07	
192	Đào Thị Thanh	Hà	KBNN TPHCM				26	9	1993		Con TB	NV0192	1	Phòng thi số 07	
193	Đinh Thị Thu	Hà	KBNN Bình Dương				23	7	1998			NV0193	1	Phòng thi số 07	
194	Lê Thanh	Hà	KBNN Gia Lai				22	11	2000			NV0194	1	Phòng thi số 07	
195	Lê Nguyễn Ngọc	Hà	KBNN TPHCM				30	9	2000			NV0195	1	Phòng thi số 07	
196	Lê Thị Cẩm	Hà	KBNN Quảng Ngãi				19	05	1992			NV0196	1	Phòng thi số 07	
197	Nguyễn Thị	Hà	KBNN Khánh Hòa				10	8	1988			NV0197	1	Phòng thi số 07	
198	Nguyễn Minh	Hà	KBNN Ninh Thuận				27	01	1998			NV0198	1	Phòng thi số 07	
199	Nguyễn Thanh	Hà	KBNN Gia Lai	25	09	1989						NV0199	1	Phòng thi số 07	
200	Nguyễn Thu	Hà	KBNN Quảng Ngãi				06	01	1993			NV0200	1	Phòng thi số 07	
201	Nguyễn Thị	Hà	KBNN TPHCM				24	4	1991			NV0201	1	Phòng thi số 07	
202	Nguyễn Thị Quý	Hà	KBNN Khánh Hòa				8	5	1986			NV0202	1	Phòng thi số 07	
203	Trần Ngân	Hà	KBNN TPHCM				7	12	1990			NV0203	1	Phòng thi số 07	
204	Trần Thị	Hà	KBNN Bình Dương				18	8	1993			NV0204	1	Phòng thi số 07	
205	Võ Thị Thu	Hà	KBNN Quảng Nam				11	8	1991			NV0205	1	Phòng thi số 07	
206	Huỳnh Trúc	Hà	KBNN Bình Thuận				24	8	1993			NV0206	1	Phòng thi số 07	
207	Mai Thị Bé	Hai	KBNN Kiên Giang				25	01	1991			NV0207	1	Phòng thi số 07	
208	Hoàng Thị Mỹ	Hải	KBNN TPHCM				20	3	1996			NV0208	1	Phòng thi số 07	
209	Huỳnh Thanh	Hải	KBNN An Giang	08	09	1994						NV0209	1	Phòng thi số 07	
210	Lê Thị Hoàng	Hải	KBNN Lâm Đồng				04	02	1997			NV0210	1	Phòng thi số 07	
211	Nguyễn Ngọc	Hải	KBNN TPHCM	15	6	1993					Con BB	NV0211	1	Phòng thi số 08	
212	Nguyễn Thanh	Hải	KBNN Quảng Nam	19	3	1992						NV0212	1	Phòng thi số 08	
213	Trần Quang	Hải	KBNN Kiên Giang	15	08	1990						NV0213	1	Phòng thi số 08	
214	Đoàn Ngọc	Hân	KBNN Cần Thơ				06	11	1999			NV0214	1	Phòng thi số 08	
215	Lê Gia	Hân	KBNN Cần Thơ				24	04	2001			NV0215	1	Phòng thi số 08	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
216	Ngô Thị Ngọc	Hân	KBNN Bình Dương				04	01	1994			NV0216	1	Phòng thi số 08	
217	Phạm Nguyễn Ngọc	Hân	KBNN Đồng Tháp				01	01	1999			NV0217	1	Phòng thi số 08	
218	Trần Gia	Hân	KBNN Bình Thuận				24	12	1998			NV0218	1	Phòng thi số 09	
219	Trần Phan Ngọc	Hân	KBNN TPHCM				12	12	1996			NV0219	1	Phòng thi số 08	
220	Bùi Thanh	Hằng	KBNN Đắk Lắk				10	03	1987	x		NV0220	1	Phòng thi số 08	
221	Đỗ Thu Nguyễn	Hằng	KBNN Quảng Nam				08	12	1995			NV0221	1	Phòng thi số 08	
222	Hoàng Thị Thủy	Hằng	KBNN Gia Lai				02	02	1991			NV0222	1	Phòng thi số 08	
223	Huỳnh Thị Ái	Hằng	KBNN Phú Yên				04	11	1990			NV0223	1	Phòng thi số 08	
224	Huỳnh Thị Thủy	Hằng	KBNN Đồng Nai				28	3	1986			NV0224	1	Phòng thi số 08	
225	Lê Thị	Hằng	KBNN Phú Yên				26	12	1991			NV0225	1	Phòng thi số 08	
226	Lê Thị Lê	Hằng	KBNN TPHCM				2	4	1985			NV0226	1	Phòng thi số 08	
227	Lê Thị Thu	Hằng	KBNN Đắk Lắk				01	08	1991			NV0227	1	Phòng thi số 08	
228	Lưu Thủy	Hằng	KBNN Bình Định				06	10	2000			NV0228	1	Phòng thi số 08	
229	Nguyễn Nguyệt	Hằng	KBNN Bình Dương				13	01	2000			NV0229	1	Phòng thi số 08	
230	Nguyễn Phương	Hằng	KBNN Cần Thơ				06	12	1997			NV0230	1	Phòng thi số 08	
231	Nguyễn Thị	Hằng	KBNN Đắk Nông				03	01	1994			NV0231	1	Phòng thi số 08	
232	Nguyễn Thị	Hằng	KBNN TPHCM				12	1	1995			NV0232	1	Phòng thi số 08	
233	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	KBNN Quảng Nam				24	9	1992			NV0233	1	Phòng thi số 08	
234	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	KBNN Đắk Lắk				02	10	1990			NV0234	1	Phòng thi số 08	
235	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	KBNN Gia Lai				20	08	1988			NV0235	1	Phòng thi số 08	
236	Nguyễn Võ Nhật	Hằng	KBNN Bến Tre				15	11	1988			NV0236	1	Phòng thi số 08	
237	Phạm Thủy	Hằng	KBNN An Giang				27	04	1999			NV0237	1	Phòng thi số 03	
238	Tô Thị Thủy	Hằng	KBNN TPHCM				14	2	1985	x		NV0238	1	Phòng thi số 08	
239	Đinh Thị Mỹ	Hạnh	KBNN TPHCM				4	1	1994			NV0239	1	Phòng thi số 08	
240	Đỗ Hồng Như	Hạnh	KBNN Tiền Giang				01	3	1999			NV0240	1	Phòng thi số 08	
241	Đoàn Lê Mỹ	Hạnh	KBNN Phú Yên				02	01	1996			NV0241	2	Phòng thi số 01	
242	Lê Hồng	Hạnh	KBNN Bình Định				18	5	1995			NV0242	2	Phòng thi số 01	
243	Lê Hồng	Hạnh	KBNN Kiên Giang				03	12	1999			NV0243	2	Phòng thi số 01	
244	Lê Thị Hồng	Hạnh	KBNN Quảng Ngãi				20	11	2000			NV0244	2	Phòng thi số 01	
245	Lê Thị Mỹ	Hạnh	KBNN Tây Ninh				26	10	1991			NV0245	2	Phòng thi số 01	
246	Nguyễn Thị Cẩm	Hạnh	KBNN TPHCM				23	5	2000			NV0246	2	Phòng thi số 01	
247	Trần Ngọc	Hạnh	KBNN Kiên Giang				09	02	1984			NV0247	2	Phòng thi số 01	
248	Trần Nguyễn Đoàn	Hạnh	KBNN Khánh Hòa				14	7	1995			NV0248	2	Phòng thi số 01	
249	Trương Hồng	Hạnh	KBNN Đắk Lắk				28	06	1999			NV0249	2	Phòng thi số 01	
250	Đặng Nhật	Hào	KBNN Phú Yên	27	10	2000						NV0250	2	Phòng thi số 01	
251	Nguyễn Thanh	Hào	KBNN Bình Định	01	01	1996						NV0251	2	Phòng thi số 01	
252	Nguyễn Thị Mỹ	Hào	KBNN Bình Định				03	02	1998			NV0252	2	Phòng thi số 01	
253	Trần Như	Hào	KBNN Cà Mau				24	4	2000			NV0253	2	Phòng thi số 01	
254	Phạm Thị Thu	Hầu	KBNN Quảng Ngãi				10	01	1987			NV0254	2	Phòng thi số 01	
255	Trần Văn	Hầu	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu	18	5	1990						NV0255	2	Phòng thi số 01	
256	Zơ Răm Mỹ	Hầu	KBNN Quảng Nam				14	9	1994		DT Cơ tu	NV0256	2	Phòng thi số 01	
257	Vương Văn	Hiền	KBNN Lâm Đồng	23	5	1987					DT Nùng	NV0257	2	Phòng thi số 01	
258	Bùi Thị Thu	Hiền	KBNN Đắk Lắk				21	08	1993			NV0258	2	Phòng thi số 01	
259	Hà Thu	Hiền	KBNN Tây Ninh				05	06	1993			NV0259	2	Phòng thi số 01	
260	Hoàng Thị Thanh	Hiền	KBNN Kon Tum				25	06	1995			NV0260	2	Phòng thi số 01	
261	Lê Văn	Hiền	KBNN Bình Định	15	10	1990						NV0261	2	Phòng thi số 01	
262	Nguyễn Minh	Hiền	KBNN TPHCM				11	6	1998			NV0262	2	Phòng thi số 01	
263	Nguyễn Thị Bích	Hiền	KBNN Phú Yên				25	05	1994			NV0263	2	Phòng thi số 01	
264	Nguyễn Thị Minh	Hiền	KBNN TPHCM				23	6	1999			NV0264	2	Phòng thi số 01	
265	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Tây Ninh				18	4	1994		Con TB	NV0265	2	Phòng thi số 01	
266	Nguyễn Thị Út	Hiền	KBNN Quảng Ngãi				09	09	1996			NV0266	2	Phòng thi số 01	
267	Trần Văn Thanh	Hiền	KBNN Kon Tum				12	01	1999			NV0267	2	Phòng thi số 01	
268	Trương Thị Thu	Hiền	KBNN Đắk Nông				12	04	1984		CĐNHDKCB NCDHH	NV0268	2	Phòng thi số 01	
269	Vũ Thị Lê	Hiền	KBNN Bình Dương				02	9	1993			NV0269	2	Phòng thi số 01	
270	Huỳnh Thị	Hiệp	KBNN Đắk Lắk				19	08	1993			NV0270	2	Phòng thi số 01	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Cấp thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Năm			Tháng								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
271	Bùi Trung	Hiếu	KBNN TPHCM	31	7	1997						NV0271	2	Phòng thi số 02	
272	Hồ Thị Ngọc	Hiếu	KBNN Phú Yên				09	09	1993			NV0272	2	Phòng thi số 02	
273	Nguyễn Đình	Hiếu	KBNN Bình Định	21	7	1995						NV0273	2	Phòng thi số 02	
274	Nguyễn Minh	Hiếu	KBNN Quảng Nam				26	6	2000			NV0274	2	Phòng thi số 02	
275	Nguyễn Minh	Hiếu	KBNN TPHCM	6	7	1997						NV0275	2	Phòng thi số 02	
276	Nguyễn Thanh	Hiếu	KBNN Đắk Lắk	01	05	1988						NV0276	2	Phòng thi số 02	
277	Nguyễn Thị	Hiếu	KBNN Quảng Nam				12	6	1992			NV0277	2	Phòng thi số 02	
278	Nguyễn Lê Kim	Hiếu	KBNN Lâm Đồng				09	6	1991			NV0278	2	Phòng thi số 02	
279	Phạm Trung	Hiếu	KBNN Kon Tum	31	03	1994						NV0279	2	Phòng thi số 02	
280	Phạm Duy	Hiếu	KBNN Khánh Hòa				3	3	1983			NV0280	2	Phòng thi số 02	
281	Phan Anh	Hiếu	KBNN TPHCM	17	9	1998						NV0281	2	Phòng thi số 02	
282	Thái Thị Phi	Hiếu	KBNN Đắk Lắk				18	05	1985			NV0282	2	Phòng thi số 02	
283	Trần Chí Hoàng	Hiếu	KBNN Cần Thơ	31	3	1989						NV0283	2	Phòng thi số 02	
284	Vũ Minh	Hiếu	KBNN An Giang	22	03	1999						NV0284	2	Phòng thi số 02	
285	Đông Thị	Hoa	KBNN Gia Lai				27	03	1990			NV0285	2	Phòng thi số 02	
286	Huỳnh Thị Kiều	Hoa	KBNN Vĩnh Long				30	06	1997			NV0286	2	Phòng thi số 02	
287	Lê Thị Hồng	Hoa	KBNN Bình Thuận				9	9	1994			NV0287	2	Phòng thi số 02	
288	Nguyễn Thị	Hoa	KBNN TPHCM				19	11	1988			NV0288	2	Phòng thi số 02	
289	Trần Thị Mai	Hoa	KBNN Bình Định				29	7	1992			NV0289	2	Phòng thi số 02	
290	Trương Thị Hồng	Hoa	KBNN Sóc Trăng				07	03	1991			NV0290	2	Phòng thi số 02	
291	Võ Ngọc Mai	Hoa	KBNN Ninh Thuận				01	05	1998			NV0291	2	Phòng thi số 02	
292	Hoàng Nghĩa	Hòa	KBNN TPHCM	1	2	1990						NV0292	2	Phòng thi số 02	
293	Lê Thị Khánh	Hòa	KBNN Quảng Nam				15	12	1991			NV0293	2	Phòng thi số 02	
294	Lê Thị Kim	Hòa	KBNN TPHCM				14	6	1995			NV0294	2	Phòng thi số 02	
295	Nguyễn Xuân	Hòa	KBNN Gia Lai	10	04	1999						NV0295	2	Phòng thi số 02	
296	Nguyễn Ngọc Phương	Hòa	KBNN TPHCM				14	5	2000			NV0296	2	Phòng thi số 02	
297	Nguyễn Thị Minh	Hòa	KBNN Bình Định				20	11	1983	x		NV0297	2	Phòng thi số 02	
298	Nguyễn Thị Mỹ	Hòa	KBNN TPHCM				6	12	1998			NV0298	2	Phòng thi số 02	
299	Dương Xuân	Hoài	KBNN Lâm Đồng	04	10	1985						NV0299	2	Phòng thi số 02	
300	Lê Thị	Hoài	KBNN Kon Tum				23	09	1999			NV0300	2	Phòng thi số 02	
301	Nguyễn Ngọc	Hoài	KBNN TPHCM				13	10	1998			NV0301	2	Phòng thi số 03	
302	Đinh Minh	Hoàng	KBNN Khánh Hòa	11	6	1998						NV0302	2	Phòng thi số 03	
303	Nguyễn Thanh	Hoàng	KBNN Cà Mau	20	3	1997						NV0303	2	Phòng thi số 03	
304	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	KBNN Cà Mau				20	10	1992			NV0304	2	Phòng thi số 03	
305	Phan Thế	Hải	KBNN Phú Yên	10	02	1993						NV0305	2	Phòng thi số 03	
306	Lê Thị Mỹ	Hồng	KBNN Ninh Thuận				18	09	1993			NV0306	2	Phòng thi số 03	
307	Nguyễn Thị	Hồng	KBNN Bình Định				14	8	1990			NV0307	2	Phòng thi số 03	
308	Nguyễn Thị Luyến	Hồng	KBNN Quảng Nam				28	10	1996			NV0308	2	Phòng thi số 03	
309	Nguyễn Thị Thái	Hồng	KBNN Quảng Ngãi				11	10	1996			NV0309	2	Phòng thi số 03	
310	Phùng Thị Thu	Hồng	KBNN Phú Yên				02	04	1995			NV0310	2	Phòng thi số 03	
311	Vũ Thanh	Hồng	KBNN TPHCM				3	11	1993			NV0311	2	Phòng thi số 03	
312	Lê Mỹ	Hợp	KBNN Quảng Ngãi	20	03	1994						NV0312	2	Phòng thi số 03	
313	Nguyễn Thị Bích	Hợp	KBNN Phú Yên				23	04	1991			NV0313	2	Phòng thi số 03	
314	Phu Thị Bích	Huê	KBNN Ninh Thuận				10	04	1991		ĐI Chăm	NV0314	2	Phòng thi số 03	
315	Đoàn Thị Ngọc	Huê	KBNN TPHCM				4	4	1988			NV0315	2	Phòng thi số 03	
316	Nguyễn Thị Kim	Huê	KBNN Phú Yên				09	07	1995			NV0316	2	Phòng thi số 03	
317	Phan Diệu	Huê	KBNN Ninh Thuận				16	12	1992			NV0317	2	Phòng thi số 03	
318	Nguyễn Diệp	Hùng	KBNN Ninh Thuận	16	06	2001						NV0318	2	Phòng thi số 03	
319	Nguyễn Nhật	Hùng	KBNN Bình Thuận	24	5	1998						NV0319	2	Phòng thi số 03	
320	Cao Lê Minh	Hùng	KBNN Phú Yên	01	01	2000						NV0320	2	Phòng thi số 03	
321	Hoàng Vũ Thanh	Hùng	KBNN Đắk Lắk	11	08	1993						NV0321	2	Phòng thi số 03	
322	Nguyễn Song	Hùng	KBNN Lâm Đồng	10	10	1991						NV0322	2	Phòng thi số 03	
323	Nguyễn Bá Công	Hùng	KBNN Khánh Hòa	11	7	1997						NV0323	2	Phòng thi số 03	
324	Cao Thị Mai	Hương	KBNN TPHCM				3	8	1982			NV0324	2	Phòng thi số 03	
325	Dương Thị	Hương	KBNN Tây Ninh				17	10	1987			NV0325	2	Phòng thi số 03	
326	Hoàng Thu Kim	Hương	KBNN TPHCM				9	7	2000			NV0326	2	Phòng thi số 03	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đổi hướng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
327	Hoàng Thị Thu	Hương	KBNN Kon Tum				05	08	2000			NV0327	2	Phòng thi số 03	
328	Lê Ngọc	Hương	KBNN Tây Ninh				17	04	2000			NV0328	2	Phòng thi số 03	
329	Lê Thị Ngọc	Hương	KBNN Bình Thuận				19	12	1986			NV0329	2	Phòng thi số 03	
330	Nương Li	Hương	KBNN An Giang				28	02	2000		DT Khmer	NV0330	2	Phòng thi số 03	
331	Ngô Thị	Hương	KBNN Lâm Đồng				08	8	1986			NV0331	2	Phòng thi số 04	
332	Nguyễn Thị	Hương	KBNN Đắk Lắk				08	03	1990			NV0332	2	Phòng thi số 04	
333	Nguyễn Thu	Hương	KBNN Lâm Đồng				26	9	1993			NV0333	2	Phòng thi số 04	
334	Nguyễn Lê Quỳnh	Hương	KBNN Quảng Ngãi				15	01	2000			NV0334	2	Phòng thi số 04	
335	Nguyễn Thị Diễm	Hương	KBNN Bạc Liêu				30	5	1992			NV0335	2	Phòng thi số 04	
336	Nguyễn Thị Huế	Hương	KBNN TPHCM				4	10	1997			NV0336	2	Phòng thi số 04	
337	Nguyễn Thị Lan	Hương	KBNN Khánh Hòa				19	12	1994			NV0337	2	Phòng thi số 04	
338	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	KBNN Phú Yên				19	07	1991			NV0338	2	Phòng thi số 04	
339	Nguyễn Thị Thanh	Hương	KBNN TPHCM				25	1	1997			NV0339	2	Phòng thi số 04	
340	Nguyễn Thị Trúc	Hương	KBNN Tiền Giang				17	11	1989			NV0340	2	Phòng thi số 04	
341	Trần Thị Thanh	Hương	KBNN Đắk Lắk				27	06	1988		Con TB	NV0341	2	Phòng thi số 04	
342	Trương Ái	Hương	KBNN Cà Mau				18	12	1993			NV0342	2	Phòng thi số 04	
343	Võ Thị Mai	Hương	KBNN Phú Yên				17	07	1990			NV0343	2	Phòng thi số 04	
344	Mai Thị	Hương	KBNN Đắk Lắk				08	04	1994			NV0344	2	Phòng thi số 04	
345	Phạm Thị Thu	Hương	KBNN Đắk Lắk				21	12	1990		Con BB	NV0345	2	Phòng thi số 04	
346	Trần Văn	Hương	KBNN Cà Mau	26	9	1989						NV0346	2	Phòng thi số 04	
347	Chế Trung	Huy	KBNN An Giang	07	10	1995						NV0347	2	Phòng thi số 04	
348	Hồ Thanh	Huy	KBNN An Giang	12	01	1999						NV0348	2	Phòng thi số 04	GCNTN
349	Hoàng Lê	Huy	KBNN Cần Thơ	16	9	1993						NV0349	2	Phòng thi số 04	
350	Huỳnh Đức	Huy	KBNN Tây Ninh	19	04	1996						NV0350	2	Phòng thi số 04	
351	Lê Quốc	Huy	KBNN Hậu Giang	22	8	1999					Con TB	NV0351	2	Phòng thi số 04	
352	Trần Thị Thu	Huỳnh	KBNN TPHCM				28	8	1987			NV0352	2	Phòng thi số 04	
353	Bùi Ngọc Bích	Huỳnh	KBNN Đắk Lắk				19	01	1995			NV0353	2	Phòng thi số 04	
354	Huỳnh Thị Ngọc	Huỳnh	KBNN Tiền Giang				19	05	1992			NV0354	2	Phòng thi số 04	
355	Lê Mỹ	Huỳnh	KBNN Quảng Ngãi				09	03	1998			NV0355	2	Phòng thi số 04	
356	Lê Nguyễn Thanh	Huỳnh	KBNN Quảng Nam				29	8	1987		CCNDHCSN TB	NV0356	2	Phòng thi số 04	
357	Lê Thị Như	Huỳnh	KBNN Quảng Ngãi				31	10	1987			NV0357	2	Phòng thi số 04	
358	Nguyễn Thị	Huỳnh	KBNN Gia Lai				16	04	1992			NV0358	2	Phòng thi số 04	
359	Nguyễn Phạm Mỹ	Huỳnh	KBNN Tiền Giang				11	3	1994			NV0359	2	Phòng thi số 04	
360	Nguyễn Thị Thu	Huỳnh	KBNN TPHCM				6	9	1997			NV0360	2	Phòng thi số 04	
361	Tê Thị	Huỳnh	KBNN TPHCM				3	9	1993			NV0361	2	Phòng thi số 05	
362	Trần Thị	Huỳnh	KBNN TPHCM				28	5	1993			NV0362	2	Phòng thi số 05	
363	Trần Phan Hải	Huỳnh	KBNN Phú Yên				19	05	1997			NV0363	2	Phòng thi số 05	
364	Trần Thị Bích	Huỳnh	KBNN Cần Thơ				09	11	1999			NV0364	2	Phòng thi số 05	
365	Trần Thị Ngọc	Huỳnh	KBNN TPHCM				10	8	1994			NV0365	2	Phòng thi số 05	
366	Trần Thị Thanh	Huỳnh	KBNN TPHCM				23	3	1993		Con BB	NV0366	2	Phòng thi số 05	
367	Võ Lê	Huỳnh	KBNN Bình Định				14	02	1997			NV0367	2	Phòng thi số 05	GCNTN
368	Vũ Thị	Huỳnh	KBNN Đắk Lắk				08	06	1994			NV0368	2	Phòng thi số 05	
369	Vũ Thị Thu	Huỳnh	KBNN Khánh Hòa				9	4	2000			NV0369	2	Phòng thi số 05	
370	Xích Thị Mộng	Huỳnh	KBNN Bình Thuận				19	12	1991		DT Chăm	NV0370	2	Phòng thi số 05	
371	Nguyễn Thị Mỹ	Huỳnh	KBNN Bình Thuận				5	10	1990		DT Chăm	NV0371	2	Phòng thi số 05	
372	Bùi Huy	Huỳnh	KBNN TPHCM	10	9	1999						NV0372	2	Phòng thi số 05	
373	Nguyễn Thị Lan	Huỳnh	KBNN TPHCM				9	6	1999			NV0373	2	Phòng thi số 05	
374	Phạm Nhứt	Huỳnh	KBNN Kiên Giang	26	06	1999						NV0374	2	Phòng thi số 05	
375	Trần Thị Phương	Huỳnh	KBNN Đồng Tháp				09	10	1988			NV0375	2	Phòng thi số 05	
376	Trương Thị Như	Huỳnh	KBNN An Giang				15	02	1990			NV0376	2	Phòng thi số 05	
377	Trần Mộng	Kha	KBNN Cần Thơ				26	01	1994			NV0377	2	Phòng thi số 05	
378	Trương Minh	Khải	KBNN Trà Vinh	13	01	1987						NV0378	2	Phòng thi số 05	
379	Nguyễn Lê	Khang	KBNN TPHCM	24	3	1998						NV0379	2	Phòng thi số 05	
380	Lê Ngọc Thùy	Khanh	KBNN TPHCM				5	11	1990			NV0380	2	Phòng thi số 05	
381	Lô Thị Diễm	Khanh	KBNN Ninh Thuận				19	08	1998		DT Chăm	NV0381	2	Phòng thi số 05	
382	Lý Kim	Khanh	KBNN Cần Thơ				11	7	1991			NV0382	2	Phòng thi số 05	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Số báo danh	Cơ thí	Phòng thi số	Ghi chú	
				Năm			Ngày									
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
383	Đoàn Đức	Khánh	KBNN Đắk Lắk	08	09	1997					x		NV0383	2	Phòng thi số 05	
384	Nguyễn Hữu	Khánh	KBNN Kiên Giang	29	01	1991							NV0384	2	Phòng thi số 05	
385	Nguyễn Quốc	Khánh	KBNN TPHCM	11	9	1997							NV0385	2	Phòng thi số 05	
386	Trần Lê Thị Kim	Khánh	KBNN Bình Thuận				30	1	1983				NV0386	2	Phòng thi số 05	
387	Trần Quốc	Khánh	KBNN Khánh Hòa	12	7	1993							NV0387	2	Phòng thi số 05	
388	Nguyễn Hồng	Khéo	KBNN Cần Thơ				05	11	1986				NV0388	2	Phòng thi số 05	
389	Nguyễn Anh	Khuyết	KBNN Tây Ninh	22	06	1997							NV0389	2	Phòng thi số 05	
390	Nguyễn Anh	Khoa	KBNN Tiền Giang	01	01	1990							NV0390	2	Phòng thi số 05	
391	Nguyễn Đăng	Khoa	KBNN Tây Ninh	16	02	1990							NV0391	2	Phòng thi số 06	
392	Nguyễn Tấn	Khoa	KBNN TPHCM	10	1	1998							NV0392	2	Phòng thi số 06	
393	Nguyễn Đăng Như	Khuyết	KBNN Bình Định	16	02	1994							NV0393	2	Phòng thi số 06	
394	Trương Gia	Khương	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu	24	12	1998							NV0394	2	Phòng thi số 06	
395	Trần Thị Mai	Khuyến	KBNN Đắk Nông				20	10	1989				NV0395	2	Phòng thi số 06	
396	Nguyễn Trung	Kiến	KBNN Phú Yên	13	10	2001							NV0396	2	Phòng thi số 06	
397	Đặng Thị Thủy	Kiều	KBNN Sóc Trăng				15	6	1980	x			NV0397	2	Phòng thi số 06	
398	Lê Diễm	Kiều	KBNN TPHCM				8	4	1999				NV0398	2	Phòng thi số 06	
399	Nguyễn Thị	Kiều	KBNN Bình Định				06	9	1992				NV0399	2	Phòng thi số 06	
400	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	KBNN TPHCM				21	10	1999				NV0400	2	Phòng thi số 06	
401	Phan Thị Diễm	Kiều	KBNN Phú Yên				28	07	1997				NV0401	2	Phòng thi số 06	
402	Tô Thị	Kiều	KBNN Bạc Liêu				19	5	1985				NV0402	2	Phòng thi số 06	
403	Trần Lê Diễm	Kiều	KBNN TPHCM				9	4	1995				NV0403	2	Phòng thi số 06	
404	Lê Thị	Lôi	KBNN Tiền Giang				27	07	1983				NV0404	2	Phòng thi số 06	
405	Triệu Minh Thủy	Lam	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				25	12	1992				NV0405	2	Phòng thi số 06	
406	Bùi Hoàng	Lâm	KBNN Lâm Đồng	15	9	1997							NV0406	2	Phòng thi số 06	
407	Nguyễn Quốc	Lâm	KBNN TPHCM				22	1	1999				NV0407	2	Phòng thi số 06	
408	Nguyễn Thị	Lâm	KBNN Gia Lai				10	10	1999				NV0408	2	Phòng thi số 06	
409	Trần Văn	Lâm	KBNN TPHCM	15	11	2000							NV0409	2	Phòng thi số 06	
410	Bùi Thị	Lan	KBNN Gia Lai				09	03	1989				NV0410	2	Phòng thi số 06	
411	Hồ Thị Phương	Lan	KBNN TPHCM				5	5	1983				NV0411	2	Phòng thi số 06	
412	Hồ Thị Thanh	Lan	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				07	02	1992		Con TB		NV0412	2	Phòng thi số 06	
413	Nguyễn Lê Tuyết	Lan	KBNN Quảng Ngãi				20	11	1999				NV0413	2	Phòng thi số 06	
414	Nguyễn Phạm Nhũ	Lan	KBNN Tiền Giang				20	09	1999				NV0414	2	Phòng thi số 06	
415	Nguyễn Thị Minh	Lan	KBNN Bình Thuận				2	4	1989				NV0415	2	Phòng thi số 06	
416	Trần Thị	Lan	KBNN Phú Yên				12	07	1994				NV0416	2	Phòng thi số 06	
417	Trần Thị Thanh	Lê	KBNN Quảng Ngãi				04	02	1989				NV0417	2	Phòng thi số 06	
418	Đỗ Thị Kim	Lê	KBNN Phú Yên				02	09	1996				NV0418	2	Phòng thi số 06	
419	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	KBNN Quảng Ngãi				11	04	1992		CCNDHCSN TB		NV0419	2	Phòng thi số 06	
420	Nguyễn Thị Nhật	Lê	KBNN Phú Yên				20	10	1991				NV0420	2	Phòng thi số 06	
421	Võ Thị Minh	Lê	KBNN Lâm Đồng				21	7	1991				NV0421	2	Phòng thi số 07	
422	Bùi Duy	Liên	KBNN Phú Yên	19	06	2000							NV0422	2	Phòng thi số 07	
423	Đỗ Thị Kim	Liên	KBNN TPHCM				27	8	1994				NV0423	2	Phòng thi số 07	
424	Đỗ Thị Thủy	Liên	KBNN Tây Ninh				16	11	1986				NV0424	2	Phòng thi số 07	
425	Hồ Thị	Liên	KBNN Quảng Nam				10	4	1992		CCNDHCSN TB		NV0425	2	Phòng thi số 07	
426	Lâm Thu	Liên	KBNN Bình Thuận				28	9	1997		DT Hàn		NV0426	2	Phòng thi số 07	
427	Lê Thu Bích	Liên	KBNN Đắk Lắk				10	01	1998				NV0427	2	Phòng thi số 07	
428	Trần Thị Bích	Liên	KBNN Bình Định				17	6	1989				NV0428	2	Phòng thi số 07	
429	Trần Thị Bích	Liên	KBNN Phú Yên				29	10	1988				NV0429	2	Phòng thi số 07	
430	Nguyễn Thị	Liễu	KBNN TPHCM				26	8	1988				NV0430	2	Phòng thi số 07	
431	Cao Thị Mỹ	Linh	KBNN Khánh Hòa				1	9	1991				NV0431	2	Phòng thi số 07	
432	Đỗ Thủy	Linh	KBNN Bạc Liêu				11	10	1997				NV0432	2	Phòng thi số 07	
433	Hồ Thị Khanh	Linh	KBNN TPHCM				5	2	1986				NV0433	2	Phòng thi số 07	
434	Hồ Thị Mỹ	Linh	KBNN TPHCM				21	4	1994				NV0434	2	Phòng thi số 07	
435	Hồ Thị Thủy	Linh	KBNN Đắk Lắk				04	01	1988				NV0435	2	Phòng thi số 07	
436	Hoàng Thị Mỹ	Linh	KBNN Bình Định				08	5	1994				NV0436	2	Phòng thi số 07	
437	Huỳnh Ai	Linh	KBNN Cần Thơ				09	5	1999				NV0437	2	Phòng thi số 07	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
438	Huỳnh Mỹ	Linh	KBNN Sóc Trăng				02	04	1997			NV0438	2	Phòng thi số 07	
439	Huỳnh Thị	Linh	KBNN Đắk Lắk				12	02	1998			NV0439	2	Phòng thi số 07	
440	Huỳnh Thị Yên	Linh	KBNN Kiên Giang				22	09	1993			NV0440	2	Phòng thi số 07	
441	Lê Phương	Linh	KBNN TPHCM				3	11	1999			NV0441	2	Phòng thi số 07	
442	Lê Thị Trúc	Linh	KBNN Khánh Hòa				21	1	1996			NV0442	2	Phòng thi số 07	
443	Lê Thị Trúc	Linh	KBNN Tiền Giang				28	12	1992			NV0443	2	Phòng thi số 07	
444	Lương Thảo	Linh	KBNN Phú Yên				05	11	1999			NV0444	2	Phòng thi số 07	
445	Mai Thị Ngọc	Linh	KBNN Kon Tum				08	04	1993			NV0445	2	Phòng thi số 07	
446	Nguyễn Kiều	Linh	KBNN Cà Mau				25	10	1991			NV0446	2	Phòng thi số 07	
447	Nguyễn Ngọc	Linh	KBNN Gia Lai	27	02	1995						NV0447	2	Phòng thi số 07	
448	Nguyễn Thảo	Linh	KBNN Cà Mau				20	11	1999			NV0448	2	Phòng thi số 07	
449	Nguyễn Lê Châu	Linh	KBNN TPHCM				3	6	1988			NV0449	2	Phòng thi số 07	
450	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	KBNN Trà Vinh				29	9	1993			NV0450	2	Phòng thi số 07	
451	Nguyễn Thị Diệu	Linh	KBNN Gia Lai				29	05	1994			NV0451	2	Phòng thi số 08	
452	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	KBNN Gia Lai				15	08	1999			NV0452	2	Phòng thi số 08	
453	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	KBNN TPHCM				2	1	2000			NV0453	2	Phòng thi số 08	
454	Phạm Thị Ngọc	Linh	KBNN Kon Tum				05	04	1996			NV0454	2	Phòng thi số 08	
455	Phan Thị Diệu	Linh	KBNN Đắk Lắk				29	06	1998			NV0455	2	Phòng thi số 08	
456	Tổng Nguyễn Khánh	Linh	KBNN TPHCM				9	7	1999			NV0456	2	Phòng thi số 08	
457	Trần Thị Diệu	Linh	KBNN Đắk Nông				11	09	1999			NV0457	2	Phòng thi số 08	
458	Trần Thị Thủy	Linh	KBNN Phú Yên				09	10	1995			NV0458	2	Phòng thi số 08	
459	Trần Thị Thủy	Linh	KBNN Phú Yên				07	12	1992			NV0459	2	Phòng thi số 08	
460	Trinh Thị Thảo	Linh	KBNN TPHCM				27	1	1993			NV0460	2	Phòng thi số 08	
461	Trương Mỹ	Linh	KBNN TPHCM				29	6	1992			NV0461	2	Phòng thi số 08	
462	Võ Yến	Linh	KBNN Cần Thơ				15	3	1989			NV0462	2	Phòng thi số 08	
463	Võ Lê Thủy	Linh	KBNN Bình Định				28	3	1998			NV0463	2	Phòng thi số 08	
464	Võ Thị Mỹ	Linh	KBNN Quảng Nam				10	12	1988			NV0464	2	Phòng thi số 08	
465	Vũ Hoài	Linh	KBNN Kon Tum				23	02	1992			NV0465	2	Phòng thi số 08	
466	Vũ Khánh	Linh	KBNN TPHCM				11	9	1994			NV0466	2	Phòng thi số 08	
467	Ka	Lis	KBNN Lâm Đồng				30	12	1991		DT Cơ Ho	NV0467	2	Phòng thi số 08	
468	Diệp Hồng	Loan	KBNN Trà Vinh				10	10	1994			NV0468	2	Phòng thi số 08	
469	Ngô Thị	Loan	KBNN Khánh Hòa				5	9	1998			NV0469	2	Phòng thi số 08	
470	Nguyễn Thị Kim	Loan	KBNN Quảng Ngãi				01	04	1990			NV0470	2	Phòng thi số 08	
471	Nguyễn Thị Thủy	Loan	KBNN TPHCM				28	10	1993			NV0471	2	Phòng thi số 08	
472	Phùng Thị	Loan	KBNN Bạc Liêu				06	5	1993			NV0472	2	Phòng thi số 08	
473	Trần Thị Bích	Loan	KBNN An Giang				14	04	1992			NV0473	2	Phòng thi số 08	
474	Hồ Thị Mỹ	Lộc	KBNN Đắk Lắk				20	10	1990			NV0474	2	Phòng thi số 08	
475	Nông Phước	Lộc	KBNN Đồng Nai	11	01	1993						NV0475	2	Phòng thi số 08	
476	Nguyễn Thị Thanh	Lợi	KBNN Quảng Ngãi				20	11	1999			NV0476	2	Phòng thi số 08	
477	Bùi Vũ	Long	KBNN Phú Yên	12	03	2000						NV0477	2	Phòng thi số 08	
478	Đặng Thanh	Long	KBNN Bình Định	10	6	1984						NV0478	2	Phòng thi số 08	
479	Huỳnh Phi	Long	KBNN Tây Ninh	12	02	1999						NV0479	2	Phòng thi số 08	
480	Lê Võ	Long	KBNN Phú Yên	02	10	1989						NV0480	2	Phòng thi số 08	
481	Ta Nguyễn Hoàng	Long	KBNN TPHCM	17	10	2000						NV0481	3	Phòng thi số 01	
482	Trần Lê Hồng	Long	KBNN TPHCM	26	8	1987						NV0482	3	Phòng thi số 01	
483	Trần Minh	Luân	KBNN TPHCM	8	11	1992				x		NV0483	3	Phòng thi số 01	
484	Trần Nguyễn Đình	Luật	KBNN Tây Ninh	24	01	1977						NV0484	3	Phòng thi số 01	
485	Ninh Văn	Lương	KBNN Đắk Lắk	29	12	1993						NV0485	3	Phòng thi số 01	
486	Hồ Quý	Ly	KBNN Quảng Nam				22	01	1993			NV0486	3	Phòng thi số 01	
487	Huỳnh Thị	Ly	KBNN Quảng Ngãi				07	05	1993			NV0487	3	Phòng thi số 01	
488	Lê Thị Hoài	Ly	KBNN Quảng Nam				04	02	1994			NV0488	3	Phòng thi số 01	
489	Ngô Thị Bích	Ly	KBNN TPHCM				2	8	1999			NV0489	3	Phòng thi số 01	
490	Nguyễn Phương	Ly	KBNN TPHCM				26	8	1999			NV0490	3	Phòng thi số 01	
491	Nguyễn Thị Hương	Ly	KBNN Đắk Lắk				12	09	1997			NV0491	3	Phòng thi số 01	
492	Trần Thị Chúc	Ly	KBNN An Giang				08	10	1989			NV0492	3	Phòng thi số 01	
493	Nguyễn Thị	Lý	KBNN Cà Mau				27	8	1989			NV0493	3	Phòng thi số 01	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
494	Phạm Thị Cảnh	Lý	KBNN Quảng Nam				01	01	1993			NV0494	3	Phòng thi số 01	
495	Phan Thị Yên	Lý	KBNN Đắk Lắk				29	10	1992			NV0495	3	Phòng thi số 01	
496	Đinh Thị Tuyết	Mai	KBNN Lâm Đồng				15	02	1989		DT Tây	NV0496	3	Phòng thi số 01	
497	Hà Thủy	Mai	KBNN Dak Nong				12	10	1995			NV0497	3	Phòng thi số 01	
498	Hồ Thanh	Mai	KBNN Tiền Giang				09	09	1999			NV0498	3	Phòng thi số 01	
499	Nguyễn Thị Sao	Mai	KBNN TPHCM				10	9	1998			NV0499	3	Phòng thi số 01	
500	A	Mào	KBNN Kon Tum	09	06	1987					DT Jara	NV0500	3	Phòng thi số 01	
501	Vương Thị	Mến	KBNN Đồng Nai				01	9	1996	x	Con TB	NV0501	3	Phòng thi số 01	
502	Hồ Thị Hồng	Mi	KBNN Long An				08	03	1992			NV0502	3	Phòng thi số 01	
503	Lê Thị Kiều	Mi	KBNN Trà Vinh				06	6	1992			NV0503	3	Phòng thi số 01	
504	Trần Thảo	Mi	KBNN Tây Ninh				29	09	1994			NV0504	3	Phòng thi số 01	
505	Dương Bình	Minh	KBNN TPHCM	28	11	1997						NV0505	3	Phòng thi số 01	
506	Nguyễn Công	Minh	KBNN Tiền Giang	07	06	1989					HTNVQS	NV0506	3	Phòng thi số 01	
507	Nguyễn Cao Quang	Minh	KBNN TPHCM	29	12	1999						NV0507	3	Phòng thi số 01	
508	Nguyễn Ngọc Thiên	Minh	KBNN Khánh Hòa				30	11	1996			NV0508	3	Phòng thi số 01	
509	Trần Đức	Minh	KBNN TPHCM	1	5	1997						NV0509	3	Phòng thi số 01	
510	Trần Quang	Minh	KBNN TPHCM	28	8	1992						NV0510	3	Phòng thi số 01	
511	Nguyễn Ngọc	Muội	KBNN Sóc Trăng	25	07	1983					HTNVQS	NV0511	3	Phòng thi số 02	
512	Đỗ Thị Kiều	My	KBNN Sóc Trăng				15	04	1992			NV0512	3	Phòng thi số 02	
513	Nguyễn Thị Như	My	KBNN Quảng Ngãi				10	06	1991			NV0513	3	Phòng thi số 02	
514	Nguyễn Thị Thảo	My	KBNN Bạc Liêu				18	7	1997			NV0514	3	Phòng thi số 02	
515	Nguyễn Thị Tra	My	KBNN TPHCM				9	10	1995			NV0515	3	Phòng thi số 02	
516	Nguyễn Thị Thủy	My	KBNN Khánh Hòa				29	3	1998			NV0516	3	Phòng thi số 02	
517	Trương Trí	My	KBNN TPHCM				16	8	1999			NV0517	3	Phòng thi số 02	
518	Trương Thị Tré	My	KBNN Bình Định				09	12	1997		CCNBHCSN TB	NV0518	3	Phòng thi số 02	
519	Đặng Ái	Mỹ	KBNN Khánh Hòa				9	8	1996			NV0519	3	Phòng thi số 02	
520	Đoàn Thụy Ngọc	Mỹ	KBNN Đồng Tháp				05	8	1996			NV0520	3	Phòng thi số 02	
521	Huỳnh Thị Hoài	Mỹ	KBNN Cà Mau				20	10	1992			NV0521	3	Phòng thi số 02	
522	Nguyễn Trần Khánh	Mỹ	KBNN Quảng Nam				17	12	1996			NV0522	3	Phòng thi số 02	
523	Trịnh Thị Ngọc	Mỹ	KBNN Khánh Hòa				11	8	1988			NV0523	3	Phòng thi số 02	
524	Đỗ Nhật	Nam	KBNN Bình Phước	16	02	1999						NV0524	3	Phòng thi số 02	
525	Hà Phương	Nam	KBNN Đồng Nai	16	9	1996						NV0525	3	Phòng thi số 02	
526	Nguyễn Gia	Nam	KBNN Tây Ninh				06	12	1996			NV0526	3	Phòng thi số 02	
527	Phạm Văn	Nam	KBNN Bình Dương	26	03	1999						NV0527	3	Phòng thi số 02	
528	Vô Thị Bé	Nam	KBNN An Giang				07	01	1994			NV0528	3	Phòng thi số 02	
529	Đoàn Thị Thanh	Nga	KBNN Quảng Nam				05	12	1985			NV0529	3	Phòng thi số 02	
530	Lê Thành	Nga	KBNN Sóc Trăng	23	05	1988				x	HTNVQS	NV0530	3	Phòng thi số 02	
531	Lê Thị Thanh	Nga	KBNN Quảng Nam				27	9	1987			NV0531	3	Phòng thi số 02	
532	Nguyễn Thị	Nga	KBNN Quảng Nam				10	10	1998			NV0532	3	Phòng thi số 02	
533	Nguyễn Thủy	Nga	KBNN Gia Lai				04	09	1997			NV0533	3	Phòng thi số 02	
534	Nguyễn Thị Thu	Nga	KBNN An Giang				24	08	1992			NV0534	3	Phòng thi số 02	
535	Nguyễn Thị Thủy	Nga	KBNN Đắk Lắk				08	03	1990			NV0535	3	Phòng thi số 02	
536	Phạm Thị Huyền	Nga	KBNN Quảng Nam				19	5	1992			NV0536	3	Phòng thi số 02	
537	Trần Thị	Nga	KBNN Dak Nong				27	4	1995			NV0537	3	Phòng thi số 02	
538	Trần Thị Hằng	Nga	KBNN Kon Tum				15	09	1996			NV0538	3	Phòng thi số 02	
539	Trương Thị Hằng	Nga	KBNN Gia Lai				16	06	1995			NV0539	3	Phòng thi số 02	
540	Đinh Thị Kim	Ngân	KBNN Gia Lai				28	03	1997			NV0540	3	Phòng thi số 02	
541	Đỗ Thủy	Ngân	KBNN Quảng Ngãi				27	05	1995			NV0541	3	Phòng thi số 03	
542	Dương Thanh	Ngân	KBNN Bạc Liêu				22	8	1994			NV0542	3	Phòng thi số 03	
543	Dương Thị Báo	Ngân	KBNN TPHCM				10	9	1991			NV0543	3	Phòng thi số 03	
544	Hà Thị Kim	Ngân	KBNN TPHCM				18	10	1987			NV0544	3	Phòng thi số 03	
545	Huỳnh Thị Kun	Ngân	KBNN Long An				27	07	1986			NV0545	3	Phòng thi số 03	
546	Lê Thị Ái	Ngân	KBNN Tiền Giang				15	12	1993			NV0546	3	Phòng thi số 03	
547	Lê Thị Phương	Ngân	KBNN TPHCM				1	8	1994			NV0547	3	Phòng thi số 03	
548	Lê Xuân Kim	Ngân	KBNN Khánh Hòa				9	5	2000			NV0548	3	Phòng thi số 03	
549	Lương Đức Kim	Ngân	KBNN Bình Thuận				20	8	1994		DT Chăm	NV0549	3	Phòng thi số 03	

STT	Họ và tên đến	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Mức thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
550	Nguyễn Thị	Ngân	KBNN Long An				20	06	1998			NV0550	3	Phòng thi số 03	
551	Nguyễn Hoàng Nhái	Ngân	KBNN Tây Ninh				04	04	2000			NV0551	3	Phòng thi số 03	
552	Nguyễn Hoàng Nhái	Ngân	KBNN Tây Ninh				04	04	2000			NV0552	3	Phòng thi số 03	
553	Nguyễn Thị Kim	Ngân	KBNN TPHCM				26	10	1993			NV0553	3	Phòng thi số 03	
554	Nguyễn Thị Như	Ngân	KBNN Bình Định				22	7	1982			NV0554	3	Phòng thi số 03	
555	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	KBNN Vĩnh Long				20	12	1999			NV0555	3	Phòng thi số 03	
556	Phạm Thị Bảo	Ngân	KBNN Khánh Hòa				6	7	1989			NV0556	3	Phòng thi số 03	
557	Trần Thị Kim	Ngân	KBNN Phú Yên				12	12	1987			NV0557	3	Phòng thi số 03	
558	Trần Thị Kuro	Ngân	KBNN TPHCM				8	1	1996			NV0558	3	Phòng thi số 03	
559	Trương Đỗ Kim	Ngân	KBNN Trà Vinh				18	10	1991	x		NV0559	3	Phòng thi số 03	
560	Hồ Thị	Ngân	KBNN Khánh Hòa				8	2	1982			NV0560	3	Phòng thi số 03	
561	Hà Phước	Nghĩa	KBNN Quảng Nam	22	10	1992						NV0561	3	Phòng thi số 03	
562	Nguyễn Trung	Nghĩa	KBNN Bình Định	07	01	1992						NV0562	3	Phòng thi số 03	
563	Bùi Thị Như	Ngọc	KBNN Sóc Trăng				15	10	1997			NV0563	3	Phòng thi số 03	
564	Đặng Thảo	Ngọc	KBNN Bến Tre				20	09	1995			NV0564	3	Phòng thi số 03	
565	Đoàn Như	Ngọc	KBNN Quảng Nam				16	7	1998			NV0565	3	Phòng thi số 03	
566	Đoàn Thị	Ngọc	KBNN Đồng Tháp				04	6	1988			NV0566	3	Phòng thi số 03	
567	Hà Như	Ngọc	KBNN Bình Thuận				5	4	1992			NV0567	3	Phòng thi số 03	
568	Lê Bảo	Ngọc	KBNN Cà Mau				05	8	2000			NV0568	3	Phòng thi số 03	
569	Lê Bảo	Ngọc	KBNN Lâm Đồng				16	8	1995			NV0569	3	Phòng thi số 03	
570	Lương Hồng	Ngọc	KBNN Bạc Liêu				26	7	2000			NV0570	3	Phòng thi số 03	
571	Nguyễn Phương Như	Ngọc	KBNN Long An				08	12	1994			NV0571	3	Phòng thi số 04	
572	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	KBNN TPHCM				26	12	1987			NV0572	3	Phòng thi số 04	
573	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	KBNN Phú Yên				20	02	1990			NV0573	3	Phòng thi số 04	
574	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	KBNN An Giang				06	12	1998			NV0574	3	Phòng thi số 04	
575	Nguyễn Thị Như	Ngọc	KBNN Bình Định				21	02	1994			NV0575	3	Phòng thi số 04	
576	Nguyễn Thị Như	Ngọc	KBNN Cà Mau				09	01	1995			NV0576	3	Phòng thi số 04	
577	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	KBNN Tiền Giang				12	03	1998			NV0577	3	Phòng thi số 04	
578	Phan Thị Hồng	Ngọc	KBNN An Giang				10	06	1992			NV0578	3	Phòng thi số 04	
579	Phùng Thị	Ngọc	KBNN Phú Yên				10	02	1991			NV0579	3	Phòng thi số 04	
580	Quách Tuyết	Ngọc	KBNN TPHCM				18	10	2000			NV0580	3	Phòng thi số 04	
581	Trần Bảo	Ngọc	KBNN Gia Lai				09	02	2000			NV0581	3	Phòng thi số 04	
582	Trần Hoài	Ngọc	KBNN Tây Ninh				30	09	1992			NV0582	3	Phòng thi số 04	
583	Trần Phạm Bích	Ngọc	KBNN Long An				07	08	1994			NV0583	3	Phòng thi số 04	
584	Trần Thị Hồng	Ngọc	KBNN Quảng Nam				26	6	1991			NV0584	3	Phòng thi số 04	
585	Trịnh Thị Hồng	Ngọc	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				19	3	1989		Con TB	NV0585	3	Phòng thi số 04	
586	Võ Hồng Như	Ngọc	KBNN Đồng Tháp				22	01	1992			NV0586	3	Phòng thi số 04	
587	Võ Lâm Tiểu	Ngọc	KBNN Phú Yên				11	02	1994			NV0587	3	Phòng thi số 04	
588	Vũ Thị Hồng	Ngọc	KBNN Kon Tum				01	11	1994			NV0588	3	Phòng thi số 04	
589	Hồ Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Cà Mau				19	11	1996		DT Khmer	NV0589	3	Phòng thi số 04	
590	Huỳnh Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Quảng Nam				22	06	1994			NV0590	3	Phòng thi số 04	
591	Lê Hạnh	Nguyễn	KBNN Bến Tre				08	01	1999			NV0591	3	Phòng thi số 04	
592	Lê Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Cần Thơ				09	9	1998			NV0592	3	Phòng thi số 04	
593	Ngô Sĩ	Nguyễn	KBNN TPHCM	2	11	1997						NV0593	3	Phòng thi số 04	
594	Nguyễn Thảo	Nguyễn	KBNN Cà Mau				15	12	1988			NV0594	3	Phòng thi số 04	
595	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Đắk Lắk				21	10	1995			NV0595	3	Phòng thi số 04	
596	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Kon Tum				15	02	1996			NV0596	3	Phòng thi số 04	
597	Phan Hoàng	Nguyễn	KBNN Kiên Giang				20	09	1993			NV0597	3	Phòng thi số 04	
598	Trương Trọng Minh	Nguyễn	KBNN Bình Thuận				13	10	1991			NV0598	3	Phòng thi số 04	
599	Võ Tú	Nguyễn	KBNN Sóc Trăng				06	09	1989			NV0599	3	Phòng thi số 04	
600	Võ Trọng	Nguyễn	KBNN TPHCM	6	5	1993						NV0600	3	Phòng thi số 04	
601	Ngô Thị Ánh	Nguyễn	KBNN Quảng Nam				10	9	1988			NV0601	3	Phòng thi số 05	
602	Nguyễn Thị Ánh	Nguyễn	KBNN Bình Định				09	6	1994			NV0602	3	Phòng thi số 05	
603	Nguyễn Thị Thu	Nguyễn	KBNN Đắk Lắk				28	07	1991			NV0603	3	Phòng thi số 05	
604	Nguyễn Tài Yến	Nguyễn	KBNN Trà Vinh				08	6	1990			NV0604	3	Phòng thi số 05	
605	Phạm Minh	Nguyễn	KBNN TPHCM				21	5	1999		DT Mường	NV0605	3	Phòng thi số 05	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Năm			Tháng								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
606	Trần Ánh	Nguyễn	KBNN TPHCM				6	7	1993		Con TB	NV0606	3	Phòng thi số 05	
607	Trần Thị	Nguyễn	KBNN TPHCM				1	4	1998			NV0607	3	Phòng thi số 05	
608	Lê Thị Thanh	Nhân	KBNN Bình Định				26	6	1999			NV0608	3	Phòng thi số 05	
609	Trần Thị Thanh	Nhân	KBNN TPHCM				24	5	1987			NV0609	3	Phòng thi số 05	
610	Đỗ Quang	Nhân	KBNN Tiền Giang	10	08	1996						NV0610	3	Phòng thi số 05	
611	Huỳnh Văn	Nhân	KBNN Bến Tre	22	06	1988				x		NV0611	3	Phòng thi số 05	
612	Nguyễn Huỳnh	Nhân	KBNN Khánh Hòa	15	12	1995						NV0612	3	Phòng thi số 05	
613	Trần Minh	Nhân	KBNN An Giang	22	01	1994						NV0613	3	Phòng thi số 05	
614	Trần Đoàn Quý	Nhân	KBNN TPHCM				16	3	1995			NV0614	3	Phòng thi số 05	
615	Võ Thành	Nhân	KBNN TPHCM	20	11	1999						NV0615	3	Phòng thi số 05	
616	Lê Thị Hồng	Nhân	KBNN TPHCM				22	10	1986			NV0616	3	Phòng thi số 05	
617	Tô Minh	Nhật	KBNN Khánh Hòa				26	9	1989			NV0617	3	Phòng thi số 05	
618	Hồ Thị Yến	Như	KBNN Bình Định				12	8	1992			NV0618	3	Phòng thi số 05	
619	Huỳnh Thị Yến	Như	KBNN Bình Thuận				10	9	1992			NV0619	3	Phòng thi số 05	
620	Lâm Yến	Như	KBNN Cần Thơ				01	02	1995			NV0620	3	Phòng thi số 05	
621	Lê Đồng Ý	Như	KBNN Bình Thuận				15	12	1994			NV0621	3	Phòng thi số 05	
622	Lê Thị Kiên	Như	KBNN Phú Yên				06	10	1989			NV0622	3	Phòng thi số 05	
623	Lưu Ngọc Yến	Như	KBNN Cần Thơ				08	10	1999			NV0623	3	Phòng thi số 05	
624	Nguyễn Thị Kiều	Như	KBNN Phú Yên				15	11	1992			NV0624	3	Phòng thi số 05	
625	Nguyễn Thị Lan	Như	KBNN TPHCM				2	1	1998			NV0625	3	Phòng thi số 05	
626	Nguyễn Thị Mỹ	Như	KBNN Quảng Nam				19	7	1999			NV0626	3	Phòng thi số 05	
627	Nguyễn Thị Phương	Như	KBNN Đắk Lắk				03	04	1995			NV0627	3	Phòng thi số 05	
628	Nguyễn Thị Yến	Như	KBNN Kon Tum				14	12	1992			NV0628	3	Phòng thi số 05	
629	Phạm Yến	Như	KBNN Tây Ninh				15	10	1989			NV0629	3	Phòng thi số 05	
630	Phan Tuyết	Như	KBNN An Giang				18	01	1994			NV0630	3	Phòng thi số 05	
631	Trần Nguyễn Thảo	Như	KBNN Lâm Đồng				18	1	1998			NV0631	3	Phòng thi số 06	
632	Trần Thị Kiều	Như	KBNN Phú Yên				05	4	1991			NV0632	3	Phòng thi số 06	
633	Trần Thị Thanh	Như	KBNN Phú Yên				12	08	1992			NV0633	3	Phòng thi số 06	
634	Nguyễn Thị Bích	Nhiên	KBNN Đắk Lắk				20	11	1988			NV0634	3	Phòng thi số 06	
635	Nguyễn Thị	Nhỏ	KBNN Cà Mau				12	5	1995			NV0635	3	Phòng thi số 06	
636	Nguyễn Thị Kim	Nhỏ	KBNN Kiên Giang				20	04	1992			NV0636	3	Phòng thi số 06	
637	Lê Thị Hoài	Nhỏ	KBNN Khánh Hòa				1	10	1991			NV0637	3	Phòng thi số 06	
638	Bùi Thị Quỳnh	Như	KBNN Kon Tum				23	10	1991			NV0638	3	Phòng thi số 06	
639	Đỗ Yến	Như	KBNN TPHCM				22	11	2000		DT Nùng	NV0639	3	Phòng thi số 06	
640	Đỗ Thu Huỳnh	Như	KBNN Bến Tre				20	07	1997			NV0640	3	Phòng thi số 06	
641	Đỗ Thị Ngọc	Như	KBNN Cần Thơ				06	01	1999			NV0641	3	Phòng thi số 06	
642	Huỳnh Thị	Như	KBNN Bình Định				17	12	1991			NV0642	3	Phòng thi số 06	
643	Ngô Trương Huỳnh	Như	KBNN Long An				12	01	1990			NV0643	3	Phòng thi số 06	
644	Nguyễn Thị	Như	KBNN Sóc Trăng				02	09	1994			NV0644	3	Phòng thi số 06	
645	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	KBNN An Giang				21	06	2000			NV0645	3	Phòng thi số 06	
646	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	KBNN Cà Mau				25	4	1996			NV0646	3	Phòng thi số 06	
647	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	KBNN TPHCM				18	4	1998			NV0647	3	Phòng thi số 06	
648	Nguyễn Thị Khanh	Như	KBNN Đồng Nai				10	10	1987			NV0648	3	Phòng thi số 06	
649	Nguyễn Thị Tuyết	Như	KBNN Tây Ninh				01	01	1986			NV0649	3	Phòng thi số 06	
650	Bùi Thị	Nhung	KBNN TPHCM				29	8	1995			NV0650	3	Phòng thi số 06	
651	Huỳnh Thị	Nhung	KBNN Quảng Nam				24	9	1991		Con TH	NV0651	3	Phòng thi số 06	
652	Lê Thị Hồng	Nhung	KBNN Gia Lai				02	06	1997			NV0652	3	Phòng thi số 06	
653	Lê Thị Hồng	Nhung	KBNN Phú Yên				09	04	1991			NV0653	3	Phòng thi số 06	
654	Lê Thị Ngọc	Nhung	KBNN Bình Dương				12	8	1995			NV0654	3	Phòng thi số 06	
655	Ngô Lê Tuyết	Nhung	KBNN Bình Thuận				4	8	1997			NV0655	3	Phòng thi số 06	
656	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	KBNN TPHCM				11	5	1996			NV0656	3	Phòng thi số 06	
657	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	KBNN Bình Dương				27	5	1998			NV0657	3	Phòng thi số 06	
658	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	KBNN Tiền Giang				01	12	1997			NV0658	3	Phòng thi số 06	
659	Phạm Thị Hồng	Nhung	KBNN Gia Lai				08	07	2000			NV0659	3	Phòng thi số 06	
660	Phan Cẩm	Nhung	KBNN Quảng Nam				12	3	1992		Con TB	NV0660	3	Phòng thi số 06	
661	Phan Thị Tuyết	Nhung	KBNN Kon Tum				03	08	1991			NV0661	3	Phòng thi số 07	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
662	Quảng Tài Mỹ	Nhung	KBNN Khánh Hòa				15	11	1991			NV0662	3	Phòng thi số 07	
663	Trần Thị Tuyết	Nhung	KBNN TPHCM				19	5	1996			NV0663	3	Phòng thi số 07	GCNTN
664	Võ Thị Cẩm	Nhung	KBNN Quảng Nam				02	12	1991			NV0664	3	Phòng thi số 07	
665	Nguyễn Hằng	Ni	KBNN Cà Mau				08	10	1988			NV0665	3	Phòng thi số 07	
666	Nguyễn Hằng	Ni	KBNN Phú Yên				08	11	1993			NV0666	3	Phòng thi số 07	
667	H Hưm	Niê	KBNN Đắk Lắk				11	07	1993		DT Ế đê	NV0667	3	Phòng thi số 07	
668	Phan Thị Thái	Ninh	KBNN Đắk Lắk				22	03	1995			NV0668	3	Phòng thi số 07	
669	Trần Thị Ngọc	Nô	KBNN An Giang				09	10	1995			NVC669	3	Phòng thi số 07	
670	Võ Thị Mỹ	Non	KBNN Tiền Giang				01	5	1988			NV0670	3	Phòng thi số 07	
671	Lê Nguyễn Ngọc	Nuong	KBNN Lâm Đồng				07	10	1994			NV0671	3	Phòng thi số 07	
672	Trần Tuyết	Nuong	KBNN Sóc Trăng				24	10	1991			NV0672	3	Phòng thi số 07	
673	Nguyễn Thụy Út	Ny	KBNN Quảng Nam				06	8	1993			NV0673	3	Phòng thi số 07	
674	Châu Ngọc Yến	Oanh	KBNN Cần Thơ				10	10	1997			NVC674	3	Phòng thi số 07	
675	Lương Thị Kiều	Oanh	KBNN TPHCM				31	10	2000			NV0675	3	Phòng thi số 07	
676	Lý Thị Kim	Oanh	KBNN TPHCM				23	6	1986			NV0676	3	Phòng thi số 07	
677	Nguyễn Thị Tú	Oanh	KBNN Đồng Nai				28	8	1998			NV0677	3	Phòng thi số 07	
678	Trần Mỹ	Oanh	KBNN Bạc Liêu				29	7	1994		DT Hoa	NV0678	3	Phòng thi số 07	
679	Trần Thị	Oanh	KBNN Đắk Lắk				20	11	1992			NV0679	3	Phòng thi số 07	
680	Trần Thị Thủy	Oanh	KBNN An Giang				10	02	1985			NV0680	3	Phòng thi số 07	
681	Vũ Thị Kiều	Oanh	KBNN TPHCM				22	5	1994	x		NV0681	3	Phòng thi số 07	
682	Bùi Kim	Pha	KBNN Bến Tre				05	11	1999			NV0682	3	Phòng thi số 07	
683	Nguyễn Tấn	Pháp	KBNN Gia Lai	18	12	1995						NV0683	3	Phòng thi số 07	
684	Hà Tiến	Phát	KBNN TPHCM	10	8	1996						NV0684	3	Phòng thi số 07	
685	Trương Thị Hồng	Phiến	KBNN Bến Tre				20	02	1989			NV0685	3	Phòng thi số 07	
686	Nguyễn Thanh	Phong	KBNN Bình Dương	19	7	1995						NV0686	3	Phòng thi số 07	
687	Bùi Thị Hồng	Phúc	KBNN TPHCM				17	2	1992			NV0687	3	Phòng thi số 07	
688	Đinh Ngũ Gia	Phúc	KBNN Sóc Trăng				08	09	1989			NV0688	3	Phòng thi số 07	
689	Dương Tài Kim	Phúc	KBNN Quảng Nam				01	01	1992			NV0689	3	Phòng thi số 07	
690	Huỳnh Thị Diễm	Phúc	KBNN Phú Yên				05	01	2001			NV0690	3	Phòng thi số 07	GCNTN
691	Nguyễn Đào Diễm	Phúc	KBNN Sóc Trăng				29	08	1988	x		NV0691	3	Phòng thi số 08	
692	Nguyễn Trần Thị	Phúc	KBNN TPHCM				26	6	1990			NV0692	3	Phòng thi số 08	
693	Trương Thanh	Phúc	KBNN Phú Yên				29	06	1994			NV0693	3	Phòng thi số 08	
694	Trương Thị Hồng	Phúc	KBNN Khánh Hòa				20	5	1993			NV0694	3	Phòng thi số 08	
695	Vũ Hồng	Phúc	KBNN Long An	03	04	1999						NV0695	3	Phòng thi số 08	
696	Vũ Hồng	Phúc	KBNN Đắk Lắk	17	09	1998						NV0696	3	Phòng thi số 08	
697	Vũ Hồng	Phúc	KBNN TPHCM	12	6	2000						NV0697	3	Phòng thi số 08	
698	Nguyễn Tiểu	Phung	KBNN Kiên Giang				29	05	1992			NV0698	3	Phòng thi số 08	
699	Trần Thị	Phung	KBNN Quảng Ngãi				20	09	1993			NV0699	3	Phòng thi số 08	
700	Vũ Thị Kim	Phung	KBNN Tây Ninh				27	10	1991			NV0700	3	Phòng thi số 08	
701	Nguyễn Duy	Phước	KBNN Lâm Đồng	17	4	1997						NV0701	3	Phòng thi số 08	
702	Vũ Thụy Hồng	Phước	KBNN Gia Lai				09	10	2000			NV0702	3	Phòng thi số 08	
703	Bùi Lê Thanh	Phượng	KBNN Khánh Hòa				3	7	1994			NV0703	3	Phòng thi số 08	
704	Đặng Lưu Bích	Phượng	KBNN Phú Yên				01	08	1990			NV0704	3	Phòng thi số 08	
705	Đỗ Huỳnh Trúc	Phượng	KBNN Kiên Giang				27	11	2000			NV0705	3	Phòng thi số 08	
706	Đỗ Thị Quỳnh	Phượng	KBNN Bình Thuận				23	10	1995			NV0706	3	Phòng thi số 08	
707	Hứa Thị Mỹ	Phượng	KBNN An Giang				24	09	1993			NV0707	3	Phòng thi số 08	
708	Lê Thu	Phượng	KBNN Đắk Lắk				09	04	1994			NV0708	3	Phòng thi số 08	
709	Lê Thị Hồng	Phượng	KBNN TPHCM				1	5	1998			NV0709	3	Phòng thi số 08	
710	Lê Thị Lan	Phượng	KBNN Đồng Tháp				10	6	1988			NV0710	3	Phòng thi số 08	
711	Ngô Thu	Phượng	KBNN Bình Dương				28	8	1997			NV0711	3	Phòng thi số 08	
712	Nguyễn Hồng	Phượng	KBNN Khánh Hòa				17	12	1987			NV0712	3	Phòng thi số 08	
713	Nguyễn Thanh	Phượng	KBNN Bạc Liêu	19	02	1987						NV0713	3	Phòng thi số 08	
714	Nguyễn Thị Bình	Phượng	KBNN Cần Thơ				30	01	1989			NV0714	3	Phòng thi số 08	
715	Nguyễn Thị Loan	Phượng	KBNN Kon Tum				12	07	1992			NV0715	3	Phòng thi số 08	
716	Nguyễn Thị Minh	Phượng	KBNN Tây Ninh				27	03	1995			NV0716	3	Phòng thi số 08	
717	Nguyễn Thị Tô	Phượng	KBNN Phú Yên				02	01	1994			NV0717	3	Phòng thi số 08	

204

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi nguyên ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
718	Nguyễn Thị Tuyết	Phượng	KBNN Tiền Giang				04	3	1989	x		NV0718	3	Phòng thi số 08	
719	Tôn Nữ Quỳnh	Phượng	KBNN Kiên Giang				03	10	1993			NV0719	3	Phòng thi số 08	
720	Vũ Minh	Phượng	KBNN Bình Dương	29	01	1985						NV0720	3	Phòng thi số 08	
721	Ngô Cẩm	Phượng	KBNN Cà Mau				10	8	1995			NV0721	4	Phòng thi số 01	
722	Đỗ Thị Thủy	Phượng	KBNN Quảng Nam				12	7	1991			NV0722	4	Phòng thi số 01	
723	Đoàn Thị Hải	Phượng	KBNN Quảng Ngãi				10	05	1995			NV0723	4	Phòng thi số 01	
724	Lý Kieu	Phượng	KBNN Sóc Trăng				07	10	1986			NV0724	4	Phòng thi số 01	
725	Mai Thị Kim	Phượng	KBNN Bình Thuận				7	2	1994			NV0725	4	Phòng thi số 01	
726	Nguyễn Đăng	Phượng	KBNN Vĩnh Long				20	09	1990			NV0726	4	Phòng thi số 01	
727	Nguyễn Thị Minh	Phượng	KBNN Tiền Giang				11	06	2000			NV0727	4	Phòng thi số 01	
728	Thiếu Thu Kim	Phượng	KBNN TP HCM				14	8	2000			NV0728	4	Phòng thi số 01	
729	Dương Hồng	Quản	KBNN Phú Yên	08	11	1997						NV0729	4	Phòng thi số 01	
730	Huỳnh Ngọc	Quản	KBNN TP HCM	21	4	1995						NV0730	4	Phòng thi số 01	
731	Nguyễn Tiến Hoàng	Quản	KBNN Gia Lai	07	10	2000						NV0731	4	Phòng thi số 01	
732	Phạm Ngọc Minh	Quản	KBNN Bình Định	08	12	2000						NV0732	4	Phòng thi số 01	
733	Lê Việt	Quang	KBNN TP HCM	16	4	2001						NV0733	4	Phòng thi số 01	GCNTN
734	Mai Văn	Quang	KBNN Ninh Thuận	16	09	1998					DT Chăm	NV0734	4	Phòng thi số 01	
735	Nguyễn Tấn	Quý	KBNN Phú Yên	27	01	1992						NV0735	4	Phòng thi số 01	
736	Dương Trung	Quốc	KBNN Kon Tum	05	09	2000						NV0736	4	Phòng thi số 01	
737	Nguyễn Ngọc Phú	Quốc	KBNN An Giang	23	03	1997						NV0737	4	Phòng thi số 01	
738	Nguyễn Thị Phú	Quý	KBNN Bình Định				08	01	1993			NV0738	4	Phòng thi số 01	
739	Bùi Thị Bảo	Quyên	KBNN TP HCM				7	10	1996			NV0739	4	Phòng thi số 01	
740	Bùi Thị Kim	Quyên	KBNN Quảng Ngãi				19	12	1998			NV0740	4	Phòng thi số 01	
741	Lâm Tố	Quyên	KBNN Gia Lai				20	07	1997			NV0741	4	Phòng thi số 01	
742	Lê Thị Thịnh	Quyên	KBNN Bến Tre				30	05	1994			NV0742	4	Phòng thi số 01	
743	Nguyễn Thị	Quyên	KBNN TP HCM				19	5	1993			NV0743	4	Phòng thi số 01	
744	Nguyễn Thu	Quyên	KBNN Trà Vinh				03	11	1988			NV0744	4	Phòng thi số 01	
745	Nguyễn Ngọc Đỗ	Quyên	KBNN TP HCM				12	9	1995			NV0745	4	Phòng thi số 01	
746	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	KBNN TP HCM				28	9	1984			NV0746	4	Phòng thi số 01	
747	Võ Thị Lê	Quyên	KBNN Phú Yên				30	09	1992			NV0747	4	Phòng thi số 01	
748	Vương Thu Lê	Quyên	KBNN Quảng Ngãi				16	08	1994		Con TB	NV0748	4	Phòng thi số 01	
749	Đặng Như	Quỳnh	KBNN Kon Tum				02	11	1994			NV0749	4	Phòng thi số 01	
750	Hà Thu	Quỳnh	KBNN Khánh Hòa				18	12	1992			NV0750	4	Phòng thi số 01	
751	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	KBNN Bình Định				08	12	1989			NV0751	4	Phòng thi số 02	
752	Lê Phương	Quỳnh	KBNN Đồng Nai				28	4	1997			NV0752	4	Phòng thi số 02	
753	Lê Nguyễn Như	Quỳnh	KBNN Kiên Giang				07	09	1998			NV0753	4	Phòng thi số 02	
754	Lê Trọng	Quỳnh	KBNN TP HCM	13	7	1992						NV0754	4	Phòng thi số 02	
755	Nguyễn Lê Mỹ	Quỳnh	KBNN Đồng Tháp				23	8	1995			NV0755	4	Phòng thi số 02	
756	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	KBNN Khánh Hòa				20	4	1988		Con TB	NV0756	4	Phòng thi số 02	
757	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	KBNN Phú Yên				04	09	2000			NV0757	4	Phòng thi số 02	
758	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	KBNN Hà Rịa - Vũng Tàu				11	7	1995			NV0758	4	Phòng thi số 02	
759	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	KBNN Đắk Nông				20	7	1994			NV0759	4	Phòng thi số 02	
760	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	KBNN Quảng Nam				27	9	2000			NV0760	4	Phòng thi số 02	
761	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Quỳnh	KBNN Gia Lai				16	05	1988			NV0761	4	Phòng thi số 02	
762	Ôn Vũ Ngọc	Quỳnh	KBNN Quảng Nam				01	01	1989			NV0762	4	Phòng thi số 02	
763	Trần Thị Kim	Quỳnh	KBNN Kiên Giang				28	09	1991			NV0763	4	Phòng thi số 02	
764	Trần Thị Xuân	Quỳnh	KBNN Phú Yên				10	12	1999			NV0764	4	Phòng thi số 02	
765	Võ Thị Kim	Quỳnh	KBNN Đắk Lắk				02	09	1990			NV0765	4	Phòng thi số 02	
766	Võ Thị Lê	Quỳnh	KBNN Gia Lai				27	04	1991			NV0766	4	Phòng thi số 02	
767	Đào Phạm Thế	Sáng	KBNN Tây Ninh	24	07	1998						NV0767	4	Phòng thi số 02	
768	Đặng Thị	Sáng	KBNN TP HCM				16	11	1980			NV0768	4	Phòng thi số 02	
769	Lê Thị Hồng	Sáng	KBNN Bình Phước				19	12	1958			NV0769	4	Phòng thi số 02	
770	Nguyễn Thị Kim	Sen	KBNN Bình Định				09	9	1991			NV0770	4	Phòng thi số 02	
771	Nguyễn Văn	Siêng	KBNN Phú Yên	30	01	1990						NV0771	4	Phòng thi số 02	
772	Đặng Ngọc	Sơn	KBNN Bình Thuận	15	10	1988						NV0772	4	Phòng thi số 02	
773	Nguyễn Khắc Trường	Sơn	KBNN Đắk Nông	01	12	1994						NV0773	4	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
774	Phùng Lâm	Son	KBNN Tây Ninh	04	04	1989						NV0774	4	Phòng thi số 02	
775	Nguyễn Thị	Sương	KBNN Lâm Đồng				15	6	1997			NV0775	4	Phòng thi số 02	
776	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	KBNN Khánh Hòa				20	11	1992			NV0776	4	Phòng thi số 02	
777	Nguyễn Thị Như	Sương	KBNN Quảng Nam				05	11	1999			NV0777	4	Phòng thi số 02	
778	Võ Thu	Sương	KBNN Quảng Ngãi				06	10	1999			NV0778	4	Phòng thi số 02	
779	Huỳnh Thị Anh	Tài	KBNN Tây Ninh				08	08	1998			NV0779	4	Phòng thi số 02	
780	Đỗ Thị Vân	Tâm	KBNN TPHCM				5	11	1990			NV0780	4	Phòng thi số 02	
781	Lê Thị Bích	Tâm	KBNN Kon Tum				20	06	1999			NV0781	4	Phòng thi số 03	
782	Lê Thị Hạnh	Tâm	KBNN TPHCM				31	5	1993			NV0782	4	Phòng thi số 03	
783	Lê Thị Ngọc	Tâm	KBNN Bình Thuận				6	3	1993			NV0783	4	Phòng thi số 03	
784	Lê Thị Thanh	Tâm	KBNN Bình Dương				22	03	1984		Con BB	NV0784	4	Phòng thi số 03	
785	Lưu Hải	Tâm	KBNN TPHCM	8	5	2000						NV0785	4	Phòng thi số 03	
786	Nguyễn Minh	Tâm	KBNN TPHCM	11	9	1990				x		NV0786	4	Phòng thi số 03	
787	Nguyễn Thái Minh	Tâm	KBNN Cà Mau				27	9	1991			NV0787	4	Phòng thi số 03	
788	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	KBNN Đắk Lắk				31	08	1997			NV0788	4	Phòng thi số 03	
789	Nguyễn Thị Trúc	Tâm	KBNN Đắk Lắk				02	10	1996			NV0789	4	Phòng thi số 03	
790	Bùi Kim	Tân	KBNN TPHCM	22	4	1997						NV0790	4	Phòng thi số 03	
791	Hồ Thanh	Tân	KBNN Đồng Nai	20	7	1987						NV0791	4	Phòng thi số 03	
792	Nguy Ngô Nhật	Tân	KBNN Tây Ninh	23	02	1999						NV0792	4	Phòng thi số 03	
793	Nguyễn Nhật	Tân	KBNN Phú Yên	28	03	2000						NV0793	4	Phòng thi số 03	
794	Phạm Vũ	Tân	KBNN Tây Ninh	06	09	1999						NV0794	4	Phòng thi số 03	
795	Phan Thị Nhật	Tân	KBNN Lâm Đồng				27	3	1984	x		NV0795	4	Phòng thi số 03	
796	Trần Việt	Tân	KBNN TPHCM	27	4	2000						NV0796	4	Phòng thi số 03	
797	Nguyễn Ngọc	Thạch	KBNN Đắk Lắk	23	12	1999						NV0797	4	Phòng thi số 03	
798	Trương Võ	Thạch	KBNN Long An	22	7	1996						NV0798	4	Phòng thi số 03	
799	Bùi Thi	Thắm	KBNN TPHCM				6	1	1985			NV0799	4	Phòng thi số 03	
800	Phạm Thi	Thắm	KBNN Bình Định				01	10	1993			NV0800	4	Phòng thi số 03	
801	Phan Thị Hồng	Thắm	KBNN Quảng Nam				29	11	1998			NV0801	4	Phòng thi số 03	
802	Phan Thị Thanh	Thắm	KBNN Quảng Nam				02	02	1991			NV0802	4	Phòng thi số 03	
803	Trần Thị Thu	Thắm	KBNN Bình Định				02	7	1996			NV0803	4	Phòng thi số 03	
804	Trần Văn	Thần	KBNN Hậu Giang	21	01	1990					DT Khmer	NV0804	4	Phòng thi số 03	
805	Bùi Quốc	Thắng	KBNN Đắk Lắk	27	03	1999						NV0805	4	Phòng thi số 03	
806	Đào Việt	Thắng	KBNN Đắk Lắk	01	08	1991						NV0806	4	Phòng thi số 03	
807	Nguyễn Minh	Thắng	KBNN Cà Mau	18	8	1987						NV0807	4	Phòng thi số 03	
808	Nguyễn Tắt	Thắng	KBNN Lâm Đồng	27	12	1997						NV0808	4	Phòng thi số 03	
809	Bùi Thị Hồng	Thanh	KBNN TPHCM				4	2	1976			NV0809	4	Phòng thi số 03	
810	Cao Thị Kim	Thanh	KBNN Sóc Trăng				01	05	1994		DT Khmer	NV0810	4	Phòng thi số 03	
811	Lê Yến	Thanh	KBNN Kiên Giang				21	01	1991			NV0811	4	Phòng thi số 04	
812	Lê Thị Kim	Thanh	KBNN Tiền Giang				22	3	1990			NV0812	4	Phòng thi số 04	
813	Nguyễn Phước Phương	Thanh	KBNN Bình Phước	26	4	1983						NV0813	4	Phòng thi số 04	
814	Nguyễn Thị Phương	Thanh	KBNN Bình Định				12	4	1990		Con TB	NV0814	4	Phòng thi số 04	
815	Nguyễn Trần Thanh	Thanh	KBNN Bình Thuận				11	1	1995			NV0815	4	Phòng thi số 04	
816	Phạm Nguyễn Cẩm	Thanh	KBNN Tiền Giang				12	05	1998			NV0816	4	Phòng thi số 04	
817	Phạm Thị Hoài	Thanh	KBNN Bình Thuận				3	11	1996			NV0817	4	Phòng thi số 04	
818	Phạm Thị Huệ	Thanh	KBNN Tiền Giang				02	02	1985			NV0818	4	Phòng thi số 04	
819	Vương Huệ	Thanh	KBNN TPHCM				27	9	1991		DT Hoa	NV0819	4	Phòng thi số 04	
820	Lê Tiến	Thánh	KBNN Phú Yên	03	02	1996						NV0820	4	Phòng thi số 04	
821	Lê Xuân	Thánh	KBNN Đắk Lắk	13	02	1992						NV0821	4	Phòng thi số 04	
822	Mã Trường	Thánh	KBNN TPHCM	13	6	1988						NV0822	4	Phòng thi số 04	
823	Nguyễn Tiến	Thánh	KBNN Khánh Hòa	10	12	1993						NV0823	4	Phòng thi số 04	
824	Nguyễn Đức	Thánh	KBNN Phú Yên	28	01	1990					Con TB	NV0824	4	Phòng thi số 04	
825	Nguyễn Tấn	Thánh	KBNN Long An	18	01	1989						NV0825	4	Phòng thi số 04	
826	Nguyễn Trung	Thánh	KBNN An Giang	28	02	1997						NV0826	4	Phòng thi số 04	
827	Phan Phước	Thánh	KBNN An Giang	05	06	1992						NV0827	4	Phòng thi số 04	
828	Trần Tuấn	Thánh	KBNN TPHCM	28	10	1995						NV0828	4	Phòng thi số 04	
829	Phạm Linh	Thao	KBNN Lâm Đồng	20	8	1988						NV0829	4	Phòng thi số 04	

SQU

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
830	Hồ Thị Phương	Thảo	KBNN Trà Vinh				28	10	1991			NV0830	4	Phòng thi số 04	
831	Hoàng Thu	Thảo	KBNN Đắk Lắk				25	10	1988			NV0831	4	Phòng thi số 04	
832	Huỳnh Như	Thảo	KBNN Cà Mau				26	8	1999			NV0832	4	Phòng thi số 04	
833	Huỳnh Lê Phương	Thảo	KBNN Trà Vinh				23	9	1993	x		NV0833	4	Phòng thi số 04	
834	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	KBNN Phú Yên				08	12	1997			NV0834	4	Phòng thi số 04	
835	Huỳnh Thị Thu	Thảo	KBNN Bình Thuận				15	8	2000			NV0835	4	Phòng thi số 04	
836	Lâm Như Bích	Thảo	KBNN Kiên Giang				02	05	1992			NV0836	4	Phòng thi số 04	
837	Lê Thị Thu	Thảo	KBNN Đắk Lắk				22	05	1990			NV0837	4	Phòng thi số 04	
838	Lý Thu	Thảo	KBNN Tây Ninh				15	11	1994			NV0838	4	Phòng thi số 04	
839	Ngô Thị Diệu	Thảo	KBNN Quảng Nam				14	4	1993			NV0839	4	Phòng thi số 04	
840	Ngô Thị Thanh	Thảo	KBNN Quảng Nam				05	6	1999			NV0840	4	Phòng thi số 04	
841	Nguyễn Kiều	Thảo	KBNN TPHCM				8	11	1994			NV0841	4	Phòng thi số 05	
842	Nguyễn Xuân	Thảo	KBNN Phú Yên	29	01	1978					CCNDHCSN TB	NV0842	4	Phòng thi số 05	
843	Nguyễn Hoàng Nhót	Thảo	KBNN Bình Thuận				20	12	1994			NV0843	4	Phòng thi số 05	
844	Nguyễn Thu Ngọc	Thảo	KBNN TPHCM				30	8	1996			NV0844	4	Phòng thi số 05	
845	Nguyễn Thu Như	Thảo	KBNN Quảng Ngãi				17	04	1985			NV0845	4	Phòng thi số 05	
846	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KBNN TPHCM				27	8	1998			NV0846	4	Phòng thi số 05	
847	Nguyễn Thị Thu	Thảo	KBNN Bình Thuận				12	4	1993			NV0847	4	Phòng thi số 05	
848	Nguyễn Thị Thu	Thảo	KBNN Phú Yên				01	08	1995			NV0848	4	Phòng thi số 05	
849	Nguyễn Trần Thanh	Thảo	KBNN Tiền Giang				31	03	1992			NV0849	4	Phòng thi số 05	
850	Nguyễn Thị Bích	Thảo	KBNN Khánh Hòa				25	4	1993			NV0850	4	Phòng thi số 05	
851	Phan Hoài Phương	Thảo	KBNN Đắk Lắk				07	06	1996			NV0851	4	Phòng thi số 05	
852	Phan Thị Thanh	Thảo	KBNN TPHCM				2	9	1993			NV0852	4	Phòng thi số 05	
853	Trần Diệu	Thảo	KBNN Gio Lai				06	03	1995			NV0853	4	Phòng thi số 05	
854	Trần Thị	Thảo	KBNN Đắk Nông				28	02	1991			NV0854	4	Phòng thi số 05	
855	Trần Dương Bích	Thảo	KBNN Phú Yên				17	10	1993			NV0855	4	Phòng thi số 05	
856	Trần Thị Phương	Thảo	KBNN An Giang				04	12	1995			NV0856	4	Phòng thi số 05	
857	Trần Thị Thanh	Thảo	KBNN Bình Định				20	5	1998			NV0857	4	Phòng thi số 05	
858	Trương Thanh	Thảo	KBNN Cần Thơ				18	8	1992			NV0858	4	Phòng thi số 05	
859	Võ Phương	Thảo	KBNN Đắk Lắk				10	11	1992			NV0859	4	Phòng thi số 05	
860	Võ Thị Thanh	Thảo	KBNN Phú Yên				24	05	1988			NV0860	4	Phòng thi số 05	
861	Vương Thị	Thảo	KBNN Đắk Nông				06	02	1998			NV0861	4	Phòng thi số 05	
862	Nguyễn Hoàng	Thế	KBNN Bình Phước	27	03	1985						NV0862	4	Phòng thi số 05	
863	Dương Nguyễn Huỳnh	Thị	KBNN Bến Tre				17	10	1989			NV0863	4	Phòng thi số 05	
864	Huỳnh Thị Ngô	Thị	KBNN Bình Thuận				4	7	1990		DT Hoa	NV0864	4	Phòng thi số 05	
865	Nguyễn Phương Hoài	Thị	KBNN TPHCM				15	10	1994			NV0865	4	Phòng thi số 05	
866	Nguyễn Thị Kim	Thị	KBNN Long An				09	05	1986			NV0866	4	Phòng thi số 05	
867	Trương Thị Diễm	Thị	KBNN Kiên Giang				17	11	1996			NV0867	4	Phòng thi số 05	
868	Trần Phúc	Thiên	KBNN Cà Mau	02	01	1991						NV0868	4	Phòng thi số 05	
869	Dinh Quang	Thịnh	KBNN TPHCM	13	10	1996						NV0869	4	Phòng thi số 05	
870	Bùi Đức	Thơ	KBNN Cần Thơ	01	6	1990						NV0870	4	Phòng thi số 05	
871	Lê Thị Minh	Thơ	KBNN Cần Thơ				15	10	1992			NV0871	4	Phòng thi số 06	
872	Ngô Anh	Thơ	KBNN Quảng Nam	19	7	1989						NV0872	4	Phòng thi số 05	
873	Nguyễn Thị	Thơ	KBNN TPHCM				4	8	1977			NV0873	4	Phòng thi số 06	
874	Tô Thị	Thơ	KBNN Bình Thuận				20	6	1992		Con BB	NV0874	4	Phòng thi số 06	
875	Trần Thị	Thơ	KBNN Cần Thơ				27	01	1993			NV0875	4	Phòng thi số 06	
876	Đoàn Hữu	Thơ	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu	16	02	1988						NV0876	4	Phòng thi số 06	
877	Nguyễn Thị Ngọc	Thơ	KBNN Đắk Lắk				04	11	1995			NV0877	4	Phòng thi số 06	
878	Phan Thị Kim	Thơ	KBNN Bến Tre				01	12	1999			NV0878	4	Phòng thi số 05	
879	Lê Trần Quốc	Thơ	KBNN Tây Ninh	20	09	1990						NV0879	4	Phòng thi số 06	
880	Nguyễn Thị	Thơ	KBNN Quảng Ngãi				23	05	1994			NV0880	4	Phòng thi số 06	
881	Nguyễn Thị	Thơ	KBNN TPHCM				18	1	1990			NV0881	4	Phòng thi số 06	
882	Phạm Thị	Thơ	KBNN Đắk Nông				07	7	1998			NV0882	4	Phòng thi số 06	
883	Bùi Thị	Thơ	KBNN TPHCM				23	4	1996			NV0883	4	Phòng thi số 06	
884	Hà Thị	Thơ	KBNN TPHCM				5	8	1988			NV0884	4	Phòng thi số 06	
885	Hồ Thị	Thơ	KBNN Quảng Ngãi				17	12	1997			NV0885	4	Phòng thi số 06	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Điểm trung bình	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
886	Huỳnh Thị Kim	Thu	KBNN Quảng Nam				12	9	1993			NV0886	4	Phòng thi số 06	
887	Nguyễn Thị Kiều	Thu	KBNN Quảng Ngãi				10	12	1990			NV0887	4	Phòng thi số 06	
888	Nguyễn Thị Minh	Thu	KBNN TPHCM				27	10	2000			NV0888	4	Phòng thi số 06	
889	Trần Thị	Thu	KBNN Đắk Lắk				20	11	1992			NV0889	4	Phòng thi số 06	
890	Vũ Thị	Thu	KBNN Cà Mau				20	11	1993			NV0890	4	Phòng thi số 06	
891	Bùi Thị Anh	Thu	KBNN Cần Thơ				26	6	1993			NV0891	4	Phòng thi số 06	
892	Đặng Anh	Thu	KBNN Phú Yên				10	06	2000			NV0892	4	Phòng thi số 06	
893	Đặng Huỳnh Anh	Thu	KBNN Bình Thuận				24	12	1998			NV0893	4	Phòng thi số 06	
894	Lê Anh	Thu	KBNN TPHCM				21	3	2000			NV0894	4	Phòng thi số 06	
895	Lê Hoàng Anh	Thu	KBNN Sóc Trăng				06	01	1993			NV0895	4	Phòng thi số 06	
896	Nguyễn Anh	Thu	KBNN Cà Mau				03	3	1986			NV0896	4	Phòng thi số 06	
897	Nguyễn Huyền	Thu	KBNN Cà Mau				20	12	1992			NV0897	4	Phòng thi số 06	
898	Nguyễn Lan	Thu	KBNN Tây Ninh				20	10	2000			NV0898	4	Phòng thi số 06	
899	Nguyễn Duy Anh	Thu	KBNN Khánh Hòa				24	8	1991			NV0899	4	Phòng thi số 05	
900	Nguyễn Lê Anh	Thu	KBNN TPHCM				12	11	2000			NV0900	4	Phòng thi số 06	
901	Nguyễn Lê Minh	Thu	KBNN Sóc Trăng				21	10	1987			NV0901	4	Phòng thi số 07	
902	Nguyễn Thị Anh	Thu	KBNN Cần Thơ				02	4	1996			NV0902	4	Phòng thi số 07	
903	Nguyễn Thị Anh	Thu	KBNN Lâm Đồng				18	4	1993			NV0903	4	Phòng thi số 07	
904	Nguyễn Thị Anh	Thu	KBNN Quảng Nam				07	9	1992			NV0904	4	Phòng thi số 07	
905	Nguyễn Thị Minh	Thu	KBNN Quảng Ngãi				24	07	1993			NV0905	4	Phòng thi số 07	
906	Nguyễn Trần Anh	Thu	KBNN Trà Vinh				26	10	1994			NV0906	4	Phòng thi số 07	
907	Tổng Thị Huyền	Thu	KBNN TPHCM				15	1	2000			NV0907	4	Phòng thi số 07	
908	Trương Nguyễn Minh	Thu	KBNN Bạc Liêu				15	02	1995			NV0908	4	Phòng thi số 07	
909	Diệp Thị Ngọc	Thu	KBNN Cần Thơ				26	8	1995			NV0909	4	Phòng thi số 07	
910	Châu Phước	Thuận	KBNN Cần Thơ	07	9	1982						NV0910	4	Phòng thi số 07	
911	Bồ Thụy Ngọc	Thuận	KBNN Đồng Nai				14	9	1996			NV0911	4	Phòng thi số 07	
912	Đặng Minh	Thuận	KBNN Ninh Thuận	28	02	1993					DT Chăm	NV0912	4	Phòng thi số 07	
913	Lương Thị Mỹ	Thuận	KBNN Quảng Ngãi				21	06	1990			NV0913	4	Phòng thi số 07	
914	Nguyễn Quang	Thuận	KBNN Bình Dương	12	11	1993						NV0914	4	Phòng thi số 07	
915	Nguyễn Văn	Thuận	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu	16	9	1992					Con TB	NV0915	4	Phòng thi số 07	
916	Châu Lê Duy	Thức	KBNN TPHCM	8	2	1989						NV0916	4	Phòng thi số 07	
917	Nguyễn Tin	Thức	KBNN TPHCM	18	10	1985						NV0917	4	Phòng thi số 07	
918	Lê Thị Minh	Thương	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				07	3	1990			NV0918	4	Phòng thi số 07	
919	Lê Vũ Thị Hoài	Thương	KBNN Bình Thuận				15	2	1997			NV0919	4	Phòng thi số 07	
920	Nguyễn Thị	Thương	KBNN Bình Dương				28	12	1990	x		NV0920	4	Phòng thi số 07	
921	Nguyễn Thị Hoài	Thương	KBNN Đắk Lắk				03	12	1990			NV0921	4	Phòng thi số 07	
922	Nguyễn Thị Thương	Thương	KBNN Gia Lai				09	06	1992			NV0922	4	Phòng thi số 07	
923	Trần Hà	Thương	KBNN TPHCM				26	7	2000			NV0923	4	Phòng thi số 07	
924	Trần Thị Hoài	Thương	KBNN Bình Dương				01	11	1996			NV0924	4	Phòng thi số 07	
925	Nguyễn Thị Minh	Thuy	KBNN Đồng Tháp				19	3	1993			NV0925	4	Phòng thi số 07	
926	Đào Thị Diễm	Thủy	KBNN Tiền Giang				19	08	1989			NV0926	4	Phòng thi số 07	
927	Đinh Thanh	Thủy	KBNN Phú Yên				24	08	1992			NV0927	4	Phòng thi số 07	
928	Dương Cẩm	Thuy	KBNN Sóc Trăng				01	01	1989			NV0928	4	Phòng thi số 07	
929	Lê Thị	Thủy	KBNN Quảng Ngãi				16	10	1997			NV0929	4	Phòng thi số 07	
930	Lê Nguyễn Thanh	Thuy	KBNN TPHCM				6	1	1998			NV0930	4	Phòng thi số 07	
931	Phan Thị Kim	Thủy	KBNN Quảng Ngãi				01	06	1997			NV0931	4	Phòng thi số 08	
932	Trần Thị Thanh	Thủy	KBNN Cà Mau				22	9	1989			NV0932	4	Phòng thi số 08	
933	Lê Thị Kim	Thủy	KBNN Quảng Ngãi				07	04	1998			NV0933	4	Phòng thi số 08	
934	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Đắk Lắk				07	05	1992			NV0934	4	Phòng thi số 08	
935	Nguyễn Thị Minh	Thuy	KBNN TPHCM				16	6	1994			NV0935	4	Phòng thi số 08	
936	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	KBNN TPHCM				28	4	1999			NV0936	4	Phòng thi số 08	
937	Bùi Thị Thu	Thủy	KBNN TPHCM				3	5	1988			NV0937	4	Phòng thi số 08	
938	Đặng Thị Ngọc	Thủy	KBNN Bình Thuận				28	7	1989			NV0938	4	Phòng thi số 08	
939	Đặng Thị Thanh	Thủy	KBNN Quảng Ngãi				20	01	1990			NV0939	4	Phòng thi số 08	
940	Đinh Ngọc	Thủy	KBNN Quảng Ngãi	15	03	1991					DT Hré	NV0940	4	Phòng thi số 08	
941	Hồ Thị Bích	Thủy	KBNN Quảng Ngãi				23	03	1993		DT Kor	NV0941	4	Phòng thi số 08	

204

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
942	Lê Thị	Thủy	KBNN TPHCM				25	1	1997			NV0942	4	Phòng thi số 08	
943	Ngô Hách	Thủy	KBNN An Giang				06	10	1986			NV0943	4	Phòng thi số 08	
944	Nguyễn Thu	Thủy	KBNN TPHCM				26	8	2000			NV0944	4	Phòng thi số 08	
945	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	KBNN TPHCM				10	8	1984			NV0945	4	Phòng thi số 08	
946	Thành Ngọc Thanh	Thủy	KBNN Ninh Thuận				30	04	1990		DT Chăm	NV0946	4	Phòng thi số 08	
947	Võ Thị	Thủy	KBNN Gia Lai				19	05	1990			NV0947	4	Phòng thi số 08	
948	Vũ Thị Thanh	Thủy	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				11	11	1995			NV0948	4	Phòng thi số 08	
949	Lương Thị	Thuyền	KBNN Quảng Ngãi				06	03	1991			NV0949	4	Phòng thi số 08	
950	Lâm Thị Bích	Thy	KBNN Cà Mau				26	9	1993			NV0950	4	Phòng thi số 08	
951	Bùi Thị Kiều	Tiến	KBNN TPHCM				19	7	1990			NV0951	4	Phòng thi số 08	
952	Cao Kim	Tiến	KBNN TPHCM				7	12	2000			NV0952	4	Phòng thi số 08	
953	Đàm Thủy Thủy	Tiến	KBNN Phú Yên				18	06	1998			NV0953	4	Phòng thi số 08	
954	Dương Thủy	Tiến	KBNN Đồng Nai				06	10	1995			NV0954	4	Phòng thi số 08	
955	Huỳnh Thu	Tiến	KBNN Quảng Nam				06	11	1996			NV0955	4	Phòng thi số 08	
956	Huỳnh Trang Thủy	Tiến	KBNN Long An				12	01	1992	x		NV0956	4	Phòng thi số 08	
957	Lê Mỹ	Tiến	KBNN Bạc Liêu				20	7	1993			NV0957	4	Phòng thi số 08	
958	Ngô Quế	Tiến	KBNN Cần Thơ				01	01	2000			NV0958	4	Phòng thi số 08	
959	Nguyễn Tấn	Tiến	KBNN Quảng Nam	20	02	1991						NV0959	4	Phòng thi số 08	
960	Nguyễn Hà Khánh	Tiến	KBNN Bình Thuận				11	1	1996			NV0960	4	Phòng thi số 08	
961	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Tiến	KBNN TPHCM				27	7	2000			NV0961	5	Phòng thi số 01	
962	Nguyễn Thị Thủy	Tiến	KBNN Đắk Lắk				24	02	1996			NV0962	5	Phòng thi số 01	
963	Trần Thị Cẩm	Tiến	KBNN Phú Yên				20	04	1995			NV0963	5	Phòng thi số 01	
964	Trần Thị Thu	Tiến	KBNN TPHCM				12	11	2000			NV0964	5	Phòng thi số 01	
965	Trương Vũ	Tiến	KBNN Sóc Trăng				11	07	1990		DT Hoa	NV0965	5	Phòng thi số 01	
966	Trương Thị Phương	Tiến	KBNN Bình Thuận				23	10	1996			NV0966	5	Phòng thi số 01	
967	Lê Phát	Tiến	KBNN TPHCM	28	6	1996						NV0967	5	Phòng thi số 01	
968	Nguyễn Xuân	Tiến	KBNN Bình Định	22	4	1998						NV0968	5	Phòng thi số 01	
969	Nguyễn Thị Kun	Tiến	KBNN Tiền Giang				07	08	1991			NV0969	5	Phòng thi số 01	
970	Dinh Thị	Tiến	KBNN Gia Lai				05	04	1991			NV0970	5	Phòng thi số 01	
971	Đặng Thương	Tin	KBNN Phú Yên	15	01	1994						NV0971	5	Phòng thi số 01	
972	Phạm Thị	Tinh	KBNN Quảng Nam				12	11	1994			NV0972	5	Phòng thi số 01	
973	Lê Bùi Minh	Tinh	KBNN Quảng Ngãi				22	02	1998			NV0973	5	Phòng thi số 01	
974	Nguyễn Quốc	Toàn	KBNN Quảng Ngãi	10	10	1985					Con BB	NV0974	5	Phòng thi số 01	
975	Nguyễn Nhật Bảo	Toàn	KBNN Đồng Tháp	03	11	1999						NV0975	5	Phòng thi số 01	GCNTN
976	Nguyễn Thị Tuấn	Toàn	KBNN Quảng Nam				28	6	1985			NV0976	5	Phòng thi số 01	
977	Phan Nhật	Toàn	KBNN Đồng Nai	29	5	1982						NV0977	5	Phòng thi số 01	
978	Thái Anh	Toàn	KBNN TPHCM	1	9	1990						NV0978	5	Phòng thi số 01	
979	Nguyễn Thị Nhật	Trà	KBNN Cà Mau				06	11	1995			NV0979	5	Phòng thi số 01	
980	Đặng Quỳnh	Trâm	KBNN Ninh Thuận				20	05	1996			NV0980	5	Phòng thi số 01	
981	Đặng Thanh	Trâm	KBNN Long An				25	11	2000			NV0981	5	Phòng thi số 01	
982	Lê Huỳnh Ngọc	Trâm	KBNN Bình Định				04	02	1996			NV0982	5	Phòng thi số 01	
983	Lê Nữ Quỳnh	Trâm	KBNN Quảng Ngãi				02	01	1986			NV0983	5	Phòng thi số 01	
984	Lê Thị Tú	Trâm	KBNN Quảng Nam				06	3	1997			NV0984	5	Phòng thi số 01	
985	Ngô Kỳ An	Trâm	KBNN Phú Yên				10	09	1993		Con TB	NV0985	5	Phòng thi số 01	
986	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	KBNN Khánh Hòa				20	3	1993			NV0986	5	Phòng thi số 01	
987	Nguyễn Thị Phương	Trâm	KBNN Ninh Thuận				06	01	1990			NV0987	5	Phòng thi số 01	
988	Nguyễn Thị Thụy	Trâm	KBNN Sóc Trăng				06	07	1988			NV0988	5	Phòng thi số 01	
989	Trần Huỳnh Ngọc	Trâm	KBNN An Giang				29	07	1989			NV0989	5	Phòng thi số 01	
990	Võ Thanh Bảo	Trâm	KBNN TPHCM				7	6	2001			NV0990	5	Phòng thi số 01	GCNTN
991	Võ Thị Quỳnh	Trâm	KBNN Khánh Hòa				6	3	1991	x		NV0991	5	Phòng thi số 02	
992	Võ Thị Bích	Trâm	KBNN Tây Ninh				14	02	1992			NV0992	5	Phòng thi số 02	
993	Nguyễn Thị Bích	Trâm	KBNN Long An				23	10	1994			NV0993	5	Phòng thi số 02	
994	Dương Thụy	Trân	KBNN Hậu Giang	26	9	1993						NV0994	5	Phòng thi số 02	
995	Lê Ngọc Bảo	Trân	KBNN Cà Mau				03	4	1995			NV0995	5	Phòng thi số 02	
996	Lý Ngọc	Trân	KBNN TPHCM				21	2	1991			NV0996	5	Phòng thi số 02	
997	Nguyễn Quế	Trân	KBNN Cần Thơ						1995			NV0997	5	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự thi huyện	Ngày, tháng, năm sinh						Mức thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
998	Nguyễn Thị Hồng	Trần	KBNN Vĩnh Long				10	09	1996			NV0998	5	Phòng thi số 02	
999	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	KBNN Tiền Giang				03	08	1999			NV0999	5	Phòng thi số 02	
1000	Nguyễn Trường Huyền	Trần	KBNN Cần Thơ				13	10	1998			NV1000	5	Phòng thi số 02	
1001	Trần Tú	Trần	KBNN Sóc Trăng				20	11	1991			NV1001	5	Phòng thi số 02	
1002	Võ Ngọc Bảo	Trần	KBNN Cần Thơ				16	5	1997			NV1002	5	Phòng thi số 02	
1003	Đặng Thủy	Trang	KBNN TPHCM				1	5	1996			NV1003	5	Phòng thi số 02	
1004	Đỗ Thị	Trang	KBNN Quảng Ngãi				29	10	1993			NV1004	5	Phòng thi số 02	
1005	Đỗ Nguyễn Thủy	Trang	KBNN Bình Định				10	5	1989			NV1005	5	Phòng thi số 02	
1006	Dương Hu	Trang	KBNN Khánh Hòa				14	1	1991			NV1006	5	Phòng thi số 02	
1007	Hồ Nguyễn Thủy	Trang	KBNN Quảng Nam				01	10	2000			NV1007	5	Phòng thi số 02	
1008	Hồ Thị Huyền	Trang	KBNN Quảng Ngãi				30	08	1994			NV1008	5	Phòng thi số 02	
1009	Hoàng Thị Ngọc	Trang	KBNN Quảng Nam				01	04	2000			NV1009	5	Phòng thi số 02	
1010	Huỳnh Thị Tú	Trang	KBNN Quảng Nam				15	8	1993			NV1010	5	Phòng thi số 02	
1011	Lê Đỗ Kiều	Trang	KBNN Long An				05	02	1992			NV1011	5	Phòng thi số 02	
1012	Lê Thị Thảo	Trang	KBNN Tiền Giang				30	3	1999			NV1012	5	Phòng thi số 02	
1013	Lê Thị Thủy	Trang	KBNN Tiền Giang				25	03	1999			NV1013	5	Phòng thi số 02	
1014	Lưu Đặng Diễm	Trang	KBNN Sóc Trăng				09	02	1992			NV1014	5	Phòng thi số 02	
1015	Mai Tô Kiều	Trang	KBNN TPHCM				12	3	1988		DT Tây	NV1015	5	Phòng thi số 02	
1016	Ngô Thị Minh	Trang	KBNN TPHCM				20	5	1990			NV1016	5	Phòng thi số 02	
1017	Nguyễn Quỳnh	Trang	KBNN Bình Định				10	6	1994			NV1017	5	Phòng thi số 02	
1018	Nguyễn Thị	Trang	KBNN Quảng Ngãi				21	08	1989			NV1018	5	Phòng thi số 02	
1019	Nguyễn Thị Bảo	Trang	KBNN Đồng Tháp				08	7	1996			NV1019	5	Phòng thi số 02	
1020	Nguyễn Thị Diễm	Trang	KBNN Long An				04	02	1991			NV1020	5	Phòng thi số 02	
1021	Nguyễn Thị Đoàn	Trang	KBNN Quảng Nam				24	3	1993			NV1021	5	Phòng thi số 03	
1022	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KBNN Kon Tum				13	08	2000			NV1022	5	Phòng thi số 03	
1023	Nguyễn Thị Minh	Trang	KBNN Bạc Liêu				06	02	1990			NV1023	5	Phòng thi số 03	
1024	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	KBNN TPHCM				19	2	1998			NV1024	5	Phòng thi số 03	
1025	Nguyễn Thị Thu	Trang	KBNN Quảng Nam				01	01	1993			NV1025	5	Phòng thi số 03	
1026	Nguyễn Thị Thủy	Trang	KBNN Đắk Lắk				02	09	1989			NV1026	5	Phòng thi số 03	
1027	Nguyễn Thị Thủy	Trang	KBNN Bình Định				15	8	1991			NV1027	5	Phòng thi số 03	
1028	Nguyễn Thị Thủy	Trang	KBNN Vĩnh Long				22	06	1993			NV1028	5	Phòng thi số 03	
1029	Nguyễn Vũ Thủy	Trang	KBNN Bình Thuận				1	1	1998			NV1029	5	Phòng thi số 03	
1030	Phạm Huyền	Trang	KBNN Bình Định				21	3	1996			NV1030	5	Phòng thi số 03	
1031	Phạm Thu	Trang	KBNN TPHCM				15	9	1997	x		NV1031	5	Phòng thi số 03	
1032	Phạm Thị Ngọc	Trang	KBNN TPHCM				7	8	1983			NV1032	5	Phòng thi số 03	
1033	Phạm Thị Thủy	Trang	KBNN Tiền Giang				25	05	1989			NV1033	5	Phòng thi số 03	
1034	Phan Hùng	Trang	KBNN Kon Tum				09	10	1997			NV1034	5	Phòng thi số 03	
1035	Phan Ai Diễm	Trang	KBNN TPHCM				8	11	1986	x		NV1035	5	Phòng thi số 03	
1036	Phan Thị Thủy	Trang	KBNN Quảng Nam				14	10	1995			NV1036	5	Phòng thi số 03	
1037	Trần Huyền	Trang	KBNN Bình Thuận				27	2	1996		DT Chăm	NV1037	5	Phòng thi số 03	
1038	Trần Thị	Trang	KBNN Quảng Ngãi				24	06	1990		CCNDHCSN TH	NV1038	5	Phòng thi số 03	
1039	Trần Thị Mai	Trang	KBNN Bình Dương				19	11	1988			NV1039	5	Phòng thi số 03	
1040	Trần Thị Mỹ	Trang	KBNN Quảng Nam				11	4	1991			NV1040	5	Phòng thi số 03	
1041	Trần Thị Thủy	Trang	KBNN Phú Yên				27	08	1999			NV1041	5	Phòng thi số 03	
1042	Võ Mỹ	Trang	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				03	05	1995			NV1042	5	Phòng thi số 03	
1043	Võ Uyên	Trang	KBNN Ninh Thuận				14	11	1998			NV1043	5	Phòng thi số 03	
1044	Vũ Thị Mai	Trang	KBNN Đắk Lắk				29	10	1999			NV1044	5	Phòng thi số 03	
1045	Vũ Thị Hải	Trang	KBNN Khánh Hòa				28	12	1994			NV1045	5	Phòng thi số 03	
1046	Vũ Công	Trang	KBNN Sóc Trăng	05	08	1995						NV1046	5	Phòng thi số 03	
1047	Lê Minh	Trí	KBNN Đồng Nai	28	9	1993						NV1047	5	Phòng thi số 03	
1048	Nguyễn Cao	Trí	KBNN Long An	17	10	1984						NV1048	5	Phòng thi số 03	
1049	Phạm Nguyễn Việt	Trí	KBNN Long An	28	09	1991						NV1049	5	Phòng thi số 03	
1050	Trương Thị Minh	Trí	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				24	3	1989			NV1050	5	Phòng thi số 03	
1051	Nguyễn Minh	Triết	KBNN Sóc Trăng	15	05	1992						NV1051	5	Phòng thi số 04	
1052	Đào Văn	Triệu	KBNN Kon Tum	06	03	1985						NV1052	5	Phòng thi số 04	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1053	Đinh Lê Thảo	Trình	KBNN Cà Mau				14	10	1997			NV1053	5	Phòng thi số 04	
1054	Huỳnh Thị Tổ	Trình	KBNN Quảng Nam				20	4	1996			NV1054	5	Phòng thi số 04	
1055	Lê Thị Mỹ	Trình	KBNN Phú Yên				16	03	1988			NV1055	5	Phòng thi số 04	
1056	Lưu Thị Hồng	Trình	KBNN Bình Thuận				30	10	1996		DT Chăm	NV1056	5	Phòng thi số 04	
1057	Mãn Thị Tuyết	Trình	KBNN Gia Lai				10	12	1990			NV1057	5	Phòng thi số 04	
1058	Nguyễn Tú	Trình	KBNN Kon Tum				18	12	1997			NV1058	5	Phòng thi số 04	
1059	Nguyễn Lê Xuân	Trình	KBNN Bình Thuận				12	9	1994			NV1059	5	Phòng thi số 04	
1060	Nguyễn Thị Lê	Trình	KBNN Phú Yên				07	01	1992			NV1060	5	Phòng thi số 04	
1061	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	KBNN Trà Vinh				03	6	1997			NV1061	5	Phòng thi số 04	
1062	Nguyễn Thị Tú	Trình	KBNN Cần Thơ				15	9	1992			NV1062	5	Phòng thi số 04	
1063	Nguyễn Triệu Anh	Trình	KBNN Bình Thuận				13	6	1989			NV1063	5	Phòng thi số 04	
1064	Phạm Ngọc	Trình	KBNN Bình Thuận				16	7	1992			NV1064	5	Phòng thi số 04	
1065	Phạm Thị	Trình	KBNN Quảng Nam				27	7	1992			NV1065	5	Phòng thi số 04	
1066	Phan Thị Nữ	Trình	KBNN TPHCM				1	8	1999			NV1066	5	Phòng thi số 04	
1067	Trần Ai	Trình	KBNN Sóc Trăng				23	03	1990			NV1067	5	Phòng thi số 04	
1068	Trần Thị Thủy	Trình	KBNN Quảng Nam				12	9	1995			NV1068	5	Phòng thi số 04	
1069	Trương Tô	Trình	KBNN Phú Yên				30	10	1994			NV1069	5	Phòng thi số 04	
1070	Trương Thị Tuyết	Trình	KBNN Đắk Lắk				19	04	1993			NV1070	5	Phòng thi số 04	
1071	Vô Như	Trình	KBNN Bình Thuận				15	01	1995			NV1071	5	Phòng thi số 04	
1072	Vô Thị	Trình	KBNN Quảng Ngãi				09	05	1989			NV1072	5	Phòng thi số 04	
1073	Lê Đình Chánh	Trình	KBNN Quảng Nam				19	9	1989			NV1073	5	Phòng thi số 04	
1074	Nguyễn Thị Ánh	Trọng	KBNN Quảng Ngãi				19	01	1993			NV1074	5	Phòng thi số 04	
1075	Trần Chánh	Trọng	KBNN Bình Định	08	6	1986						NV1075	5	Phòng thi số 04	
1076	Hồ Lê Thanh	Trúc	KBNN An Giang				08	08	1999			NV1076	5	Phòng thi số 04	
1077	Phạm Thị Thanh	Trúc	KBNN Cần Thơ				10	8	1993			NV1077	5	Phòng thi số 04	
1078	Huỳnh Quốc	Trung	KBNN Kiên Giang	01	03	1991						NV1078	5	Phòng thi số 04	
1079	Nguyễn Đức	Trung	KBNN Bình Định	20	8	1983						NV1079	5	Phòng thi số 04	
1080	Nguyễn Đức	Trung	KBNN TPHCM	16	2	1998						NV1080	5	Phòng thi số 04	
1081	Nguyễn Thành	Trung	KBNN TPHCM	12	4	1987						NV1081	5	Phòng thi số 05	
1082	Nguyễn Thành	Trung	KBNN TPHCM	3	10	1995						NV1082	5	Phòng thi số 05	
1083	Trần Nhật	Trung	KBNN Khánh Hòa	14	10	1991						NV1083	5	Phòng thi số 05	
1084	Trần Minh	Trung	KBNN Cần Thơ	08	3	1985						NV1084	5	Phòng thi số 05	
1085	Vô Thế	Trung	KBNN TPHCM	4	4	2000						NV1085	5	Phòng thi số 05	GCNTN
1086	Huỳnh Ba	Trường	KBNN Bình Thuận	21	10	1992						NV1086	5	Phòng thi số 05	
1087	Trần Thị Bích	Truyền	KBNN Tiền Giang				05	10	1992			NV1087	5	Phòng thi số 05	
1088	Bùi Thanh	Tú	KBNN Quảng Ngãi				08	09	1989			NV1088	5	Phòng thi số 05	
1089	Hà Thị	Tú	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				30	4	1984			NV1089	5	Phòng thi số 05	
1090	Hoàng Xuân	Tú	KBNN Đắk Lắk	21	09	1997						NV1090	5	Phòng thi số 05	
1091	Nguyễn Minh	Tú	KBNN TPHCM				5	10	1992			NV1091	5	Phòng thi số 05	
1092	Nguyễn Thanh	Tú	KBNN Tây Ninh	08	03	1990						NV1092	5	Phòng thi số 05	
1093	Tô Thanh	Tú	KBNN TPHCM	18	3	1996						NV1093	5	Phòng thi số 05	
1094	Trần Lý Cẩm	Tú	KBNN TPHCM				15	11	1991			NV1094	5	Phòng thi số 05	
1095	Đinh Ngọc	Tuấn	KBNN TPHCM	5	5	1993						NV1095	5	Phòng thi số 05	
1096	Huỳnh Thanh	Tuấn	KBNN Long An	23	01	1994						NV1096	5	Phòng thi số 05	
1097	Lê Minh	Tuấn	KBNN An Giang	18	11	1991						NV1097	5	Phòng thi số 05	
1098	Lê Nguyễn Việt	Tuấn	KBNN TPHCM	1	3	1997						NV1098	5	Phòng thi số 05	
1099	Nguyễn Sỹ	Tuấn	KBNN TPHCM	14	9	1995						NV1099	5	Phòng thi số 05	
1100	Triệu Anh	Tuấn	KBNN TPHCM	13	1	1988						NV1100	5	Phòng thi số 05	
1101	Lê Ngọc	Tung	KBNN Tiền Giang	31	5	1987						NV1101	5	Phòng thi số 05	
1102	Ngô Việt	Tung	KBNN Lâm Đồng	10	8	1999						NV1102	5	Phòng thi số 05	
1103	Bạch Văn	Tường	KBNN Lâm Đồng	11	01	1992						NV1103	5	Phòng thi số 05	
1104	Dương Thị Bích	Tuy	KBNN Phú Yên				03	08	1993			NV1104	5	Phòng thi số 05	
1105	Vô Thị Thanh	Tuy	KBNN Lâm Đồng				12	3	1991			NV1105	5	Phòng thi số 05	
1106	Nguyễn Thị	Tuyển	KBNN Đồng Nai				12	3	1993			NV1106	5	Phòng thi số 05	
1107	Tiểu	Tuyển	KBNN Quảng Ngãi	10	04	1994				x	Cạn TB	NV1107	5	Phòng thi số 05	
1108	Bùi Đăng	Tuyển	KBNN Phú Yên				01	03	1994	x		NV1108	5	Phòng thi số 05	

SVA

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1109	Đỗ Thị Thanh	Tuyển	KBNN Quảng Nam				01	3	1992			NV1109	5	Phòng thi số 05	
1110	Đoàn Kim	Tuyển	KBNN Cần Thơ				06	10	2000			NV1110	5	Phòng thi số 05	
1111	Lâm Thị Bích	Tuyển	KBNN Trà Vinh				06	10	1993			NV1111	5	Phòng thi số 06	
1112	Lê Hà Thanh	Tuyển	KBNN Đồng Nai				13	10	1990			NV1112	5	Phòng thi số 06	
1113	Lê Thị Thanh	Tuyển	KBNN An Giang				20	01	1997			NV1113	5	Phòng thi số 06	
1114	Lưu Thị Thanh	Tuyển	KBNN Đắk Nông				28	12	1992			NV1114	5	Phòng thi số 06	
1115	Nai Thị Thanh	Tuyển	KBNN Đắk Lắk				02	09	1997			NV1115	5	Phòng thi số 05	
1116	Nguyễn Kim	Tuyển	KBNN Bạc Liêu				18	11	1995			NV1116	5	Phòng thi số 06	
1117	Nguyễn Thanh	Tuyển	KBNN Cần Thơ				01	7	1993			NV1117	5	Phòng thi số 06	
1118	Nguyễn Thị Ngân	Tuyển	KBNN An Giang				19	07	1997			NV1118	5	Phòng thi số 06	
1119	Nguyễn Tài Ngọc	Tuyển	KBNN An Giang				30	6	1988			NV1119	5	Phòng thi số 06	
1120	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyển	KBNN Hậu Giang				20	11	1999			NV1120	5	Phòng thi số 06	
1121	Trần Thị Bích	Tuyển	KBNN Tây Ninh				10	01	1986			NV1121	5	Phòng thi số 06	
1122	Trần Thị Thanh	Tuyển	KBNN Bình Thuận				1	6	2000			NV1122	5	Phòng thi số 06	
1123	Võ Kim	Tuyển	KBNN TPHCM				31	5	1992			NV1123	5	Phòng thi số 06	
1124	Võ Phạm Kim	Tuyển	KBNN An Giang				26	06	2000			NV1124	5	Phòng thi số 06	
1125	Lê Thị	Tuyển	KBNN Bà Rịa - Vũng Tàu				20	9	1988		Con TB	NV1125	5	Phòng thi số 06	
1126	Đặng Thu	Uyển	KBNN TPHCM				2	9	2000			NV1126	5	Phòng thi số 06	
1127	Dinh Thị Thảo	Uyển	KBNN Lâm Đồng				01	4	1999			NV1127	5	Phòng thi số 06	
1128	Lâm Bảo	Uyển	KBNN TPHCM				27	11	1988			NV1128	5	Phòng thi số 06	
1129	Lê Minh	Uyển	KBNN Phú Yên				24	11	1997			NV1129	5	Phòng thi số 06	
1130	Lê Nguyễn Châu	Uyển	KBNN Quảng Ngãi				18	09	1990			NV1130	5	Phòng thi số 05	
1131	Lê Thị Tỏ	Uyển	KBNN Bình Định				19	8	1998			NV1131	5	Phòng thi số 06	
1132	Nguyễn Thị Thu	Uyển	KBNN Đắk Nông				12	4	1997			NV1132	5	Phòng thi số 06	
1133	Nông Thị Thu	Uyển	KBNN Đắk Lắk				18	12	1996	x	DT Tây	NV1133	5	Phòng thi số 06	
1134	Phạm Trần Phương	Uyển	KBNN Phú Yên				16	08	1993			NV1134	5	Phòng thi số 06	
1135	Phan Thành Nhã	Uyển	KBNN Đồng Nai				31	10	1995			NV1135	5	Phòng thi số 06	
1136	Lương Thị Thu	Văn	KBNN TPHCM				4	2	1996			NV1136	5	Phòng thi số 06	
1137	Ngô Thị Thanh	Văn	KBNN Quảng Nam				01	11	1997			NV1137	5	Phòng thi số 06	
1138	Nguyễn Thị Tường	Văn	KBNN Khánh Hòa				1	5	1993			NV1138	5	Phòng thi số 06	
1139	Nguyễn Thị Cẩm	Văn	KBNN Cần Thơ				06	02	1987			NV1139	5	Phòng thi số 06	
1140	Phan Lâm Thảo	Văn	KBNN Bình Thuận				24	2	1997			NV1140	5	Phòng thi số 06	
1141	Trần Thị Lê	Văn	KBNN Quảng Ngãi				11	03	1990			NV1141	5	Phòng thi số 07	
1142	Trần Thị Thủy	Văn	KBNN Quảng Ngãi				20	11	1990			NV1142	5	Phòng thi số 07	
1143	Trương Thị Thủy	Văn	KBNN Đắk Nông				20	10	1993			NV1143	5	Phòng thi số 07	
1144	Nguyễn	Văn	KBNN Quảng Nam	14	02	1984				x		NV1144	5	Phòng thi số 07	
1145	Cao Minh Khoa	Văn	KBNN An Giang				04	06	2000			NV1145	5	Phòng thi số 07	
1146	Huỳnh Hoài	Văn	KBNN Cần Thơ	26	8	1998						NV1146	5	Phòng thi số 07	
1147	Ngô Kiều Nhật	Vị	KBNN Khánh Hòa				26	6	1997			NV1147	5	Phòng thi số 07	
1148	Ngô Thị Phương	Vị	KBNN Phú Yên				24	12	1992			NV1148	5	Phòng thi số 07	
1149	Nguyễn Huỳnh Nhật	Vị	KBNN Bình Dương				23	12	1981			NV1149	5	Phòng thi số 07	
1150	Nguyễn Thị Hiền	Vị	KBNN Phú Yên				06	06	2000			NV1150	5	Phòng thi số 07	
1151	Nguyễn Thị Hoàng	Vị	KBNN Ninh Thuận				22	10	1999			NV1151	5	Phòng thi số 07	
1152	Nguyễn Thị Tường	Vị	KBNN Gia Lai				08	09	1998			NV1152	5	Phòng thi số 07	
1153	Trần Thị Thủy	Vị	KBNN An Giang				07	02	1993			NV1153	5	Phòng thi số 07	
1154	Trần Thị Hương	Vị	KBNN Khánh Hòa				5	4	1997			NV1154	5	Phòng thi số 07	
1155	Võ Thị Thảo	Vị	KBNN Quảng Ngãi				01	01	1995			NV1155	5	Phòng thi số 07	
1156	Võ Thị Tường	Vị	KBNN Kiên Giang				14	02	1996			NV1156	5	Phòng thi số 07	
1157	Lê Thanh	Viễn	KBNN TPHCM	25	6	1994						NV1157	5	Phòng thi số 07	
1158	Bùi Quang	Vinh	KBNN Cần Thơ	14	7	1990						NV1158	5	Phòng thi số 07	
1159	Đỗ Thị Thu	Vinh	KBNN Quảng Ngãi				20	04	1997			NV1159	5	Phòng thi số 07	
1160	Lê Anh	Vũ	KBNN Phú Yên				25	03	1995			NV1160	5	Phòng thi số 07	
1161	Nguyễn Võ Tường	Vũ	KBNN Bình Định				07	5	2000			NV1161	5	Phòng thi số 07	
1162	Trần Quốc	Vũ	KBNN Kon Tum	04	02	2000						NV1162	5	Phòng thi số 07	
1163	Lê Việt	Vương	KBNN Bình Định	01	02	1999						NV1163	5	Phòng thi số 07	
1164	Huỳnh Thị Tường	Vy	KBNN Đắk Lắk				28	11	1995			NV1164	5	Phòng thi số 07	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thí ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1165	Nguyễn Thảo	Vy	KBNN TPHCM				9	11	1999			NV1165	5	Phòng thi số 07	
1166	Nguyễn Tường	Vy	KBNN Phú Yên				13	08	1996			NV1166	5	Phòng thi số 07	
1167	Nguyễn Khánh Lan	Vy	KBNN Đắk Lắk				24	11	1993			NV1167	5	Phòng thi số 07	
1168	Trà Lê Ái	Vy	KBNN Gia Lai				11	10	1999			NV1168	5	Phòng thi số 07	
1169	Trần Thủy	Vy	KBNN TPHCM				25	3	1984			NV1169	5	Phòng thi số 07	
1170	Trần Trúc	Vy	KBNN Kon Tum				16	10	2000			NV1170	5	Phòng thi số 07	
1171	Trần Ngọc Thanh	Vy	KBNN TPHCM				31	10	1999			NV1171	5	Phòng thi số 08	
1172	Trần Nguyễn Thanh	Vy	KBNN TPHCM				25	8	1998			NV1172	5	Phòng thi số 08	
1173	Trương Thị Hoàng	Vy	KBNN Quảng Ngãi				10	06	1993			NV1173	5	Phòng thi số 08	
1174	Đoàn Thị	Xuân	KBNN Bình Định				24	7	1995			NV1174	5	Phòng thi số 08	
1175	Lê Thị Như	Xuân	KBNN Cần Thơ				29	4	1992			NV1175	5	Phòng thi số 08	
1176	Lê Thị Thanh	Xuân	KBNN Đắk Lắk				16	02	1999			NV1176	5	Phòng thi số 08	
1177	Nguyễn Đào	Xuân	KBNN Đắk Lắk				10	05	1989			NV1177	5	Phòng thi số 08	
1178	Trần Hoàng Thanh	Xuân	KBNN Bình Định				02	02	1995			NV1178	5	Phòng thi số 08	
1179	Trần Ngọc Như	Xuân	KBNN Ninh Thuận				30	03	1994			NV1179	5	Phòng thi số 08	
1180	Trần Thị Ngọc	Xuân	KBNN Đắk Lắk				28	03	1993			NV1180	5	Phòng thi số 08	
1181	Tô Hoài	Xuyến	KBNN TPHCM				4	7	1996			NV1181	5	Phòng thi số 08	
1182	Nguyễn Thị	Xuyến	KBNN Đắk Lắk				24	12	1990		Con BB	NV1182	5	Phòng thi số 08	
1183	Nhại Thị Lan	Ý	KBNN Quảng Nam				10	6	1998			NV1183	5	Phòng thi số 08	
1184	Nguyễn Đoàn Như	Ý	KBNN Tiền Giang	18	02	1987						NV1184	5	Phòng thi số 08	
1185	Nguyễn Thị Như	Ý	KBNN Quảng Nam				24	10	1999			NV1185	5	Phòng thi số 08	
1186	Nguyễn Thị Như	Ý	KBNN Quảng Ngãi				21	03	1992			NV1186	5	Phòng thi số 08	
1187	Đặng Thị Ngọc	Yến	KBNN Bình Định				14	3	1991			NV1187	5	Phòng thi số 08	
1188	Dương Thị Kiều	Yến	KBNN Quảng Nam				29	01	2000			NV1188	5	Phòng thi số 08	
1189	Lê Hồng	Yến	KBNN Đồng Nai				19	11	2000			NV1189	5	Phòng thi số 08	
1190	Lê Thị Hải	Yến	KBNN Đắk Lắk				13	10	1988			NV1190	5	Phòng thi số 08	
1191	Ngô Thu	Yến	KBNN Bình Phước				28	10	1990	x		NV1191	5	Phòng thi số 08	
1192	Nguyễn Hải	Yến	KBNN Đắk Lắk				10	03	1993			NV1192	5	Phòng thi số 08	
1193	Nguyễn Thị Thanh	Yến	KBNN Bình Dương				08	12	1998			NV1193	5	Phòng thi số 08	
1194	Nguyễn Thị Thu	Yến	KBNN Kiên Giang				10	04	2000			NV1194	5	Phòng thi số 08	GCNTN
1195	Trương Thị Hoàng	Yến	KBNN Ninh Thuận				12	08	1984			NV1195	5	Phòng thi số 08	
1196	Vy Thị Thu	Yến	KBNN Quảng Ngãi				20	10	1999			NV1196	5	Phòng thi số 08	
II Danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tại miền Bắc (các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở ra)															
1	Lê Thị	Ái	KBNN Thừa Thiên Huế				23	02	1992			NV1197	1	Phòng thi số 01	
2	Nguyễn Bình	An	KBNN Quảng Ninh				14	01	1999			NV1198	1	Phòng thi số 01	
3	Nguyễn Thủy	An	KBNN Thanh Hóa				05	09	2000			NV1199	1	Phòng thi số 01	
4	Phùng Thị	Án	KBNN Hà Nội				08	12	1988			NV1200	1	Phòng thi số 01	
5	Bùi Tú	Anh	KBNN Lào Cai				14	3	1994			NV1201	1	Phòng thi số 01	
6	Bùi Thị Chúc	Anh	KBNN Hải Dương				12	05	1998			NV1202	1	Phòng thi số 01	
7	Bùi Thị Việt	Anh	KBNN Bắc Ninh				05	05	2000			NV1203	1	Phòng thi số 01	
8	Cầm Nguyệt	Anh	KBNN Sơn La				05	06	1995	x	DT Thái	NV1204	1	Phòng thi số 01	
9	Cao Trường	Anh	Cơ quan KBNN	16	12	2000						NV1205	1	Phòng thi số 01	
10	Cao Hoàng Ngọc	Anh	Cơ quan KBNN				15	02	1994			NV1206	1	Phòng thi số 01	
11	Đào Thị Kim	Anh	KBNN Hà Nội				09	11	1996			NV1207	1	Phòng thi số 01	
12	Đỗ Quỳnh	Anh	KBNN Hà Nội				04	07	1999			NV1208	1	Phòng thi số 01	
13	Đoàn Thị Quỳnh	Anh	KBNN Lào Cai				30	5	1998			NV1209	1	Phòng thi số 01	
14	Dương Quỳnh	Anh	Cơ quan KBNN				23	09	2000			NV1210	1	Phòng thi số 01	
15	Dương Xuân	Anh	Cơ quan KBNN				19	10	1991	x		NV1211	1	Phòng thi số 01	
16	Dương Lê Thảo	Anh	KBNN Thừa Thiên Huế				21	12	1999			NV1212	1	Phòng thi số 01	
17	Dương Văn Lan	Anh	KBNN Ninh Bình				03	10	1991			NV1213	1	Phòng thi số 01	
18	Hồ Thị Vân	Anh	KBNN Thừa Thiên Huế				06	3	1992			NV1214	1	Phòng thi số 01	
19	Hoàng Lê	Anh	KBNN Hòa Bình	04	02	1991						NV1215	1	Phòng thi số 01	
20	Hoàng Hà Hoàng	Anh	KBNN Hà Nội	04	04	1999						NV1216	1	Phòng thi số 01	
21	Hoàng Thị Mai	Anh	KBNN Điện Biên				23	7	1996			NV1217	1	Phòng thi số 01	
22	Hoàng Thị Trâm	Anh	KBNN Nghệ An				14	03	2000			NV1218	1	Phòng thi số 01	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
23	Hứa Thu Lan	Anh	KBNN Lạng Sơn				04	09	1995	x	DT Nùng	NV1219	1	Phòng thi số 01	
24	Khổng Thị Phương	Anh	KBNN Hà Nội				28	01	2000			NV1220	1	Phòng thi số 01	
25	Lê Hải	Anh	KBNN Yên Bái				11	11	1995			NV1221	1	Phòng thi số 01	
26	Lê Phương	Anh	KBNN Hải Phòng				16	9	1998			NV1222	1	Phòng thi số 01	
27	Lê Thị Phương	Anh	Cơ quan KBNN				22	11	1997			NV1223	1	Phòng thi số 01	
28	Lê Thị Tú	Anh	KBNN Thanh Hóa				18	01	1999			NV1224	1	Phòng thi số 01	
29	Lê Thị Vân	Anh	KBNN Thanh Hóa				20	01	2000			NV1225	1	Phòng thi số 02	
30	Lưu Thị Kim	Anh	Cơ quan KBNN				23	3	2000			NV1226	1	Phòng thi số 02	
31	Mai Hoàng	Anh	Cơ quan KBNN				06	11	1998			NV1227	1	Phòng thi số 02	
32	Ngô Phương	Anh	Cơ quan KBNN				18	05	1998			NV1228	1	Phòng thi số 02	
33	Ngô Phương	Anh	Cơ quan KBNN				14	02	2000			NV1229	1	Phòng thi số 02	
34	Ngô Việt	Anh	KBNN Thanh Hóa	29	04	1992						NV1230	1	Phòng thi số 02	
35	Nguyễn Duy	Anh	Cơ quan KBNN	06	11	1994				x		NV1231	1	Phòng thi số 02	
36	Nguyễn Hà	Anh	Cơ quan KBNN				04	12	1993			NV1232	1	Phòng thi số 02	
37	Nguyễn Hải	Anh	Cơ quan KBNN				09	04	1995			NV1233	1	Phòng thi số 02	
38	Nguyễn Hoài	Anh	Cơ quan KBNN				03	9	1998			NV1234	1	Phòng thi số 02	
39	Nguyễn Hoàng	Anh	KBNN Bắc Ninh				02	06	1993			NV1235	1	Phòng thi số 02	
40	Nguyễn Hữu	Anh	KBNN Hải Dương	27	07	2000						NV1236	1	Phòng thi số 02	
41	Nguyễn Lan	Anh	KBNN Thanh Hóa				08	12	2000			NV1237	1	Phòng thi số 02	
42	Nguyễn Phương	Anh	KBNN Lạng Sơn				18	11	1993			NV1238	1	Phòng thi số 02	
43	Nguyễn Tâm	Anh	KBNN Hải Phòng				26	12	1999			NV1239	1	Phòng thi số 02	
44	Nguyễn Thương	Anh	KBNN Thanh Hóa				12	10	1999			NV1240	1	Phòng thi số 02	
45	Nguyễn Tuấn	Anh	Cơ quan KBNN	07	09	1991						NV1241	1	Phòng thi số 02	
46	Nguyễn Lưu Bảo	Anh	KBNN Lạng Sơn				27	07	1998			NV1242	1	Phòng thi số 02	
47	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Cơ quan KBNN				16	11	1998			NV1243	1	Phòng thi số 02	
48	Nguyễn Thị Kim	Anh	Cơ quan KBNN				30	05	1988			NV1244	1	Phòng thi số 02	
49	Nguyễn Thị Lan	Anh	KBNN Hải Phòng				29	10	1999			NV1245	1	Phòng thi số 02	
50	Nguyễn Thị Mai	Anh	KBNN Nghệ An				16	09	2000			NV1246	1	Phòng thi số 02	
51	Nguyễn Thị Mui	Anh	Cơ quan KBNN				25	09	1991		Con TB	NV1247	1	Phòng thi số 02	
52	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KBNN Hưng Yên				20	8	1994			NV1248	1	Phòng thi số 02	
53	Nguyễn Thị Phương	Anh	Cơ quan KBNN				02	01	2000			NV1249	1	Phòng thi số 02	
54	Nguyễn Toàn Phương	Anh	KBNN Hà Giang				31	05	1996		Con TB	NV1250	1	Phòng thi số 02	
55	Nguyễn Trung Quỳnh	Anh	KBNN Hà Nội				17	08	1999			NV1251	1	Phòng thi số 02	
56	Phạm Mai	Anh	KBNN Hải Phòng				23	10	1990			NV1252	1	Phòng thi số 02	
57	Phạm Phương	Anh	KBNN Điện Biên				17	12	2000			NV1253	1	Phòng thi số 02	
58	Phạm Quỳnh	Anh	Cơ quan KBNN				15	11	1998			NV1254	1	Phòng thi số 02	
59	Phạm Việt	Anh	KBNN Hà Nội	24	02	1997						NV1255	1	Phòng thi số 02	
60	Phạm Thị Lan	Anh	KBNN Quảng Ninh				03	10	2000			NV1256	1	Phòng thi số 02	
61	Phạm Thị Ngọc	Anh	KBNN Quảng Ninh				30	06	1992			NV1257	1	Phòng thi số 02	
62	Phạm Trần Ngọc	Anh	Cơ quan KBNN	05	12	1999						NV1258	1	Phòng thi số 02	
63	Phùng Tuấn	Anh	KBNN Hòa Bình	20	12	2000						NV1259	1	Phòng thi số 03	
64	Tạ Hồng	Anh	Cơ quan KBNN				26	09	2000			NV1260	1	Phòng thi số 03	
65	Tạ Thị Vân	Anh	KBNN Ninh Bình				23	8	1999			NV1261	1	Phòng thi số 03	
66	Thắm Thị Vân	Anh	KBNN Hà Giang				13	10	1997	x	DT Tây	NV1262	1	Phòng thi số 03	
67	Trần Quỳnh	Anh	KBNN Bắc Ninh				23	10	2000			NV1263	1	Phòng thi số 03	
68	Trần Tuấn	Anh	Cơ quan KBNN	06	08	1999						NV1264	1	Phòng thi số 03	
69	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	Cơ quan KBNN				13	11	2000			NV1265	1	Phòng thi số 03	
70	Trần Thị Quỳnh	Anh	KBNN Thừa Thiên Huế				22	02	1995			NV1266	1	Phòng thi số 03	
71	Vũ Quang	Anh	KBNN Thanh Hóa	12	09	1998						NV1267	1	Phòng thi số 03	
72	Vũ Quỳnh	Anh	KBNN Hưng Yên				21	8	1988			NV1268	1	Phòng thi số 03	
73	Vũ Nguyễn Hoàng	Anh	KBNN Thái Nguyên				23	6	1997			NV1269	1	Phòng thi số 03	
74	Vũ Thị Mai	Anh	Cơ quan KBNN				06	10	1987			NV1270	1	Phòng thi số 03	
75	Vũ Thị Minh	Anh	KBNN Điện Biên				29	12	1998			NV1271	1	Phòng thi số 03	
76	Vũ Thị Phương	Anh	Cơ quan KBNN				30	10	1995			NV1272	1	Phòng thi số 03	
77	Chu Ngọc	Anh	KBNN Lạng Sơn				24	11	1991	x	DT Tây	NV1273	1	Phòng thi số 03	
78	Đặng Thị Ngọc	Anh	KBNN Thừa Thiên Huế				11	07	1996		Con TB	NV1274	1	Phòng thi số 03	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Mức thi ngoại ngữ	Điểm tương đương ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
79	Đào Thị Ngọc	Ảnh	KBNN Hải Phòng				24	9	1991			NV1275	1	Phòng thi số 03	
80	Dương Thị	Ảnh	KBNN Thái Nguyên				01	10	1999			NV1276	1	Phòng thi số 03	
81	Lê Thị Ngọc	Ảnh	KBNN Quảng Tr				24	10	1996			NV1277	1	Phòng thi số 03	
82	Nguyễn Ngọc	Ảnh	Cơ quan KBNN				05	5	2000			NV1278	1	Phòng thi số 03	
83	Nguyễn Ngọc	Ảnh	Cơ quan KBNN				17	04	1998			NV1279	1	Phòng thi số 03	
84	Nguyễn Quốc	Ảnh	KBNN Bắc Kan				02	9	1998	x	DT Tây	NV1280	1	Phòng thi số 03	
85	Nguyễn Thị Hồng	Ảnh	KBNN Hải Phòng				04	6	1992			NV1281	1	Phòng thi số 03	
86	Nguyễn Thị Ngọc	Ảnh	KBNN Nghệ An				03	12	2000			NV1282	1	Phòng thi số 03	
87	Phan Thị Ngọc	Ảnh	KBNN Vĩnh Phúc				18	04	1999			NV1283	1	Phòng thi số 03	
88	Mã Thanh	Bách	KBNN Lạng Sơn	28	10	1999				x	DT Tây	NV1284	1	Phòng thi số 03	
89	Hoàng Minh	Bách	Cơ quan KBNN	18	01	1992						NV1285	1	Phòng thi số 03	
90	Nguyễn Đình	Bách	Cơ quan KBNN	25	03	2000						NV1286	1	Phòng thi số 03	
91	Phạm Gia	Bách	Cơ quan KBNN	29	05	1998				x		NV1287	1	Phòng thi số 03	
92	Nông Thị Bích	Bàn	KBNN Lạng Sơn				21	10	1994	x	DT Nùng	NV1288	1	Phòng thi số 03	
93	Trần Hữu	Bảng	Cơ quan KBNN				17	05	1992			NV1289	1	Phòng thi số 03	
94	Trần Thị Mộng	Bảng	KBNN Thừa Thiên Huế				02	10	1993			NV1290	1	Phòng thi số 03	
95	Trần Quốc	Báo	KBNN Yên Bái	24	4	1998						NV1291	1	Phòng thi số 03	
96	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	Cơ quan KBNN				01	08	1995			NV1292	1	Phòng thi số 03	
97	Phạm Ngọc	Bích	KBNN Hải Phòng				31	8	1991			NV1293	1	Phòng thi số 04	
98	Đinh Thị	Bình	KBNN Ninh Bình				06	11	1998			NV1294	1	Phòng thi số 04	
99	Hoàng Thanh	Bình	KBNN Yên Bái	06	11	2000						NV1295	1	Phòng thi số 04	
100	Hứa Thị	Bình	KBNN Bắc Kan				23	11	1992	x	DT Tây	NV1296	1	Phòng thi số 04	
101	Nguyễn Thanh	Bình	KBNN Hà Nội	28	08	1993						NV1297	1	Phòng thi số 04	
102	Phạm Việt	Bình	Cơ quan KBNN	22	10	1989				x		NV1298	1	Phòng thi số 04	
103	Phạm Thị Thanh	Bình	Cơ quan KBNN				02	04	2000			NV1299	1	Phòng thi số 04	
104	Lý Bích	Cẩm	KBNN Lạng Sơn				10	10	1994	x	DT Nùng	NV1300	1	Phòng thi số 04	
105	Nguyễn Ngọc	Châm	Cơ quan KBNN				25	11	1999			NV1301	1	Phòng thi số 04	
106	Hồ Phước Bảo	Châu	KBNN Thừa Thiên Huế				17	6	1994			NV1302	1	Phòng thi số 04	
107	Hoàng Ngọc	Châu	KBNN Quảng Trị	02	11	1988					Con TB	NV1303	1	Phòng thi số 04	
108	Thái Thị Hồng	Châu	KBNN Thừa Thiên Huế				15	01	1998			NV1304	1	Phòng thi số 04	
109	Trần Thị Minh	Châu	KBNN Quảng Tr				11	03	1993		Con TB	NV1305	1	Phòng thi số 04	
110	Tịnh Đỗ Anh	Châu	Cơ quan KBNN				18	10	2000			NV1306	1	Phòng thi số 04	
111	Bùi Ngọc	Chi	KBNN Lạng Sơn				24	04	1994	x	DT Tây	NV1307	1	Phòng thi số 04	
112	Dàm Linh	Chi	KBNN Lạng Sơn				18	07	1995	x	DT Nùng	NV1308	1	Phòng thi số 04	
113	Dương Thị Lan	Chi	KBNN Bắc Kan				19	12	1992	x	DT Tây	NV1309	1	Phòng thi số 04	
114	Hoàng Linh	Chi	KBNN Ninh Bình				02	9	1999		DT Mường	NV1310	1	Phòng thi số 04	
115	Hoàng Linh	Chi	KBNN Thái Nguyên				12	3	1997		DT Tây	NV1311	1	Phòng thi số 04	
116	Lê Hà	Chi	KBNN Hà Nội				18	12	2000			NV1312	1	Phòng thi số 04	
117	Lục Linh	Chi	KBNN Lạng Sơn				22	12	2000	x	DT Nùng	NV1313	1	Phòng thi số 04	
118	Nguyễn Khanh	Chi	KBNN Nghệ An				12	09	1999			NV1314	1	Phòng thi số 04	
119	Nguyễn Linh	Chi	Cơ quan KBNN				20	09	1998			NV1315	1	Phòng thi số 04	
120	Nguyễn Phương	Chi	KBNN Lào Cai				13	8	1995			NV1316	1	Phòng thi số 04	
121	Nguyễn Thị Khánh	Chi	KBNN Hà Tĩnh				05	04	1996			NV1317	1	Phòng thi số 04	
122	Nguyễn Thị Linh	Chi	KBNN Hà Tĩnh				28	07	1999			NV1318	1	Phòng thi số 04	
123	Nguyễn Thị Mai	Chi	KBNN Lào Cai				03	12	1979			NV1319	1	Phòng thi số 04	
124	Nguyễn Thị Thuý	Chu	KBNN Thừa Thiên Huế				06	10	1991			NV1320	1	Phòng thi số 04	
125	Phạm Khanh	Chi	Cơ quan KBNN				12	10	1990	x		NV1321	1	Phòng thi số 04	
126	Vũ Thị Kim	Chi	KBNN Quảng Ninh				02	06	1993			NV1322	1	Phòng thi số 04	
127	Lê Minh	Chi	KBNN Hà Nam	03	12	1996						NV1323	1	Phòng thi số 04	
128	Tổng Thị	Chiếm	KBNN Bắc Kan				19	6	1996	x	DT Tây	NV1324	1	Phòng thi số 04	
129	Vị Thị	Chiến	KBNN Lào Cai				24	9	1997		DT Tây	NV1325	1	Phòng thi số 04	
130	Nguyễn Duy	Chiến	Cơ quan KBNN	08	05	2000						NV1326	1	Phòng thi số 04	
131	Lý Khải	Chiều	KBNN Bắc Kan				14	12	1993	x	DT Dao	NV1327	1	Phòng thi số 05	
132	Bùi Thị	Chinh	Cơ quan KBNN				10	10	1993			NV1328	1	Phòng thi số 05	
133	Hoàng Thị Kiều	Chinh	Cơ quan KBNN				29	11	1999			NV1329	1	Phòng thi số 05	
134	Lê Thị Ngọc	Chinh	KBNN Hải Phòng				10	10	1997			NV1330	1	Phòng thi số 05	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Cấp thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
135	Lê Thị Tuyết	Chinh	Cơ quan KBNN				07	10	1991		Con TB	NV1331	1	Phòng thi số 05	
136	Lương Thủy	Chinh	KBNN Sơn La				03	11	1999	x	DT Thái	NV1332	1	Phòng thi số 05	
137	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	KBNN Vĩnh Phúc				29	12	1998			NV1333	1	Phòng thi số 05	
138	Lê Duy	Chinh	KBNN Thanh Hóa	02	12	1995						NV1334	1	Phòng thi số 05	
139	Nguyễn Công	Chữ	Cơ quan KBNN	03	08	1993				x		NV1335	1	Phòng thi số 05	
140	Đình Văn	Chung	KBNN Cao Bằng	17	6	1996				x	DT Tây	NV1336	1	Phòng thi số 05	
141	Dương Thành	Chung	KBNN Sơn La	23	07	1993						NV1337	1	Phòng thi số 05	
142	Hoàng Phúc	Chung	KBNN Bắc Kan	14	11	1990				x	DT Sản chi	NV1338	1	Phòng thi số 05	
143	Nguyễn Thanh	Chung	KBNN Lào Cai				20	11	1989			NV1339	1	Phòng thi số 05	
144	Giảng Seo	Chung	KBNN Hà Giang	09	07	1997				x	DT Mông	NV1340	1	Phòng thi số 05	
145	Hải Huy	Chương	KBNN Hòa Bình	20	9	1991					DT Mường	NV1341	1	Phòng thi số 05	
146	Hoàng Thị Hồng	Chuyên	KBNN Lạng Sơn				28	10	1995	x	DT Tây	NV1342	1	Phòng thi số 05	
147	Nguyễn Thị	Chuyên	KBNN Hà Nam				19	3	1993			NV1343	1	Phòng thi số 05	
148	Nguyễn Thị	Chuyên	KBNN Hải Dương				16	05	1999			NV1344	1	Phòng thi số 05	
149	Nông Thị Hồng	Chuyên	KBNN Lạng Sơn				19	11	1986	x	DT Tây	NV1345	1	Phòng thi số 05	
150	Lú A	Cu	KBNN Yên Bái	06	01	1995					DT Mông	NV1346	1	Phòng thi số 05	
151	Dương Mạnh	Cường	KBNN Hà Nội	25	02	1998				x		NV1347	1	Phòng thi số 05	
152	Nguyễn Đức	Cường	KBNN Thanh Hóa	30	09	1986						NV1348	1	Phòng thi số 05	
153	Phùng Thị Thảo	Đan	KBNN Hà Tĩnh				20	01	2000			NV1349	1	Phòng thi số 05	
154	Nguyễn Hải	Đang	Cơ quan KBNN	21	09	2000						NV1350	1	Phòng thi số 05	
155	Bùi Văn	Danh	KBNN Thừa Thiên Huế	03	07	1993						NV1351	1	Phòng thi số 05	
156	Đình Thành	Đạt	KBNN Lạng Sơn	08	08	1996				x	DT Tây	NV1352	1	Phòng thi số 05	
157	Hoàng Minh	Đạt	Cơ quan KBNN	19	05	1999						NV1353	1	Phòng thi số 05	
158	Lê Thành	Đạt	Cơ quan KBNN	17	12	1993						NV1354	1	Phòng thi số 05	
159	Lương Tài	Đạt	Cơ quan KBNN	07	09	1993						NV1355	1	Phòng thi số 05	
160	Lý Tiến	Đạt	KBNN Cao Bằng				28	11	1993	x	DT Nùng	NV1356	1	Phòng thi số 05	
161	Trịnh Xuân	Đạt	KBNN Hà Giang	18	07	1993						NV1357	1	Phòng thi số 05	
162	Nguyễn Kiều	Diễm	KBNN Cao Bằng				05	12	1999	x	DT Tây	NV1358	1	Phòng thi số 05	
163	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	KBNN Hưng Yên				14	10	1988			NV1359	1	Phòng thi số 05	
164	Phạm Văn	Diễn	Cơ quan KBNN	09	08	1994						NV1360	1	Phòng thi số 05	
165	Bùi Ngọc	Diệp	KBNN Nghệ An				16	12	1997			NV1361	1	Phòng thi số 06	
166	Nguyễn Hữu	Diệp	KBNN Hà Giang	16	05	2000				x		NV1362	1	Phòng thi số 06	GCNTN
167	Vũ Thị	Diệp	KBNN Hà Nam				15	9	1987			NV1363	1	Phòng thi số 06	
168	Phạm Thị	Đinh	Cơ quan KBNN				15	10	1994			NV1364	1	Phòng thi số 06	
169	Nguyễn Minh	Đỗ	KBNN Hà Nội	18	05	1999						NV1365	1	Phòng thi số 06	
170	Lê Thị Mai	Đuan	KBNN Hà Nội				09	11	1993			NV1366	1	Phòng thi số 06	
171	Dương Khắc	Đồng	Cơ quan KBNN	15	10	1994						NV1367	1	Phòng thi số 06	
172	Đình Quang Anh	Đức	KBNN Bắc Kan	12	4	1994				x	DT Tây	NV1368	1	Phòng thi số 06	
173	Hoàng Trung	Đức	KBNN Sơn La	10	10	1991						NV1369	1	Phòng thi số 06	
174	Lê Anh	Đức	KBNN Yên Bái	09	01	2000						NV1370	1	Phòng thi số 06	
175	Lê Trung	Đức	KBNN Ninh Bình	26	8	2000						NV1371	1	Phòng thi số 06	
176	Nguyễn Anh	Đức	KBNN Hà Giang	12	11	1999				x		NV1372	1	Phòng thi số 06	
177	Nguyễn Xuân	Đức	Cơ quan KBNN	23	01	2000						NV1373	1	Phòng thi số 06	
178	Phạm Hữu	Đức	KBNN Yên Bái	15	8	1992						NV1374	1	Phòng thi số 06	
179	Tổng Duy	Đức	KBNN Quảng Ninh	04	09	1994						NV1375	1	Phòng thi số 06	
180	Đình Thị Hạnh	Dung	KBNN Thái Nguyên				07	9	2000			NV1376	1	Phòng thi số 06	
181	Đổng Thị Thủy	Dung	KBNN Hải Dương				12	06	1990			NV1377	1	Phòng thi số 06	
182	Hà Thu	Dung	KBNN Lào Cai				22	5	1998			NV1378	1	Phòng thi số 06	
183	Nguyễn Thị	Dung	Cơ quan KBNN				16	11	1995			NV1379	1	Phòng thi số 06	
184	Nguyễn Thủy	Dung	KBNN Hải Phòng				25	01	1993			NV1380	1	Phòng thi số 06	
185	Nguyễn Thủy	Dung	Cơ quan KBNN				07	03	2000			NV1381	1	Phòng thi số 06	
186	Nguyễn Thị Phương	Dung	KBNN Thái Nguyên				22	10	2000			NV1382	1	Phòng thi số 06	
187	Trần Thủy	Dung	KBNN Hải Phòng				01	5	1998			NV1383	1	Phòng thi số 06	
188	Trịnh Thị	Dung	KBNN Thanh Hóa				19	05	1993		DT Mường	NV1384	1	Phòng thi số 06	
189	Trịnh Thủy	Dung	Cơ quan KBNN				29	8	1992			NV1385	1	Phòng thi số 06	
190	Trịnh Thủy	Dung	Cơ quan KBNN				17	10	2000			NV1386	1	Phòng thi số 06	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
191	Vũ Thị Thủy	Dũng	KBNN Hà Nội				03	01	1996			NV1387	1	Phòng thi số 06	
192	Vương Thị	Dũng	KBNN Lào Cai				07	5	1998		DT Giáy	NV1388	1	Phòng thi số 06	
193	Lữ Việt	Dũng	Cơ quan KBNN	05	04	1996						NV1389	1	Phòng thi số 06	
194	Nguyễn Đức	Dũng	Cơ quan KBNN	04	10	1997						NV1390	1	Phòng thi số 06	
195	Nguyễn Ngọc	Dũng	KBNN Hà Giang	06	03	1995				x	DT Tây	NV1391	1	Phòng thi số 06	
196	Nguyễn Tiến	Dũng	Cơ quan KBNN	22	10	1992						NV1392	1	Phòng thi số 06	
197	Nguyễn Tri	Dũng	KBNN Bắc Ninh	25	09	1989						NV1393	1	Phòng thi số 06	
198	Nông Trung	Dũng	KBNN Lào Cai	03	9	1995					DT Tây	NV1394	1	Phòng thi số 06	
199	Trịnh Đức	Dũng	KBNN Thanh Hóa	27	04	1993				x		NV1395	1	Phòng thi số 07	
200	Đào Quý	Dương	Cơ quan KBNN	02	12	1993						NV1396	1	Phòng thi số 07	
201	Hoàng Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				25	02	1996			NV1397	1	Phòng thi số 07	
202	Lân Hồng	Dương	KBNN Cao Bằng				21	5	1994	x	DT Tây	NV1398	1	Phòng thi số 07	
203	Ngô Thị Ánh	Dương	Cơ quan KBNN				01	09	1998			NV1399	1	Phòng thi số 07	
204	Nguyễn Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				15	06	2000			NV1400	1	Phòng thi số 07	
205	Nguyễn Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				17	08	2000			NV1401	1	Phòng thi số 07	
206	Nguyễn Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				26	09	1988			NV1402	1	Phòng thi số 07	
207	Nguyễn Tùng	Dương	KBNN Quảng Trị	31	07	1995						NV1403	1	Phòng thi số 07	
208	Nguyễn Thị Thủy	Dương	KBNN Quảng Ninh				20	02	1993			NV1404	1	Phòng thi số 07	
209	Nông Thủy	Dương	KBNN Lạng Sơn				07	11	1991	x	DT Nùng	NV1405	1	Phòng thi số 07	
210	Phạm Thế	Dương	Cơ quan KBNN	09	08	1999						NV1406	1	Phòng thi số 07	
211	Phạm Thị Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				10	07	1997			NV1407	1	Phòng thi số 07	
212	Trần Cảnh	Dương	KBNN Điện Biên	06	7	1994						NV1408	1	Phòng thi số 07	
213	Vũ Thủy	Dương	KBNN Quảng Ninh				24	01	2000			NV1409	1	Phòng thi số 07	
214	Vũ Thủy	Dương	Cơ quan KBNN				30	11	2000			NV1410	1	Phòng thi số 07	
215	Cần Khánh	Duy	Cơ quan KBNN	20	01	1998				x		NV1411	1	Phòng thi số 07	
216	Nguyễn Hoàng	Duy	KBNN Hà Nam	20	7	2000						NV1412	1	Phòng thi số 07	
217	Tổng Đình	Duy	KBNN Hà Nội	05	03	1992						NV1413	1	Phòng thi số 07	
218	Lê Thị Khánh	Duyên	Cơ quan KBNN				08	11	1997			NV1414	1	Phòng thi số 07	
219	Nguyễn Ánh	Duyên	Cơ quan KBNN				08	11	1998			NV1415	1	Phòng thi số 07	
220	Nguyễn Thu	Duyên	KBNN Thanh Hóa				17	05	1995			NV1416	1	Phòng thi số 07	
221	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Cơ quan KBNN				12	02	1994			NV1417	1	Phòng thi số 07	
222	Thần Thị	Duyên	Cơ quan KBNN				20	09	1990			NV1418	1	Phòng thi số 07	
223	Trần Thị	Duyên	KBNN Quảng Trị				01	06	1991			NV1419	1	Phòng thi số 07	
224	Tử Thị Hồng	Duyên	Cơ quan KBNN				05	05	1995			NV1420	1	Phòng thi số 07	
225	Vũ Thị	Duyên	KBNN Hà Nội				14	05	1998			NV1421	1	Phòng thi số 07	
226	Vũ Thị Mỹ	Duyên	KBNN Thanh Hóa				10	01	1998			NV1422	1	Phòng thi số 07	
227	Nguyễn Thị Hồng	Giảm	Cơ quan KBNN				29	01	1998		Con TB	NV1423	1	Phòng thi số 07	
228	Bùi Thị Lễ	Giang	KBNN Hà Giang				15	10	1993	x	DT Tây	NV1424	1	Phòng thi số 07	
229	Cầm Thị	Giang	KBNN Lạng Sơn				03	09	1994	x	DT Tây	NV1425	1	Phòng thi số 07	
230	Hoàng Linh	Giang	KBNN Quảng Trị				27	10	1999			NV1426	1	Phòng thi số 07	
231	Hoàng Mai	Giang	KBNN Quảng Ninh				22	02	1995		DT Tây	NV1427	1	Phòng thi số 07	
232	Lê Thanh	Giang	Cơ quan KBNN				13	11	1999			NV1428	1	Phòng thi số 07	
233	Lê Thị Hiền	Giang	KBNN Quảng Trị				20	8	1996			NV1429	1	Phòng thi số 07	
234	Lê Thị Hương	Giang	Cơ quan KBNN				16	01	1989		Con TB	NV1430	1	Phòng thi số 07	
235	Lê Thị Trà	Giang	KBNN Thanh Hóa				14	03	1996			NV1431	1	Phòng thi số 07	
236	Lý Thị Hoàng	Giang	KBNN Thái Nguyên				03	11	1991			NV1432	1	Phòng thi số 07	
237	Nguyễn Thị	Giang	KBNN Bắc Ninh				28	03	1995			NV1433	1	Phòng thi số 07	
238	Nông Trường	Giang	KBNN Cao Bằng	29	9	2000				x	DT Tây	NV1434	1	Phòng thi số 07	
239	Phạm Hương	Giang	KBNN Hà Nội				02	11	1999			NV1435	1	Phòng thi số 07	
240	Phạm Thị Lễ	Giang	KBNN Lạng Sơn				08	01	1992	x	DT Tây	NV1436	1	Phòng thi số 07	
241	Phan Thị Hương	Giang	KBNN Thừa Thiên Huế				15	07	1991			NV1437	1	Phòng thi số 07	
242	Trần Phương	Giang	KBNN Nghệ An				19	08	2000			NV1438	1	Phòng thi số 07	
243	Trần Quỳnh	Giang	KBNN Điện Biên				03	10	1999			NV1439	1	Phòng thi số 07	
244	Trần Thị Hương	Giang	KBNN Hà Giang				20	08	1995	x	DT Tây	NV1440	1	Phòng thi số 07	
245	Trần Thị Ninh	Giang	KBNN Nghệ An				29	03	1997			NV1441	1	Phòng thi số 08	
246	Trịnh Hương	Giang	KBNN Điện Biên				24	7	1997			NV1442	1	Phòng thi số 08	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi nguyên ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
247	Vũ Thị Phương	Giảng	KBNN Hải Dương				30	10	1995			NV1443	1	Phòng thi số 08	
248	Bùi Thu	Hà	KBNN Hải Dương				08	12	1999	x		NV1444	1	Phòng thi số 08	
249	Chu Thị Thu	Hà	KBNN Lạng Sơn				15	08	1995	x	DT Tây	NV1445	1	Phòng thi số 08	
250	Đào Thị	Hà	KBNN Thanh Hóa				24	07	1989			NV1446	1	Phòng thi số 08	
251	Đinh Thu	Hà	Cơ quan KBNN				15	07	1992			NV1447	1	Phòng thi số 08	
252	Đỗ Quang	Hà	KBNN Hà Giang	25	07	1998						NV1448	1	Phòng thi số 08	
253	Hồ Thu	Hà	KBNN Hà Nội				26	06	1999			NV1449	1	Phòng thi số 08	
254	Hoàng Hằng	Hà	KBNN Lạng Sơn				14	07	1998	x	DT Nùng	NV1450	1	Phòng thi số 08	
255	Hoàng Ngân	Hà	KBNN Bắc Ninh				02	02	1998			NV1451	1	Phòng thi số 08	
256	Hoàng Ngọc	Hà	KBNN Lạng Sơn				05	09	1992			NV1452	1	Phòng thi số 08	
257	Hoàng Thị	Hà	KBNN Thái Nguyên				03	6	1995		DT Nùng	NV1453	1	Phòng thi số 08	
258	Lê Đức	Hà	KBNN Điện Biên	07	4	1998						NV1454	1	Phòng thi số 08	
259	Lê Thu	Hà	KBNN Hà Nam				06	11	1999			NV1455	1	Phòng thi số 08	
260	Lê Thị Thu	Hà	KBNN Hà Nam				28	01	2000			NV1456	1	Phòng thi số 08	
261	Lê Thị Thu	Hà	KBNN Thừa Thiên Huế				20	04	1992			NV1457	1	Phòng thi số 08	
262	Lê Tuấn Thái	Hà	KBNN Hà Nội	05	06	1997						NV1458	1	Phòng thi số 08	
263	Lộc Thủy	Hà	KBNN Lạng Sơn				17	05	1996	x	DT Sân Diu	NV1459	1	Phòng thi số 08	
264	Lôi Thị Hoàng	Hà	KBNN Sơn La				25	12	1987	x	DT Mường	NV1460	1	Phòng thi số 08	
265	Nguyễn Mai	Hà	Cơ quan KBNN	18	01	1997					Con TB	NV1461	1	Phòng thi số 08	
266	Nguyễn Mỹ	Hà	KBNN Lào Cai				31	10	1999			NV1462	1	Phòng thi số 08	
267	Nguyễn Ngọc	Hà	KBNN Hải Phòng				15	6	1994			NV1463	1	Phòng thi số 08	
268	Nguyễn Ngọc	Hà	KBNN Nghệ An				09	04	1998			NV1464	1	Phòng thi số 08	
269	Nguyễn Thái	Hà	Cơ quan KBNN	16	12	1993						NV1465	1	Phòng thi số 08	
270	Nguyễn Thị	Hà	Cơ quan KBNN				3	9	1989			NV1466	1	Phòng thi số 08	
271	Nguyễn Thị	Hà	Cơ quan KBNN				20	6	1994			NV1467	1	Phòng thi số 08	
272	Nguyễn Thu	Hà	Cơ quan KBNN				03	10	1995			NV1468	1	Phòng thi số 08	
273	Nguyễn Văn	Hà	KBNN Bắc Ninh	08	10	1991						NV1469	1	Phòng thi số 08	
274	Nguyễn Việt	Hà	Cơ quan KBNN				26	09	1995			NV1470	1	Phòng thi số 08	
275	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	KBNN Ninh Bình				16	7	1999			NV1471	1	Phòng thi số 08	
276	Nguyễn Thị Minh	Hà	KBNN Hải Phòng				28	6	1997			NV1472	1	Phòng thi số 08	
277	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	KBNN Bắc Ninh				11	01	1998			NV1473	1	Phòng thi số 08	
278	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	KBNN Thanh Hóa				23	07	1990		DT Mường	NV1474	1	Phòng thi số 08	
279	Nguyễn Thị Nguyễn	Hà	KBNN Thái Nguyên				29	11	1993	x		NV1475	1	Phòng thi số 08	
280	Nguyễn Thị Thanh	Hà	KBNN Thừa Thiên Huế				05	11	1994			NV1476	1	Phòng thi số 08	
281	Nguyễn Thị Thu	Hà	KBNN Điện Biên				25	12	1997			NV1477	1	Phòng thi số 08	
282	Nguyễn Thị Thu	Hà	KBNN Quảng Ninh				15	06	1985			NV1478	1	Phòng thi số 08	
283	Nguyễn Thị Thu	Hà	KBNN Quảng Trị				05	01	2000			NV1479	1	Phòng thi số 08	
284	Nguyễn Thị Thu	Hà	KBNN Thái Nguyên				13	7	1995			NV1480	1	Phòng thi số 08	
285	Nguyễn Thị Việt	Hà	KBNN Ninh Bình				16	7	1999			NV1481	1	Phòng thi số 08	
286	Phạm Lê	Hà	Cơ quan KBNN				26	11	1999			NV1482	1	Phòng thi số 08	
287	Phạm Phương	Hà	KBNN Hà Nam				19	12	2000			NV1483	1	Phòng thi số 08	
288	Phạm Thu	Hà	KBNN Quảng Ninh				10	03	1997	x		NV1484	1	Phòng thi số 08	
289	Phạm Thị Hai	Hà	Cơ quan KBNN				17	08	1994			NV1485	1	Phòng thi số 08	
290	Phạm Thị Phương	Hà	KBNN Thừa Thiên Huế				28	08	1994			NV1486	1	Phòng thi số 08	
291	Phạm Thị Thanh	Hà	KBNN Hà Nội				13	12	1998			NV1487	2	Phòng thi số 01	
292	Phạm Thị Thanh	Hà	KBNN Quảng Ninh				24	07	1999			NV1488	2	Phòng thi số 01	
293	Phan Thị Thu	Hà	KBNN Yên Bái				21	10	2000			NV1489	2	Phòng thi số 01	
294	Tạ Thu	Hà	Cơ quan KBNN				06	02	1994			NV1490	2	Phòng thi số 01	
295	Trần Thu	Hà	KBNN Hà Giang				27	11	1998			NV1491	2	Phòng thi số 01	
296	Trần Thị Thu	Hà	KBNN Lạng Sơn				20	10	2000			NV1492	2	Phòng thi số 01	
297	Trần Thị Thu	Hà	Cơ quan KBNN				14	10	1998			NV1493	2	Phòng thi số 01	
298	Vũ Thụy	Hà	KBNN Hưng Yên				08	5	1993			NV1494	2	Phòng thi số 01	
299	Vũ Thị Ngân	Hà	KBNN Yên Bái				21	3	1999			NV1495	2	Phòng thi số 01	
300	Vương Thu	Hà	KBNN Cao Bằng				01	01	2000	x	DT Nùng	NV1496	2	Phòng thi số 01	
301	Nguyễn Thị	Hà	Cơ quan KBNN				9	2	2000			NV1497	2	Phòng thi số 01	
302	Nguyễn Đức	Hà	KBNN Yên Bái	13	8	2000						NV1498	2	Phòng thi số 01	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú	
				Nam			Nữ									
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
303	Nông Thanh	Hải	KBNN Lạng Sơn	18	11	1985					x	DT Tây	NV1499	2	Phòng thi số 01	
304	Vương Nông	Hải	KBNN Cao Bằng	24	9	1997					x	DT Nùng	NV1500	2	Phòng thi số 01	
305	Lê Ngọc	Hân	Cơ quan KBNN				19	08	1997				NV1501	2	Phòng thi số 01	
306	Bùi Thu	Hằng	KBNN Hòa Bình				17	02	1997			DT Mường	NV1502	2	Phòng thi số 01	
307	Bùi Thị Thu	Hằng	KBNN Hải Dương				06	02	1995				NV1503	2	Phòng thi số 01	
308	Cao Thị Lê	Hằng	KBNN Thừa Thiên Huế				18	02	1994				NV1504	2	Phòng thi số 01	
309	Đàm Thu	Hằng	KBNN Cao Bằng				21	10	1995	x		DT Nùng	NV1505	2	Phòng thi số 01	
310	Đinh Thủy	Hằng	KBNN Nghệ An				21	12	2000				NV1506	2	Phòng thi số 01	
311	Đoàn Thị Thủy	Hằng	KBNN Vĩnh Phúc				14	06	1991				NV1507	2	Phòng thi số 01	
312	Hứa Thị	Hằng	KBNN Lạng Sơn				03	10	1995	x		DT Nùng	NV1508	2	Phòng thi số 01	
313	Kiều Thị Búi	Hằng	KBNN Hà Nội				28	01	1983				NV1509	2	Phòng thi số 01	
314	Lương Thị Thu	Hằng	KBNN Thanh Hóa				12	01	1998			DT Thái	NV1510	2	Phòng thi số 01	
315	Nguyễn Phương	Hằng	KBNN Thanh Hóa				25	02	2000				NV1511	2	Phòng thi số 01	
316	Nguyễn Thị	Hằng	KBNN Hải Dương				06	03	1991				NV1512	2	Phòng thi số 01	
317	Nguyễn Thị	Hằng	KBNN Nghệ An				10	10	1996				NV1513	2	Phòng thi số 01	
318	Nguyễn Thị	Hằng	KBNN Thái Nguyên				05	10	2000			DT Trại	NV1514	2	Phòng thi số 01	
319	Nguyễn Thu	Hằng	KBNN Hà Nội				09	04	1999				NV1515	2	Phòng thi số 02	
320	Nguyễn Lê Thủy	Hằng	KBNN Hà Giang				26	04	1993				NV1516	2	Phòng thi số 02	
321	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KBNN Quảng Ninh				27	02	1994			DT San Diu	NV1517	2	Phòng thi số 02	
322	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KBNN Thừa Thiên Huế				28	02	1999				NV1518	2	Phòng thi số 02	
323	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KBNN Thừa Thiên Huế				09	10	1999				NV1519	2	Phòng thi số 02	
324	Nguyễn Thị Thu	Hằng	KBNN Thanh Hóa				16	02	1999				NV1520	2	Phòng thi số 02	
325	Nông Thị Thu	Hằng	KBNN Cao Bằng				16	01	1994	x		DT Tây	NV1521	2	Phòng thi số 02	
326	Phùng Nguyệt	Hằng	KBNN Sơn La				09	06	2000				NV1522	2	Phòng thi số 02	
327	Thẩm Thu	Hằng	KBNN Cao Bằng				09	9	1996	x		DT Tây	NV1523	2	Phòng thi số 02	
328	Trần Lê	Hằng	KBNN Quảng Trị				14	03	1991				NV1524	2	Phòng thi số 02	
329	Trần Thị	Hằng	Cơ quan KBNN				16	06	1999				NV1525	2	Phòng thi số 02	
330	Trần Thu	Hằng	Cơ quan KBNN				03	10	1990	x			NV1526	2	Phòng thi số 02	
331	Trần Thủy	Hằng	KBNN Lạng Sơn				22	05	1998	x			NV1527	2	Phòng thi số 02	
332	Trần Thị Thu	Hằng	KBNN Vĩnh Phúc				26	02	1988				NV1528	2	Phòng thi số 02	
333	Trần Thị Thủy	Hằng	KBNN Thừa Thiên Huế				30	03	1998				NV1529	2	Phòng thi số 02	
334	Triệu Thu	Hằng	KBNN Yên Bái				16	7	1997			DT Tây	NV1530	2	Phòng thi số 02	
335	Trịnh Minh	Hằng	Cơ quan KBNN				08	03	1999	x			NV1531	2	Phòng thi số 02	
336	Chu Hồng	Hành	KBNN Quảng Ninh				20	05	1997				NV1532	2	Phòng thi số 02	
337	Đặng Mỹ	Hành	KBNN Hà Giang				01	09	1992				NV1533	2	Phòng thi số 02	
338	Đinh Thị	Hành	KBNN Điện Biên				28	10	1997				NV1534	2	Phòng thi số 02	
339	Hoàng Thị Hồng	Hành	Cơ quan KBNN				27	3	1998				NV1535	2	Phòng thi số 02	
340	Lê Mỹ	Hành	Cơ quan KBNN				17	06	1991				NV1536	2	Phòng thi số 02	
341	Mê Thị Hồng	Hành	KBNN Sơn La				07	06	1995	x		DT Thái	NV1537	2	Phòng thi số 02	
342	Nguyễn Hồng	Hành	Cơ quan KBNN				12	11	1995				NV1538	2	Phòng thi số 02	
343	Nguyễn Hồng	Hành	Cơ quan KBNN				04	10	1997				NV1539	2	Phòng thi số 02	
344	Nguyễn Ngân	Hành	KBNN Thái Nguyên				29	10	1998				NV1540	2	Phòng thi số 02	
345	Nguyễn Thị	Hành	KBNN Bắc Kan				22	6	1998				NV1541	2	Phòng thi số 02	
346	Nguyễn Thị	Hành	KBNN Điện Biên				19	4	1988				NV1542	2	Phòng thi số 02	
347	Nguyễn Thị	Hành	Cơ quan KBNN				12	10	1994				NV1543	2	Phòng thi số 02	
348	Nguyễn Thị	Hành	Cơ quan KBNN				03	08	1998				NV1544	2	Phòng thi số 02	
349	Nguyễn Yến	Hành	KBNN Quảng Ninh				15	02	1995				NV1545	2	Phòng thi số 02	
350	Nguyễn Thị Hồng	Hành	KBNN Hà Giang				13	05	1995				NV1546	2	Phòng thi số 02	
351	Nguyễn Thị Hồng	Hành	KBNN Lạng Sơn				28	07	2000	x		DT Tây	NV1547	2	Phòng thi số 02	
352	Nguyễn Thị Mỹ	Hành	KBNN Thừa Thiên Huế				17	07	1994	x			NV1548	2	Phòng thi số 02	
353	Nguyễn Thị Ngọc	Hành	KBNN Hải Dương				18	12	1998				NV1549	2	Phòng thi số 03	
354	Nông Thị Hồng	Hành	Cơ quan KBNN				06	4	1999			DT Tây	NV1550	2	Phòng thi số 03	
355	Thái Thị Hồng	Hành	Cơ quan KBNN				20	6	1995				NV1551	2	Phòng thi số 03	
356	Vũ Hồng	Hành	KBNN Hà Nội				15	06	1998				NV1552	2	Phòng thi số 03	
357	Phạm Thị	Hào	KBNN Hà Giang				20	10	1989				NV1553	2	Phòng thi số 03	
358	Đặng Thị Như	Hào	KBNN Lạng Sơn				05	11	1991	x		DT Nùng	NV1554	2	Phòng thi số 03	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
359	Đào Thị Thanh	Hào	KBNN Hà Nội				25	01	1985			NV1555	2	Phòng thi số 03	
360	Nguyễn Thị	Hầu	KBNN Thừa Thiên Huế				24	9	1983		Con TB	NV1556	2	Phòng thi số 03	
361	Võ Thu	Hầu	KBNN Sơn La				13	11	1990			NV1557	2	Phòng thi số 03	
362	Thào A	Hềnh	KBNN Yên Bái	02	02	1996					DT Mông	NV1558	2	Phòng thi số 03	
363	Nguyễn Mai	Hiền	KBNN Cao Bằng				27	9	1992	x	DT Nùng	NV1559	2	Phòng thi số 03	
364	Đào Thị	Hiền	KBNN Thanh Hóa				28	12	1995			NV1560	2	Phòng thi số 03	
365	Đỗ Văn	Hiền	KBNN Lào Cai				17	7	1999			NV1561	2	Phòng thi số 03	
366	Đoàn Thị	Hiền	KBNN Hải Dương				09	10	1994			NV1562	2	Phòng thi số 03	
367	Hắc Thị	Hiền	KBNN Thanh Hóa				25	07	1995			NV1563	2	Phòng thi số 03	
368	Hoàng Thu	Hiền	KBNN Thái Nguyên				12	02	1994			NV1564	2	Phòng thi số 03	
369	Lê Thị Phương	Hiền	Cơ quan KBNN				28	6	2000			NV1565	2	Phòng thi số 03	
370	Lê Thị Thu	Hiền	KBNN Thừa Thiên Huế				10	08	1998			NV1566	2	Phòng thi số 03	
371	Nguyễn Phương	Hiền	KBNN Yên Bái				03	8	2000		DT Tây	NV1567	2	Phòng thi số 03	
372	Nguyễn Thị	Hiền	KBNN Hải Dương				23	12	1994		Con TB	NV1568	2	Phòng thi số 03	
373	Nguyễn Thị	Hiền	KBNN Quảng Trị				20	10	1993			NV1569	2	Phòng thi số 03	
374	Nguyễn Thị	Hiền	KBNN Thanh Hóa				03	03	1995			NV1570	2	Phòng thi số 03	
375	Nguyễn Thu	Hiền	KBNN Hà Nội				30	01	2000			NV1571	2	Phòng thi số 03	
376	Nguyễn Thúy	Hiền	Cơ quan KBNN				20	11	2000			NV1572	2	Phòng thi số 03	
377	Nguyễn Thị Qui	Hiền	KBNN Thừa Thiên Huế				26	03	1993			NV1573	2	Phòng thi số 03	
378	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Bắc Ninh				22	10	1999			NV1574	2	Phòng thi số 03	
379	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Hòa Bình				17	6	2000			NV1575	2	Phòng thi số 03	
380	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Quảng Trị				01	04	1995			NV1576	2	Phòng thi số 03	
381	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Thái Nguyên				27	11	1994			NV1577	2	Phòng thi số 03	
382	Nguyễn Thị Thu	Hiền	KBNN Thanh Hóa				25	05	1995			NV1578	2	Phòng thi số 03	
383	Nông Thị Thu	Hiền	KBNN Cao Bằng				22	6	1993	x	DT Tây	NV1579	2	Phòng thi số 03	
384	Phạm Thị	Hiền	KBNN Bắc Ninh				19	08	1998			NV1580	2	Phòng thi số 03	
385	Trần Thị	Hiền	KBNN Hà Nam				10	8	1997			NV1581	2	Phòng thi số 03	
386	Trần Thị	Hiền	Cơ quan KBNN				15	1	1991			NV1582	2	Phòng thi số 03	
387	Trương Thị Thu	Hiền	KBNN Lào Cai				12	11	1991			NV1583	2	Phòng thi số 04	
388	Trương Thị Thu	Hiền	KBNN Thừa Thiên Huế				01	12	1999			NV1584	2	Phòng thi số 04	
389	Vì Thành	Hiền	Cơ quan KBNN				12	10	1992		DT Tây	NV1585	2	Phòng thi số 04	
390	Võ Thị Thu	Hiền	KBNN Thừa Thiên Huế				11	05	1994			NV1586	2	Phòng thi số 04	
391	Lê Văn	Hiệp	KBNN Nghệ An	25	07	1993						NV1587	2	Phòng thi số 04	
392	Nguyễn Đức	Hiệp	Cơ quan KBNN	15	07	1988						NV1588	2	Phòng thi số 04	
393	Nguyễn Hoàng	Hiệp	Cơ quan KBNN	12	01	1996						NV1589	2	Phòng thi số 04	
394	Bùi Trung	Hiếu	KBNN Bắc Ninh	24	07	1993						NV1590	2	Phòng thi số 04	
395	Bùi Xuân	Hiếu	KBNN Yên Bái	25	12	1994						NV1591	2	Phòng thi số 04	
396	Lê Việt	Hiếu	KBNN Nghệ An	01	12	1998						NV1592	2	Phòng thi số 04	
397	Nguyễn Văn	Hiếu	KBNN Quảng Ninh	11	6	1997						NV1593	2	Phòng thi số 04	
398	Nguyễn Xuân	Hiếu	Cơ quan KBNN	31	05	1998						NV1594	2	Phòng thi số 04	
399	Nguyễn Thị Thanh	Hiếu	Cơ quan KBNN				3	12	1992			NV1595	2	Phòng thi số 04	
400	Phạm Quang	Hiếu	KBNN Lạng Sơn	01	07	1998						NV1596	2	Phòng thi số 04	
401	Triệu La	Hiếu	KBNN Bắc Kạn	22	11	1993				x	DT Tây	NV1597	2	Phòng thi số 04	
402	Vũ Công	Hiếu	KBNN Thanh Hóa	13	06	1998						NV1598	2	Phòng thi số 04	
403	Lê Thị Thanh	Hoa	KBNN Quảng Trị				06	06	1991			NV1599	2	Phòng thi số 04	
404	Nguyễn Ngọc	Hoa	Cơ quan KBNN				11	6	1998			NV1600	2	Phòng thi số 04	
405	Nguyễn Thị	Hoa	KBNN Hà Giang				27	07	1996	x	DT Tây	NV1601	2	Phòng thi số 04	
406	Nguyễn Thị	Hoa	KBNN Vĩnh Phúc				19	08	1989			NV1602	2	Phòng thi số 04	
407	Nguyễn Thị	Hoa	Cơ quan KBNN				12	1	1995			NV1603	2	Phòng thi số 04	
408	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	KBNN Thái Nguyên				18	4	1994			NV1604	2	Phòng thi số 04	
409	Nguyễn Thị Xuân	Hoa	KBNN Thái Nguyên				11	10	1994			NV1605	2	Phòng thi số 04	
410	Thần Thị	Hoa	KBNN Lào Cai				15	02	1993		DT Nùng	NV1606	2	Phòng thi số 04	
411	Trình Thị	Hoa	Cơ quan KBNN				05	12	1992	x		NV1607	2	Phòng thi số 04	
412	Bồ Thị	Hòa	KBNN Yên Bái				01	7	1997		DT Tây	NV1608	2	Phòng thi số 04	
413	Hoàng Khánh	Hòa	KBNN Lạng Sơn				19	01	1999	x	DT Tây	NV1609	2	Phòng thi số 04	
414	Mã Thị Thanh	Hòa	KBNN Thừa Thiên Huế				18	6	1992			NV1610	2	Phòng thi số 04	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đổi hướng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
415	Nguyễn Thị	Hòa	KBNN Cao Bằng				06	10	1998	x	DT Tây	NV1611	2	Phòng thi số 04	
416	Phạm Xuân	Hòa	Cơ quan KBNN	20	12	1992					Con BB	NV1612	2	Phòng thi số 04	
417	Tổng Phước	Hòa	KBNN Thừa Thiên Huế	01	7	1995						NV1613	2	Phòng thi số 04	
418	Trần Khánh	Hòa	KBNN Thanh Hóa				18	08	2000			NV1614	2	Phòng thi số 04	
419	Trần Thị Thu	Hòa	KBNN Hà Nội				14	10	1999			NV1615	2	Phòng thi số 04	
420	Vũ Văn	Hòa	Cơ quan KBNN	05	12	1999						NV1616	2	Phòng thi số 04	
421	Hồ Thị Mỹ	Hoài	KBNN Thừa Thiên Huế				23	02	1996			NV1617	2	Phòng thi số 05	
422	Hoàng Thị	Hoài	KBNN Cao Bằng				02	5	1999	x	DT Tây	NV1618	2	Phòng thi số 05	
423	Hoàng Thị Thu	Hoài	KBNN Bắc Kan				22	8	1997	x	DT Tây	NV1619	2	Phòng thi số 05	
424	Nguyễn Minh	Hoài	KBNN Hà Nội				18	02	1999			NV1620	2	Phòng thi số 05	
425	Nguyễn Thị Diệu	Hoài	KBNN Thừa Thiên Huế				02	3	1986			NV1621	2	Phòng thi số 05	
426	Nguyễn Thị Thu	Hoài	KBNN Nghệ An				24	05	1992			NV1622	2	Phòng thi số 05	
427	Trần Thị	Hoài	KBNN Thừa Thiên Huế				12	02	2000			NV1623	2	Phòng thi số 05	
428	Nguyễn Thị	Huân	KBNN Hải Phòng				10	9	1998			NV1624	2	Phòng thi số 05	
429	Đỗ Văn	Hoàn	Cơ quan KBNN	09	01	1995						NV1625	2	Phòng thi số 05	
430	Nguyễn Đại	Hoàn	KBNN Lào Cai	04	10	1990						NV1626	2	Phòng thi số 05	
431	Vũ Việt	Hoàn	KBNN Hòa Bình	12	10	1995					DT Thái	NV1627	2	Phòng thi số 05	
432	Lê	Hoàng	KBNN Quảng Trị	28	07	1992						NV1628	2	Phòng thi số 05	
433	Đông Như	Hoàng	KBNN Thừa Thiên Huế	25	04	1999						NV1629	2	Phòng thi số 05	
434	Lê Xuân	Hoàng	KBNN Quảng Trị	27	11	1993						NV1630	2	Phòng thi số 05	
435	Mã Huy	Hoàng	KBNN Điện Biên	22	7	1993					DT Nùng	NV1631	2	Phòng thi số 05	
436	Nguyễn Huy	Hoàng	KBNN Cao Bằng	20	12	1989				x	DT Nùng	NV1632	2	Phòng thi số 05	
437	Nguyễn Thái	Hoàng	Cơ quan KBNN				16	5	1999			NV1633	2	Phòng thi số 05	
438	Nguyễn Xuân	Hoàng	KBNN Thái Nguyên	20	7	1995						NV1634	2	Phòng thi số 05	
439	Phạm Thanh	Hoàng	KBNN Thanh Hóa	08	11	1999						NV1635	2	Phòng thi số 05	
440	Phan Trọng Ngọc	Hoàng	KBNN Thừa Thiên Huế	04	11	1993						NV1636	2	Phòng thi số 05	
441	Sầm Thị	Hồi	KBNN Yên Bái				04	5	1993		DT Tây	NV1637	2	Phòng thi số 05	
442	Đạm Thị Thu	Hồng	KBNN Cao Bằng				13	5	2000	x	DT Tây	NV1638	2	Phòng thi số 05	
443	Đặng Thị Phương	Hồng	KBNN Thừa Thiên Huế				21	04	1989			NV1639	2	Phòng thi số 05	
444	Khuất Thị	Hồng	KBNN Hà Nội				25	02	1993	x		NV1640	2	Phòng thi số 05	
445	Lê Thị Mỹ	Hồng	KBNN Quảng Trị				05	12	1999			NV1641	2	Phòng thi số 05	
446	Lưu Minh	Hồng	KBNN Thanh Hóa				10	11	2000			NV1642	2	Phòng thi số 05	
447	Nguyễn Ánh	Hồng	KBNN Thanh Hóa				05	10	1996			NV1643	2	Phòng thi số 05	
448	Nguyễn Thu	Hồng	KBNN Hà Nội				30	08	2000			NV1644	2	Phòng thi số 05	
449	Nguyễn Thị Sáu	Hồng	KBNN Vĩnh Phúc				02	08	1992	x		NV1645	2	Phòng thi số 05	
450	Phan Thị Bích	Hồng	Cơ quan KBNN				02	02	1990		Con TB	NV1646	2	Phòng thi số 05	
451	Vũ Thị	Hồng	KBNN Yên Bái				26	10	1999		DT Thái	NV1647	2	Phòng thi số 05	
452	Phạm Thị	Hợp	KBNN Hải Phòng				05	11	1992			NV1648	2	Phòng thi số 05	
453	Đào Thị	Huế	KBNN Hải Phòng				24	01	1999			NV1649	2	Phòng thi số 05	
454	Đinh Thị	Huế	Cơ quan KBNN				04	10	1995			NV1650	2	Phòng thi số 05	
455	Hoàng Thị	Huế	KBNN Ninh Bình				05	11	2000			NV1651	2	Phòng thi số 06	
456	Hồ Minh	Huế	Cơ quan KBNN				30	9	1999			NV1652	2	Phòng thi số 06	
457	Lê Thị	Huế	KBNN Bắc Ninh				02	01	1988			NV1653	2	Phòng thi số 06	
458	Lương Bích	Huế	KBNN Thái Nguyên				05	9	1990			NV1654	2	Phòng thi số 06	
459	Nguyễn Thị	Huế	KBNN Thừa Thiên Huế				20	6	1999			NV1655	2	Phòng thi số 06	
460	Nguyễn Thị Minh	Huế	KBNN Thái Nguyên				10	3	2000		DT Nùng	NV1656	2	Phòng thi số 05	
461	Vũ Minh	Huế	KBNN Hưng Yên				10	5	1997			NV1657	2	Phòng thi số 06	
462	Đỗ Đình	Hùng	KBNN Thanh Hóa	15	11	1997						NV1658	2	Phòng thi số 06	
463	Lê Đức	Hùng	KBNN Hà Nội	23	12	1999						NV1659	2	Phòng thi số 06	
464	Lê Xuân	Hùng	KBNN Thanh Hóa	19	05	1989						NV1660	2	Phòng thi số 06	
465	Nguyễn Đình	Hùng	KBNN Quảng Trị	06	01	1993					Con TB	NV1661	2	Phòng thi số 06	
466	Nguyễn Ngọc	Hùng	Cơ quan KBNN	18	09	2000						NV1662	2	Phòng thi số 06	
467	Nhũ Ngọc	Hùng	KBNN Hòa Bình	01	5	2000						NV1663	2	Phòng thi số 06	
468	Trần Ngọc	Hùng	KBNN Thừa Thiên Huế	28	8	1989						NV1664	2	Phòng thi số 05	
469	Trần Việt	Hùng	Cơ quan KBNN	16	03	1994						NV1665	2	Phòng thi số 05	
470	Bùi Quang	Hùng	Cơ quan KBNN	01	6	1998						NV1666	2	Phòng thi số 06	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
471	Đình Quang	Hùng	KBNN Bắc Ninh	29	9	2000						NV1667	2	Phòng thi số 06	
472	Đỗ Ngọc	Hùng	KBNN Yên Bái	05	6	2000						NV1668	2	Phòng thi số 06	
473	Đỗ Quang	Hùng	KBNN Hà Giang	23	09	2000						NV1669	2	Phòng thi số 06	
474	Hoàng Xuân	Hùng	KBNN Hà Giang	27	07	1994				x		NV1670	2	Phòng thi số 06	
475	Lê Mạnh	Hùng	Cơ quan KBNN	09	5	1996						NV1671	2	Phòng thi số 06	
476	Nguyễn Việt	Hùng	KBNN Điện Biên	02	8	1992						NV1672	2	Phòng thi số 06	
477	Mai	Hương	KBNN Thanh Hóa				19	11	1992			NV1673	2	Phòng thi số 05	
478	Bé Thị Thủy	Hương	KBNN Cao Bằng				26	7	1998	x	DT Nùng	NV1674	2	Phòng thi số 06	
479	Cao Nguyễn Thu	Hương	Cơ quan KBNN				07	9	2000			NV1675	2	Phòng thi số 05	
480	Dương Lan	Hương	Cơ quan KBNN				27	12	1994			NV1676	2	Phòng thi số 06	
481	Dương Đỗ Thu	Hương	KBNN Hà Nội				07	04	1992			NV1677	2	Phòng thi số 06	
482	Hoàng Mai	Hương	Cơ quan KBNN				16	12	1998			NV1678	2	Phòng thi số 06	
483	Hoàng Thị Mai	Hương	KBNN Lạng Sơn				21	05	1956	x	DT Tây	NV1679	2	Phòng thi số 06	
484	Hoàng Thị Mỹ	Hương	KBNN Thừa Thiên Huế				20	10	1950			NV1680	2	Phòng thi số 06	
485	Hoàng Thị Thu	Hương	KBNN Cao Bằng				05	10	1993	x	DT Tây	NV1681	2	Phòng thi số 06	
486	Lê Mai	Hương	Cơ quan KBNN				26	03	1998			NV1682	2	Phòng thi số 06	
487	Lê Thị	Hương	KBNN Thanh Hóa				06	02	1991			NV1683	2	Phòng thi số 06	
488	Lò Thị	Hương	KBNN Sơn La				15	04	1998	x	DT Thái	NV1684	2	Phòng thi số 06	
489	Lương Thị Thanh	Hương	Cơ quan KBNN				17	11	1992			NV1685	2	Phòng thi số 07	
490	Lưu Thị	Hương	KBNN Bắc Ninh				06	05	1997			NV1686	2	Phòng thi số 07	
491	Mống Thị Thu	Hương	KBNN Cao Bằng				29	6	1997	x	DT Nùng	NV1687	2	Phòng thi số 07	
492	Ngô Thủy	Hương	KBNN Bắc Ninh				05	12	1999			NV1688	2	Phòng thi số 07	
493	Nguyễn Thị	Hương	KBNN Hà Nội				03	02	1986			NV1689	2	Phòng thi số 07	
494	Nguyễn Thu	Hương	Cơ quan KBNN				19	10	1998			NV1690	2	Phòng thi số 07	
495	Nguyễn Hà Diệu	Hương	KBNN Thái Nguyên				11	12	1999	x	DT Tây	NV1691	2	Phòng thi số 07	
496	Nguyễn Thị Hà	Hương	KBNN Quảng Ninh				29	12	1987			NV1692	2	Phòng thi số 07	
497	Nguyễn Thị Lan	Hương	KBNN Bắc Ninh				14	08	1993			NV1693	2	Phòng thi số 07	
498	Nguyễn Thị Lan	Hương	Cơ quan KBNN				25	09	1993			NV1694	2	Phòng thi số 07	
499	Nguyễn Thị Mai	Hương	KBNN Hải Dương				13	5	1999			NV1695	2	Phòng thi số 07	
500	Nguyễn Thị Mai	Hương	KBNN Lạng Sơn				05	05	1987	x	DT Tây	NV1696	2	Phòng thi số 07	
501	Nguyễn Thị Mai	Hương	KBNN Thanh Hóa				09	04	1989		Con TB	NV1697	2	Phòng thi số 07	
502	Nguyễn Tài Quỳnh	Hương	KBNN Yên Bái				21	10	1989			NV1698	2	Phòng thi số 07	
503	Nguyễn Thị Thu	Hương	Cơ quan KBNN				02	09	1991			NV1699	2	Phòng thi số 07	
504	Nông Thị	Hương	KBNN Cao Bằng				06	8	1998	x	DT Tây	NV1700	2	Phòng thi số 07	
505	Phạm Thu	Hương	Cơ quan KBNN				11	05	1958			NV1701	2	Phòng thi số 07	
506	Phạm Thu	Hương	Cơ quan KBNN				18	08	1950			NV1702	2	Phòng thi số 07	
507	Phùng Thị Mai	Hương	Cơ quan KBNN				15	08	1997			NV1703	2	Phòng thi số 07	
508	Quyết Thu	Hương	Cơ quan KBNN				05	11	1996			NV1704	2	Phòng thi số 07	
509	Sui Thị	Hương	KBNN Lạng Sơn				15	06	1990	x	DT Nùng	NV1705	2	Phòng thi số 07	
510	Trần Thị Thanh	Hương	KBNN Thừa Thiên Huế				03	11	1997			NV1706	2	Phòng thi số 07	
511	Trần Thị Thanh	Hương	KBNN Vĩnh Phúc				23	07	1997			NV1707	2	Phòng thi số 07	
512	Vũ Quỳnh	Hương	KBNN Hải Phòng				04	01	1998			NV1708	2	Phòng thi số 07	
513	Vũ Thị Thanh	Hương	KBNN Thái Nguyên				12	8	1995			NV1709	2	Phòng thi số 07	
514	Bùi Thái	Hương	Cơ quan KBNN				03	04	1990			NV1710	2	Phòng thi số 07	
515	Đào Thu	Hương	KBNN Hải Phòng				26	12	1993			NV1711	2	Phòng thi số 07	
516	Lưu Thị Thanh	Hương	KBNN Hòa Bình				19	11	1996			NV1712	2	Phòng thi số 07	
517	Mạc Thị Thu	Hương	KBNN Yên Bái				05	6	1994		DT Nùng	NV1713	2	Phòng thi số 07	
518	Nguyễn Thị	Hương	KBNN Bắc Ninh				10	08	1997			NV1714	2	Phòng thi số 07	
519	Nông Thị	Hương	KBNN Cao Bằng				05	2	1996	x	DT Tây	NV1715	2	Phòng thi số 07	
520	Phan Thị Thanh	Hương	KBNN Vĩnh Phúc				02	12	1999			NV1716	2	Phòng thi số 07	
521	Vũ Thị	Hương	KBNN Thái Nguyên				09	11	1991			NV1717	2	Phòng thi số 07	
522	Nguyễn Văn	Hương	KBNN Thanh Hóa	01	11	1998						NV1718	2	Phòng thi số 07	
523	Đặng Trọng	Huy	KBNN Thừa Thiên Huế	14	12	1997						NV1719	2	Phòng thi số 07	
524	Hồ Quốc	Huy	KBNN Sơn La	13	02	1997				x	DT Thái	NV1720	2	Phòng thi số 07	
525	Lê Quang	Huy	KBNN Lào Cai	21	7	1956						NV1721	2	Phòng thi số 07	
526	Lê Trung	Huy	Cơ quan KBNN	19	03	2000						NV1722	2	Phòng thi số 07	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú	
				Nam			Nữ									
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
527	Lương Văn	Huy	KBNN Điện Biên	08	9	1958						DT Thái	NV1723	2	Phòng thi số 07	
528	Nguyễn Quang	Huy	KBNN Bắc Ninh	10	04	1991						HTNVQS	NV1724	2	Phòng thi số 07	
529	Nguyễn Sinh	Huy	KBNN Yên Bái	14	5	1998							NV1725	2	Phòng thi số 07	
530	Tổng Hoàng	Huy	KBNN Bắc Ninh	07	11	1995					x		NV1726	2	Phòng thi số 07	
531	Trần Quang	Huy	KBNN Lào Cai	08	8	1999							NV1727	2	Phòng thi số 07	
532	Cao Thị Khánh	Huyền	Cơ quan KBNN				01	01	2000	x			NV1728	2	Phòng thi số 07	
533	Đặng Thị Thương	Huyền	Cơ quan KBNN				11	12	1994				NV1729	2	Phòng thi số 07	
534	Đào Thị Thanh	Huyền	KBNN Hải Phòng				27	3	1998				NV1730	2	Phòng thi số 07	
535	Đình Thị	Huyền	KBNN Lào Cai				22	02	1995				NV1731	2	Phòng thi số 08	
536	Đỗ Thị	Huyền	Cơ quan KBNN				06	07	1988				NV1732	2	Phòng thi số 08	
537	Đỗ Thị Ngọc	Huyền	KBNN Bắc Ninh				23	11	1993	x			NV1733	2	Phòng thi số 08	
538	Hoàng Diệu	Huyền	Cơ quan KBNN				11	02	1999				NV1734	2	Phòng thi số 08	
539	Hoàng Ngọc	Huyền	KBNN Sơn La				20	08	2000				NV1735	2	Phòng thi số 08	
540	Hoàng Ngọc	Huyền	KBNN Thanh Hóa				04	02	1999				NV1736	2	Phòng thi số 08	
541	Hoàng Thị	Huyền	KBNN Bắc Kan				16	02	1992	x	DT Tây		NV1737	2	Phòng thi số 08	
542	Hoàng Thị	Huyền	KBNN Lạng Sơn				09	06	1997	x	DT Tây		NV1738	2	Phòng thi số 08	
543	Lê Ngọc	Huyền	KBNN Yên Bái				06	3	2000				NV1739	2	Phòng thi số 08	
544	Lê Thị Ngọc	Huyền	Cơ quan KBNN				05	12	2000				NV1740	2	Phòng thi số 08	
545	Lê Thị Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				26	11	1991				NV1741	2	Phòng thi số 08	
546	Lương Minh	Huyền	Cơ quan KBNN				18	04	1998				NV1742	2	Phòng thi số 08	
547	Ngô Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				22	12	1988				NV1743	2	Phòng thi số 08	
548	Nguyễn Khánh	Huyền	KBNN Thừa Thiên Huế				31	12	1995				NV1744	2	Phòng thi số 08	
549	Nguyễn Khánh	Huyền	KBNN Thái Nguyên				23	11	1993		DT Nùng		NV1745	2	Phòng thi số 08	
550	Nguyễn Khánh	Huyền	Cơ quan KBNN				30	07	2000				NV1746	2	Phòng thi số 08	
551	Nguyễn Minh	Huyền	KBNN Thái Nguyên				19	12	1993		DT Tây		NV1747	2	Phòng thi số 08	
552	Nguyễn Thanh	Huyền	KBNN Hải Dương				31	12	1995				NV1748	2	Phòng thi số 08	
553	Nguyễn Thị Khanh	Huyền	KBNN Hà Tĩnh				18	10	2000				NV1749	2	Phòng thi số 08	
554	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Cơ quan KBNN				5	3	1998				NV1750	2	Phòng thi số 08	
555	Nguyễn Thị Thu	Huyền	KBNN Hải Phòng				16	10	1999				NV1751	2	Phòng thi số 08	
556	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				01	12	1984				NV1752	2	Phòng thi số 08	
557	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				02	02	1999				NV1753	2	Phòng thi số 08	
558	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				09	11	1994		Con TB		NV1754	2	Phòng thi số 08	
559	Phạm Minh	Huyền	KBNN Hà Nội				25	05	1999				NV1755	2	Phòng thi số 08	
560	Phạm Thị	Huyền	Cơ quan KBNN				20	08	1988				NV1756	2	Phòng thi số 08	
561	Phạm Thị	Huyền	Cơ quan KBNN				05	12	1998				NV1757	2	Phòng thi số 08	
562	Phạm Thị Minh	Huyền	Cơ quan KBNN				28	06	1991				NV1758	2	Phòng thi số 08	
563	Phan Thị	Huyền	KBNN Hà Tĩnh				16	04	1995				NV1759	2	Phòng thi số 08	
564	Trần Thanh	Huyền	Cơ quan KBNN				17	6	1995				NV1760	2	Phòng thi số 08	
565	Trần Thị	Huyền	KBNN Hà Tĩnh				17	05	1997				NV1761	2	Phòng thi số 08	
566	Trần Thị Thanh	Huyền	KBNN Thanh Hóa				21	10	1993				NV1762	2	Phòng thi số 08	
567	Trần Thị Thu	Huyền	Cơ quan KBNN				18	04	1998				NV1763	2	Phòng thi số 08	
568	Vũ Thanh	Huyền	KBNN Cao Bằng				04	12	1997				NV1764	2	Phòng thi số 08	
569	Vũ Thị Ngọc	Huyền	KBNN Hải Phòng				21	8	2000				NV1765	2	Phòng thi số 08	
570	Lương Đức	Huyền	KBNN Lạng Sơn	05	12	1992				x	DT Tây		NV1766	2	Phòng thi số 08	
571	Nguyễn Đình	Khái	KBNN Nghệ An	02	06	1998							NV1767	2	Phòng thi số 08	
572	Nông Huy	Khánh	KBNN Cao Bằng	02	4	1991				x	DT Tây		NV1768	2	Phòng thi số 08	
573	Trương Thị Phương	Khánh	KBNN Thừa Thiên Huế				05	06	1987				NV1769	2	Phòng thi số 08	
574	Đặng Minh	Khánh	Cơ quan KBNN	19	09	2000							NV1770	2	Phòng thi số 08	
575	Nguyễn Thị Minh	Khánh	KBNN Điện Biên				01	5	1998				NV1771	2	Phòng thi số 08	
576	Trần Ngọc Bảo	Khánh	KBNN Quảng Trị				11	02	1996				NV1772	2	Phòng thi số 08	
577	Vì Trọng	Khánh	KBNN Cao Bằng	10	2	2000				x	DT Nùng		NV1773	2	Phòng thi số 08	
578	Vũ Ngọc	Khánh	KBNN Hải Phòng				13	11	1999				NV1774	2	Phòng thi số 08	
579	Phạm Mạnh	Khoa	Cơ quan KBNN				01	08	1990				NV1775	2	Phòng thi số 08	
580	Đàm Minh	Khôi	KBNN Lạng Sơn	21	03	1991				x	DT Nùng		NV1776	2	Phòng thi số 08	
581	Ngô Thanh	Khôi	KBNN Nghệ An	14	03	1996							NV1777	3	Phòng thi số 01	
582	Lâm Đình	Khương	Cơ quan KBNN	11	04	1999							NV1778	3	Phòng thi số 01	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngại ngặt	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
583	Lưu Đăng	Kiến	KBNN Yên Bái	23	5	1990						NV1779	3	Phòng thi số 01	
584	Phạm Trung	Kiến	KBNN Điện Biên	11	01	1995						NV1780	3	Phòng thi số 01	
585	Lê Thị Thủy	Kiều	KBNN Thừa Thiên Huế				17	05	1996			NV1781	3	Phòng thi số 01	
586	Trình Mỹ	Kim	Cơ quan KBNN				13	8	2000			NV1782	3	Phòng thi số 01	
587	Hoàng Thị	Lam	KBNN Cao Bằng				23	8	1997	x	DT Tây	NV1783	3	Phòng thi số 01	
588	Nguyễn Thạch	Lam	KBNN Hải Phòng				29	6	1989			NV1784	3	Phòng thi số 01	
589	Nguyễn Bá Phan	Lâm	Cơ quan KBNN	07	11	2000						NV1785	3	Phòng thi số 01	
590	Phạm Quỳnh	Lâm	KBNN Hà Nam				14	02	1999			NV1786	3	Phòng thi số 01	
591	Đoàn Thị Lành	Lan	KBNN Cao Bằng				08	9	1992	x	DT Nùng	NV1787	3	Phòng thi số 01	
592	Hoàng Thị	Lan	KBNN Cao Bằng				09	12	2000	x	DT Nùng	NV1788	3	Phòng thi số 01	
593	Hoàng Thị	Lan	KBNN Yên Bái				05	4	1998			NV1789	3	Phòng thi số 01	
594	Hoàng Tú	Lan	KBNN Bắc Kan				30	6	1998	x	DT Tây	NV1790	3	Phòng thi số 01	
595	Lâm Huệ	Lan	KBNN Thái Nguyên				24	10	2001		DT Nùng	NV1791	3	Phòng thi số 01	
596	Lương Thị	Lan	KBNN Điện Biên				27	4	1996		DT Thái	NV1792	3	Phòng thi số 01	
597	Lý Thị	Lan	KBNN Cao Bằng				19	12	1995	x	DT Sản chỉ	NV1793	3	Phòng thi số 01	
598	Nguyễn Hoàng	Lan	KBNN Quảng Trị				21	09	1999			NV1794	3	Phòng thi số 01	
599	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	KBNN Quảng Trị				27	10	1999			NV1795	3	Phòng thi số 01	
600	Nguyễn Thị Thanh	Lan	KBNN Lào Cai				08	6	1991			NV1796	3	Phòng thi số 01	
601	Trần Linh	Lan	KBNN Thừa Thiên Huế				16	08	1997			NV1797	3	Phòng thi số 01	
602	Hoàng Ngọc	Lân	Cơ quan KBNN	26	09	1991				x		NV1798	3	Phòng thi số 01	
603	Nguyễn Thị Hồng	Lành	Cơ quan KBNN				02	9	1994	x		NV1799	3	Phòng thi số 01	
604	Nguyễn Thị Khanh	Lê	KBNN Lạng Sơn				28	08	1993			NV1800	3	Phòng thi số 01	
605	Đinh Thị	Lê	Cơ quan KBNN				13	05	1995			NV1801	3	Phòng thi số 01	
606	Nguyễn Nhật	Lê	KBNN Bắc Kan				28	5	1994	x		NV1802	3	Phòng thi số 01	
607	Nguyễn Thị	Lê	KBNN Quảng Trị				25	02	1994		Con TB	NV1803	3	Phòng thi số 01	
608	Nguyễn Thị	Lê	KBNN Thanh Hóa				15	02	1992			NV1804	3	Phòng thi số 01	
609	Bùi Thị	Liên	KBNN Thanh Hóa				10	03	1993		DT Mường	NV1805	3	Phòng thi số 02	
610	Hà Quỳnh	Liên	KBNN Hải Phòng				06	01	1992	x		NV1806	3	Phòng thi số 02	
611	Lê Thị Hồng	Liên	KBNN Thanh Hóa				06	09	1990			NV1807	3	Phòng thi số 02	
612	Nguyễn Thị Kim	Liên	Cơ quan KBNN				13	03	1997			NV1808	3	Phòng thi số 02	
613	Phạm Thị Kim	Liên	KBNN Hà Nam				20	02	1994			NV1809	3	Phòng thi số 02	
614	Bùi Mỹ	Linh	Cơ quan KBNN				16	09	1996			NV1810	3	Phòng thi số 02	
615	Bùi Thủy	Linh	KBNN Hải Phòng				17	9	2000			NV1811	3	Phòng thi số 02	
616	Châu Thị Mỹ	Linh	Cơ quan KBNN				24	05	1996		DT Tây	NV1812	3	Phòng thi số 02	
617	Đặng Khánh	Linh	Cơ quan KBNN				15	07	1999			NV1813	3	Phòng thi số 02	
618	Đặng Thủy	Linh	KBNN Hải Phòng				09	11	1997			NV1814	3	Phòng thi số 02	
619	Đặng Thị Mỹ	Linh	Cơ quan KBNN				01	03	1995			NV1815	3	Phòng thi số 02	
620	Đào Thị Khánh	Linh	Cơ quan KBNN				22	12	1997			NV1816	3	Phòng thi số 02	
621	Đinh Khánh	Linh	KBNN Nghệ An				17	03	1998			NV1817	3	Phòng thi số 02	
622	Đinh Thị Hạnh	Linh	KBNN Thanh Hóa				06	04	1993			NV1818	3	Phòng thi số 02	
623	Đinh Thị Thủy	Linh	KBNN Lào Cai				03	9	1996			NV1819	3	Phòng thi số 02	
624	Đỗ Thị Hà	Linh	KBNN Hưng Yên				26	3	1993			NV1820	3	Phòng thi số 02	
625	Dương Thủy	Linh	KBNN Thái Nguyên				30	10	2000			NV1821	3	Phòng thi số 02	
626	Dương Thị Diệu	Linh	Cơ quan KBNN				05	12	2000		DT Tây	NV1822	3	Phòng thi số 02	
627	Giáp Thị Khánh	Linh	KBNN Lạng Sơn				27	07	1999	x	DT Nùng	NV1823	3	Phòng thi số 02	
628	Hà Diệu	Linh	KBNN Cao Bằng				29	12	1995	x	DT Tây	NV1824	3	Phòng thi số 02	
629	Hoàng Phương	Linh	KBNN Lào Cai				21	3	1998			NV1825	3	Phòng thi số 02	
630	Hoàng Thị Diệu	Linh	KBNN Cao Bằng				22	10	1999	x	DT Tây	NV1826	3	Phòng thi số 02	
631	Lê Thị	Linh	KBNN Thanh Hóa				26	08	1998			NV1827	3	Phòng thi số 02	
632	Lê Thủy	Linh	KBNN Hà Nội				30	08	1999			NV1828	3	Phòng thi số 02	
633	Lê Nguyễn Khánh	Linh	KBNN Thanh Hóa				24	11	1999			NV1829	3	Phòng thi số 02	
634	Lê Thị Thủy	Linh	KBNN Thanh Hóa				26	11	2000			NV1830	3	Phòng thi số 02	
635	Lý Nhật	Linh	KBNN Lạng Sơn				05	02	1996	x	DT Tây	NV1831	3	Phòng thi số 02	
636	Ngô Mai	Linh	Cơ quan KBNN				16	10	1998			NV1832	3	Phòng thi số 02	
637	Ngô Thị Diệu	Linh	Cơ quan KBNN				10	06	1992			NV1833	3	Phòng thi số 02	
638	Nguyễn Chi	Linh	KBNN Thanh Hóa	02	09	1998						NV1834	3	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Năm			Ngày								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
639	Nguyễn Hạnh	Linh	KBNN Thái Nguyên				13	11	1995			NV1835	3	Phòng thi số 02	
640	Nguyễn Hoài	Linh	KBNN Bắc Ninh				21	12	1994			NV1836	3	Phòng thi số 02	
641	Nguyễn Hồng	Linh	KBNN Hà Giang				06	01	1999	x	DT Tây	NV1837	3	Phòng thi số 02	
642	Nguyễn Khánh	Linh	KBNN Quảng Trị				02	04	1995			NV1838	3	Phòng thi số 02	
643	Nguyễn Khánh	Linh	KBNN Thanh Hóa				23	10	1998			NV1839	3	Phòng thi số 03	
644	Nguyễn Ngọc	Linh	KBNN Yên Bái				09	9	1999			NV1840	3	Phòng thi số 03	
645	Nguyễn Phương	Linh	KBNN Hải Dương				23	12	1999			NV1841	3	Phòng thi số 03	
646	Nguyễn Quang	Linh	KBNN Hải Phòng	17	9	1994						NV1842	3	Phòng thi số 03	
647	Nguyễn Thành	Linh	KBNN Thanh Hóa				13	06	1997			NV1843	3	Phòng thi số 03	
648	Nguyễn Thảo	Linh	Cơ quan KBNN				13	01	1998			NV1844	3	Phòng thi số 03	
649	Nguyễn Thị	Linh	KBNN Hà Giang				13	03	2000			NV1845	3	Phòng thi số 03	
650	Nguyễn Thủy	Linh	KBNN Hà Giang				12	10	1996			NV1846	3	Phòng thi số 03	
651	Nguyễn Thủy	Linh	KBNN Vĩnh Phúc				03	11	1999			NV1847	3	Phòng thi số 03	
652	Nguyễn Thủy	Linh	Cơ quan KBNN				27	11	1997			NV1848	3	Phòng thi số 03	
653	Nguyễn Thủy	Linh	Cơ quan KBNN				21	05	1994			NV1849	3	Phòng thi số 03	
654	Nguyễn Thị Diệu	Linh	KBNN Thái Nguyên				26	4	2000			NV1850	3	Phòng thi số 03	
655	Nguyễn Thị Hà	Linh	Cơ quan KBNN				22	05	1990			NV1851	3	Phòng thi số 03	
656	Nguyễn Thị Khánh	Linh	KBNN Bắc Ninh				10	09	1993			NV1852	3	Phòng thi số 03	
657	Nguyễn Thị Mai	Linh	Cơ quan KBNN				13	09	2000			NV1853	3	Phòng thi số 03	
658	Nguyễn Thị Ngân	Linh	KBNN Hà Giang				02	10	2001			NV1854	3	Phòng thi số 03	
659	Nguyễn Thị Phương	Linh	KBNN Nghệ An				04	12	1997			NV1855	3	Phòng thi số 03	
660	Nguyễn Thị Thanh	Linh	Cơ quan KBNN				18	04	1999			NV1856	3	Phòng thi số 03	
661	Nguyễn Thị Thủy	Linh	KBNN Hưng Yên				11	3	1999			NV1857	3	Phòng thi số 03	GCNTN
662	Nguyễn Thị Thủy	Linh	KBNN Thanh Hóa				12	11	2000			NV1858	3	Phòng thi số 03	
663	Nguyễn Thị Thủy	Linh	KBNN Thanh Hóa				12	04	2000			NV1859	3	Phòng thi số 03	
664	Nông Thủy	Linh	KBNN Lạng Sơn				07	11	1995	x	DT Tây	NV1860	3	Phòng thi số 03	
665	Phạm Khánh	Linh	Cơ quan KBNN				6	12	1998			NV1861	3	Phòng thi số 03	
666	Phạm Thị Mai	Linh	KBNN Bắc Kan				11	7	1995	x		NV1862	3	Phòng thi số 03	
667	Phan Thi	Linh	KBNN Yên Bái				03	6	1993			NV1863	3	Phòng thi số 03	
668	Phan Thủy	Linh	KBNN Nghệ An				15	09	1990			NV1864	3	Phòng thi số 03	
669	Phan Thị Thủy	Linh	Cơ quan KBNN				31	05	1992			NV1865	3	Phòng thi số 03	
670	Phùng Văn	Linh	Cơ quan KBNN	18	4	1990					DT Nùng	NV1866	3	Phòng thi số 03	
671	Tổng Thị Khánh	Linh	KBNN Lào Cai				19	5	1998		DT Tây	NV1867	3	Phòng thi số 03	
672	Trần Huệ	Linh	Cơ quan KBNN				03	4	1997			NV1868	3	Phòng thi số 03	
673	Trần Nhật	Linh	KBNN Bắc Ninh				08	06	1991			NV1869	3	Phòng thi số 03	
674	Trần Phương	Linh	Cơ quan KBNN				17	12	1998			NV1870	3	Phòng thi số 03	
675	Trần Thái	Linh	KBNN Hà Nội				13	03	1987			NV1871	3	Phòng thi số 03	
676	Trần Thị	Linh	KBNN Hải Phòng				15	01	1994			NV1872	3	Phòng thi số 03	
677	Trần Thủy	Linh	KBNN Nghệ An				20	04	1997			NV1873	3	Phòng thi số 04	
678	Trần Tuấn	Linh	Cơ quan KBNN	10	05	1995						NV1874	3	Phòng thi số 04	
679	Trần Thị Khánh	Linh	KBNN Yên Bái				17	5	1994			NV1875	3	Phòng thi số 04	
680	Trần Thị Nhật	Linh	KBNN Lạng Sơn				07	01	2000			NV1876	3	Phòng thi số 04	
681	Trần Thị Thủy	Linh	Cơ quan KBNN				22	07	2000			NV1877	3	Phòng thi số 04	
682	Triệu Khánh	Linh	Cơ quan KBNN				13	10	1995		DT Tây	NV1878	3	Phòng thi số 04	
683	Trương Khánh	Linh	KBNN Nghệ An				22	12	1996		Con BB	NV1879	3	Phòng thi số 04	
684	Vũ Mỹ	Linh	KBNN Lạng Sơn				11	01	1995			NV1880	3	Phòng thi số 04	
685	Vũ Thủy	Linh	KBNN Hà Nội				29	05	1998			NV1881	3	Phòng thi số 04	
686	Vũ Thị Diệu	Linh	KBNN Hòa Bình				15	8	1999			NV1882	3	Phòng thi số 04	
687	Lê Thị Hồng	Linh	KBNN Thừa Thiên Huế				14	07	1991			NV1883	3	Phòng thi số 04	
688	Nguyễn Hồng	Linh	Cơ quan KBNN	05	04	1998						NV1884	3	Phòng thi số 04	
689	Bùi Thị Kim	Loan	KBNN Thừa Thiên Huế				20	11	1997			NV1885	3	Phòng thi số 04	
690	Dịch Mai	Loan	KBNN Hòa Bình				08	9	2000		DT Mường	NV1886	3	Phòng thi số 04	
691	Lê Thị	Loan	Cơ quan KBNN				09	01	1988		Con BB	NV1887	3	Phòng thi số 04	
692	Nguyễn Thị	Loan	Cơ quan KBNN				09	10	1994			NV1888	3	Phòng thi số 04	
693	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Cơ quan KBNN				25	09	1998			NV1889	3	Phòng thi số 04	
694	Tổng Thị	Loan	KBNN Thanh Hóa				28	04	1995			NV1890	3	Phòng thi số 04	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
695	Trần Thị Hồng	Loan	KBNN Hà Tĩnh				01	10	1995			NV1891	3	Phòng thi số 04	
696	Đỗ Xuân	Lộc	KBNN Hà Nam	13	11	2000						NV1892	3	Phòng thi số 04	
697	Nguyễn Phú	Lộc	KBNN Thừa Thiên Huế	06	05	1995						NV1893	3	Phòng thi số 04	
698	Nguyễn Xuân	Lộc	KBNN Hòa Bình	01	02	1999					DT Mường	NV1894	3	Phòng thi số 04	
699	Vũ Xuân	Lộc	Cơ quan KBNN	24	10	2001						NV1895	3	Phòng thi số 04	GCNTN
700	Đỗ Hải	Long	KBNN Yên Bái	04	10	1999						NV1896	3	Phòng thi số 04	
701	Hoàng Đức	Long	KBNN Lạng Sơn	22	05	1994						NV1897	3	Phòng thi số 04	
702	Nguyễn Thành	Long	KBNN Bắc Ninh	19	07	2000						NV1898	3	Phòng thi số 04	
703	Nguyễn Thị	Long	KBNN Thanh Hóa				07	08	2000	x		NV1899	3	Phòng thi số 04	
704	Phan Văn	Long	KBNN Hà Giang	19	07	1998						NV1900	3	Phòng thi số 04	
705	Trần Minh	Long	Cơ quan KBNN	10	12	2000						NV1901	3	Phòng thi số 04	
706	Trần Xuân Thắng	Long	KBNN Quảng Trị	25	10	1996						NV1902	3	Phòng thi số 04	
707	Vũ Mạnh Hoàng	Long	Cơ quan KBNN	09	10	1994				x		NV1903	3	Phòng thi số 04	
708	Tráng A	Lồng	KBNN Điện Biên	10	11	1995					DT Mông	NV1904	3	Phòng thi số 04	
709	Nguyễn Tiến	Lực	KBNN Nghệ An	10	01	2000						NV1905	3	Phòng thi số 04	
710	Hứa Thị	Lương	KBNN Cao Bằng				22	9	2000	x	DT Nùng	NV1906	3	Phòng thi số 04	
711	Ngô Thị	Lương	KBNN Thanh Hóa				12	03	1995		Con TB	NV1907	3	Phòng thi số 05	
712	Vương Văn	Lương	Cơ quan KBNN	01	08	1989				x		NV1908	3	Phòng thi số 05	
713	Bê Khánh	Ly	KBNN Cao Bằng				06	8	1992	x	DT Tây	NV1909	3	Phòng thi số 05	
714	Đinh Thị Hà	Ly	KBNN Cao Bằng				28	5	1993	x	DT Tây	NV1910	3	Phòng thi số 05	
715	Đinh Thị Hương	Ly	KBNN Bắc Kạn				02	6	1996	x	DT Tây	NV1911	3	Phòng thi số 05	
716	Đinh Thị Phương	Ly	KBNN Hòa Bình				16	10	1999		DT Mường	NV1912	3	Phòng thi số 05	
717	Lê Thị Ngọc	Ly	KBNN Thừa Thiên Huế				18	3	1991			NV1913	3	Phòng thi số 05	
718	Nguyễn Hương	Ly	KBNN Ninh Bình				19	02	1997			NV1914	3	Phòng thi số 05	
719	Nguyễn Ly	Ly	KBNN Thanh Hóa				15	12	1991			NV1915	3	Phòng thi số 05	
720	Nguyễn Đăng Hương	Ly	Cơ quan KBNN				26	11	1999			NV1916	3	Phòng thi số 05	
721	Nguyễn Thị Hằng	Ly	KBNN Nghệ An				08	04	1987			NV1917	3	Phòng thi số 05	
722	Nông Thảo	Ly	KBNN Bắc Kạn				22	4	1999	x	DT Tây	NV1918	3	Phòng thi số 05	
723	Phạm Thị Khánh	Ly	KBNN Hà Nam				12	8	1998		Con TB	NV1919	3	Phòng thi số 05	
724	Trần Thị	Ly	KBNN Thừa Thiên Huế				16	04	1996			NV1920	3	Phòng thi số 05	
725	Trương Cẩm	Ly	KBNN Bắc Kạn				27	3	1997	x	DT Nùng	NV1921	3	Phòng thi số 05	
726	Đặng Quỳnh	Mai	KBNN Bắc Ninh				01	01	1999			NV1922	3	Phòng thi số 05	
727	Đào Thanh	Mai	KBNN Thanh Hóa				06	12	1999			NV1923	3	Phòng thi số 05	
728	Đinh Thu Thanh	Mai	KBNN Ninh Bình				11	3	1997			NV1924	3	Phòng thi số 05	
729	Hoàng Ngọc	Mai	Cơ quan KBNN				23	10	1995			NV1925	3	Phòng thi số 05	
730	Lê Thị Xuân	Mai	KBNN Thừa Thiên Huế				17	07	1990			NV1926	3	Phòng thi số 05	
731	Nghiêm Hoàng	Mai	KBNN Hà Nội				05	08	2000			NV1927	3	Phòng thi số 05	
732	Nguyễn Ngọc	Mai	Cơ quan KBNN				24	09	2000			NV1928	3	Phòng thi số 05	
733	Nguyễn Thị	Mai	KBNN Quảng Trị				13	12	1993			NV1929	3	Phòng thi số 05	
734	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	KBNN Cao Bằng				25	02	1998	x	DT Tây	NV1930	3	Phòng thi số 05	
735	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	KBNN Thanh Hóa				04	10	1982	x		NV1931	3	Phòng thi số 05	
736	Phạm Phương	Mai	KBNN Hà Giang				10	08	1995			NV1932	3	Phòng thi số 05	
737	Phan Ngọc	Mai	Cơ quan KBNN				23	7	2000			NV1933	3	Phòng thi số 05	
738	Trần Thị Ngọc	Mai	KBNN Quảng Ninh				25	08	2000			NV1934	3	Phòng thi số 05	
739	Trương Ngọc	Mai	KBNN Hải Dương				05	10	1998			NV1935	3	Phòng thi số 05	
740	Vũ Phương	Mai	Cơ quan KBNN				22	09	1998			NV1936	3	Phòng thi số 05	
741	Vũ Quỳnh	Mai	KBNN Hà Nội				11	10	1993			NV1937	3	Phòng thi số 05	
742	Vương Tiểu	Mẫn	KBNN Điện Biên				17	8	1999			NV1938	3	Phòng thi số 05	
743	Vy Thu	Mẫn	KBNN Lạng Sơn				15	11	2000	x	DT Tây	NV1939	3	Phòng thi số 05	
744	Nguyễn Đức	Mạnh	KBNN Hưng Yên	15	10	1998						NV1940	3	Phòng thi số 05	
745	Nguyễn Tuấn	Mạnh	KBNN Hà Giang	25	05	2000				x	DT Tây	NV1941	3	Phòng thi số 06	
746	Đặng Bích	Mậu	KBNN Hà Giang				17	01	1993	x	DT Tây	NV1942	3	Phòng thi số 06	
747	Đặng Mui	Mấy	KBNN Lào Cai				20	5	1999		DT Dao	NV1943	3	Phòng thi số 06	
748	Nông Thị	Mến	KBNN Lạng Sơn				28	09	1993	x	DT Nùng	NV1944	3	Phòng thi số 06	
749	Hoàng Văn	Minh	KBNN Nghệ An	15	07	1996						NV1945	3	Phòng thi số 06	
750	Lê Sỹ	Minh	KBNN Hà Nội	15	10	1993						NV1946	3	Phòng thi số 06	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Cấp thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
751	Nguyễn Bình	Minh	Cơ quan KBNN	25	12	1999						NV1947	3	Phòng thi số 05	
752	Nguyễn Hoàng	Minh	KBNN Hải Phòng	12	10	1998						NV1948	3	Phòng thi số 05	
753	Nguyễn Thị Nguyệt	Minh	KBNN Hà Nội				24	10	1999			NV1949	3	Phòng thi số 05	
754	Tạ Duy	Minh	KBNN Điện Biên	20	4	1994						NV1950	3	Phòng thi số 06	
755	Trần Thị Hồng	Minh	KBNN Hải Phòng				30	10	1989			NV1951	3	Phòng thi số 06	
756	Trần Thị Ngọc	Minh	KBNN Thừa Thiên Huế				09	05	1998			NV1952	3	Phòng thi số 06	
757	Phạm Thị	Mơ	KBNN Quảng Ninh				22	08	1992		Con TB 4/4	NV1953	3	Phòng thi số 06	
758	Đinh Thị	Múi	KBNN Điện Biên				20	7	1991			NV1954	3	Phòng thi số 06	
759	Lê Thị Kiều	My	KBNN Thừa Thiên Huế				13	12	1994			NV1955	3	Phòng thi số 06	
760	Ngô Hà	My	KBNN Thanh Hóa				05	12	1995			NV1956	3	Phòng thi số 06	
761	Nguyễn Hà	My	KBNN Sơn La				27	09	1999	x	DT Thái	NV1957	3	Phòng thi số 06	
762	Nguyễn Hà	My	KBNN Thái Nguyên				19	7	1993		Con TB 3/4	NV1958	3	Phòng thi số 06	
763	Nguyễn Trà	My	KBNN Hà Giang				21	10	1997	x		NV1959	3	Phòng thi số 06	
764	Nguyễn Thị Trà	My	KBNN Hà Nội				02	09	1990			NV1960	3	Phòng thi số 06	
765	Nguyễn Thị Trà	My	Cơ quan KBNN				28	01	1999			NV1961	3	Phòng thi số 06	
766	Nông Thị Hà	My	Cơ quan KBNN				08	09	1994		DT Tây	NV1962	3	Phòng thi số 06	
767	Toàn Thị Trà	My	KBNN Lạng Sơn				08	10	1989	x	DT Tây	NV1963	3	Phòng thi số 06	
768	Cao Đỗ Ngọc	Mỹ	Cơ quan KBNN				19	05	1997			NV1964	3	Phòng thi số 06	
769	Lê Nhật	Mỹ	Cơ quan KBNN				20	02	2000			NV1965	3	Phòng thi số 06	
770	Lê Thị Quý	Mỹ	KBNN Thừa Thiên Huế				10	08	1993			NV1966	3	Phòng thi số 06	
771	Nông Thị Kiều	Mỹ	KBNN Thái Nguyên				18	10	1997		DT Tây	NV1967	3	Phòng thi số 06	
772	Sùng Thị	Mỹ	KBNN Hà Giang				15	05	1998	x	DT Mông	NV1968	3	Phòng thi số 06	
773	Ngô Thị Ly	Na	KBNN Thừa Thiên Huế				20	10	1992			NV1969	3	Phòng thi số 06	
774	Nguyễn Thị Lê	Na	KBNN Thừa Thiên Huế				19	7	1998			NV1970	3	Phòng thi số 06	
775	Đào Văn	Nam	KBNN Hải Phòng	20	9	1997						NV1971	3	Phòng thi số 06	
776	Đinh Hoàng	Nam	KBNN Hà Nam	03	12	1999						NV1972	3	Phòng thi số 06	
777	Hà Trung	Nam	KBNN Ninh Bình	20	9	1997				x		NV1973	3	Phòng thi số 06	
778	Lê Đoàn Gia	Nam	KBNN Thanh Hóa	01	07	2000						NV1974	3	Phòng thi số 06	
779	Nguyễn Hoàng	Nam	KBNN Hà Nam	19	6	2000						NV1975	3	Phòng thi số 07	
780	Phạm Hoàng	Nam	KBNN Bắc Ninh	25	09	1994						NV1976	3	Phòng thi số 07	
781	Ba Thủy	Nga	KBNN Lạng Sơn				22	12	1990	x	DT Nùng	NV1977	3	Phòng thi số 07	
782	Châu Thu	Nga	KBNN Thái Nguyên				25	4	1993			NV1978	3	Phòng thi số 07	
783	Đậu Thị	Nga	KBNN Thanh Hóa				05	03	1992		Con TB	NV1979	3	Phòng thi số 07	
784	Huỳnh Nữ Quỳnh	Nga	KBNN Thừa Thiên Huế				26	06	1990			NV1980	3	Phòng thi số 07	
785	Lê Thị	Nga	KBNN Hải Phòng				23	11	1992			NV1981	3	Phòng thi số 07	
786	Lê Thị Hằng	Nga	KBNN Hà Nội				31	01	1999			NV1982	3	Phòng thi số 07	
787	Lương Thị	Nga	KBNN Thái Nguyên				27	8	1993			NV1983	3	Phòng thi số 07	
788	Mã Thị Nguyệt	Nga	KBNN Lạng Sơn				16	09	1994	x	DT Nùng	NV1984	3	Phòng thi số 07	
789	Nguyễn Thị	Nga	Cơ quan KBNN				7	9	1991			NV1985	3	Phòng thi số 07	
790	Nguyễn Thủy	Nga	Cơ quan KBNN				29	01	1996			NV1986	3	Phòng thi số 07	
791	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	KBNN Hưng Yên				31	3	1999			NV1987	3	Phòng thi số 07	
792	Trình Thị	Nga	Cơ quan KBNN				03	9	1997			NV1988	3	Phòng thi số 07	
793	Vũ Thị Thu	Nga	KBNN Hà Giang				16	11	1996	x		NV1989	3	Phòng thi số 07	
794	Bùi Thị Thanh	Ngân	KBNN Hà Tĩnh				24	05	1999			NV1990	3	Phòng thi số 07	
795	Đỗ Thị	Ngân	Cơ quan KBNN				28	04	1999			NV1991	3	Phòng thi số 07	
796	Hà Thảo	Ngân	Cơ quan KBNN				05	12	1997			NV1992	3	Phòng thi số 07	
797	Nguyễn Lê Quỳnh	Ngân	Cơ quan KBNN				09	10	1993			NV1993	3	Phòng thi số 07	
798	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Cơ quan KBNN				30	10	2000			NV1994	3	Phòng thi số 07	
799	Phạm Thị	Ngân	KBNN Thanh Hóa				20	07	1993			NV1995	3	Phòng thi số 07	
800	Phan Bảo	Ngân	KBNN Nghệ An				25	12	2000			NV1996	3	Phòng thi số 07	
801	Tạ Thị Thủy	Ngân	KBNN Hưng Yên				29	7	1997			NV1997	3	Phòng thi số 07	
802	Trần Kim	Ngân	KBNN Yên Bái				23	10	1993			NV1998	3	Phòng thi số 07	
803	Trương Thu	Ngân	Cơ quan KBNN				3	5	2000			NV1999	3	Phòng thi số 07	
804	Trương Thị Lê	Ngân	Cơ quan KBNN				02	01	1996		Con BB	NV2000	3	Phòng thi số 07	
805	Ngô Thị	Ngân	Cơ quan KBNN				06	03	1998			NV2001	3	Phòng thi số 07	
806	Vũ Trọng	Nghĩa	KBNN Bắc Kan				25	02	1993	x	DT Tây	NV2002	3	Phòng thi số 07	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Chi chú
				Năm			N3								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
807	Hoàng Thụy	Nghiêm	KBNN Lạng Sơn				10	07	1995	x	DT Tây	NV2003	3	Phòng thi số 07	
808	Nguyễn Thị	Ngoan	Cơ quan KBNN				28	07	1985	x		NV2004	3	Phòng thi số 07	
809	Bùi Yến	Ngọc	KBNN Lào Cai				10	11	1999			NV2005	3	Phòng thi số 07	
810	Đào Thị	Ngọc	KBNN Lạng Sơn				20	02	1995			NV2006	3	Phòng thi số 07	
811	Dương Minh	Ngọc	KBNN Thanh Hóa				06	03	1999		Con TB	NV2007	3	Phòng thi số 07	
812	Hà Thị	Ngọc	KBNN Hải Phòng				06	5	1993			NV2008	3	Phòng thi số 07	
813	Hoàng Ánh	Ngọc	KBNN Bắc Kan				26	6	1995	x	DT Tây	NV2009	3	Phòng thi số 07	
814	Hoàng Minh	Ngọc	KBNN Hải Phòng				20	10	2000			NV2010	3	Phòng thi số 07	
815	Hoàng Thụy	Ngọc	Cơ quan KBNN				06	12	1996			NV2011	3	Phòng thi số 07	
816	Lê Vũ Bảo	Ngọc	KBNN Điện Biên				17	12	1999			NV2012	3	Phòng thi số 07	
817	Ngô Đăng Công	Ngọc	Cơ quan KBNN	25	10	1997						NV2013	3	Phòng thi số 07	
818	Nguyễn Bích	Ngọc	KBNN Lạng Sơn				29	01	1989	x		NV2014	3	Phòng thi số 07	
819	Nguyễn Bích	Ngọc	Cơ quan KBNN				27	11	1990			NV2015	3	Phòng thi số 07	
820	Nguyễn Thị	Ngọc	KBNN Bắc Ninh				29	08	1988			NV2016	3	Phòng thi số 07	
821	Nguyễn Thị	Ngọc	KBNN Cao Bằng				10	10	1993	x	DT Tây	NV2017	3	Phòng thi số 07	
822	Nguyễn Thị	Ngọc	KBNN Thừa Thiên Huế				20	07	1991			NV2018	3	Phòng thi số 07	
823	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	KBNN Hà Nội				09	09	1982			NV2019	3	Phòng thi số 07	
824	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	Cơ quan KBNN				30	10	1996			NV2020	3	Phòng thi số 07	
825	Phùng Thị Bích	Ngọc	KBNN Hòa Bình				02	7	1999			NV2021	3	Phòng thi số 08	
826	Trần Bích	Ngọc	KBNN Lào Cai				10	7	1995			NV2022	3	Phòng thi số 08	
827	Trần Hồng	Ngọc	KBNN Bắc Ninh				10	09	2000	x		NV2023	3	Phòng thi số 08	
828	Trần Văn	Ngọc	KBNN Thanh Hóa	24	10	1997						NV2024	3	Phòng thi số 08	
829	Trần Thị Bích	Ngọc	Cơ quan KBNN				15	10	1996			NV2025	3	Phòng thi số 08	
830	Trương Thị	Ngọc	KBNN Hà Tĩnh				12	06	2000			NV2026	3	Phòng thi số 08	
831	Vũ Hồng	Ngọc	KBNN Hải Phòng				28	3	1999			NV2027	3	Phòng thi số 08	
832	Vũ Thị Bích	Ngọc	Cơ quan KBNN				19	07	1997			NV2028	3	Phòng thi số 08	
833	Chu Bảo	Nguyễn	Cơ quan KBNN	17	12	1998						NV2029	3	Phòng thi số 08	
834	Hoàng Thị Thao	Nguyễn	KBNN Thừa Thiên Huế				05	02	1996			NV2030	3	Phòng thi số 08	
835	Lê Thị Thảo	Nguyễn	KBNN Quảng Trị				22	12	1997			NV2031	3	Phòng thi số 08	
836	Lương Thảo	Nguyễn	Cơ quan KBNN				12	08	1991			NV2032	3	Phòng thi số 08	
837	Hoàng Thị Minh	Nguyễn	KBNN Lạng Sơn				06	08	1993	x	DT Nùng	NV2033	3	Phòng thi số 08	
838	Bạch Thị Phong	Nhà	KBNN Thừa Thiên Huế				15	07	1998			NV2034	3	Phòng thi số 08	
839	Hồ Nguyễn Linh	Nhằm	KBNN Hà Nội				21	06	1992			NV2035	3	Phòng thi số 08	
840	Đặng Thị	Nhân	KBNN Bắc Ninh				24	03	1991			NV2036	3	Phòng thi số 08	
841	Dương Thị Thanh	Nhân	KBNN Thái Nguyên				12	7	2000			NV2037	3	Phòng thi số 08	
842	Lại Thanh	Nhân	Cơ quan KBNN				12	6	2000			NV2038	3	Phòng thi số 08	
843	Nguyễn Thị	Nhân	KBNN Hà Nội				22	06	1995			NV2039	3	Phòng thi số 08	
844	Nguyễn Thị	Nhân	Cơ quan KBNN				17	08	1992			NV2040	3	Phòng thi số 08	
845	Hoàng Bảo	Nhi	KBNN Thừa Thiên Huế				04	04	1999			NV2041	3	Phòng thi số 08	
846	Lê Thị Huệ	Nhi	Cơ quan KBNN				08	5	2000			NV2042	3	Phòng thi số 08	
847	Nguyễn Thị Lan	Nhi	KBNN Thừa Thiên Huế				04	03	2000			NV2043	3	Phòng thi số 08	
848	Trần Dung	Nhi	KBNN Bắc Ninh				03	11	1994	x		NV2044	3	Phòng thi số 08	
849	Hồ Thị	Nhiên	KBNN Lào Cai				02	01	1999		DT Giáy	NV2045	3	Phòng thi số 08	
850	Hồ Thị Hồng	Như	KBNN Thừa Thiên Huế				30	10	1992			NV2046	3	Phòng thi số 08	
851	Hoàng Thị	Như	KBNN Bắc Kan				07	5	1997	x	DT Tây	NV2047	3	Phòng thi số 08	
852	Hoàng Thị Bạch	Như	KBNN Quảng Trị				14	09	1995			NV2048	3	Phòng thi số 08	
853	Nguyễn Thị	Như	Cơ quan KBNN				20	02	1998			NV2049	3	Phòng thi số 08	
854	Trần Thị Quỳnh	Như	KBNN Thừa Thiên Huế				02	01	1991			NV2050	3	Phòng thi số 08	
855	Nguyễn Thị	Nhuận	Cơ quan KBNN				19	07	1990			NV2051	3	Phòng thi số 08	
856	Bê Thị	Nhung	KBNN Cao Bằng				23	7	1995	x	DT Tây	NV2052	3	Phòng thi số 08	
857	Đặng Hồng	Nhung	Cơ quan KBNN				18	06	1990			NV2053	3	Phòng thi số 08	
858	Đặng Thị	Nhung	KBNN Thanh Hóa				10	02	1991	x		NV2054	3	Phòng thi số 08	
859	Đặng Thị Hồng	Nhung	Cơ quan KBNN				15	04	1998			NV2055	3	Phòng thi số 08	
860	Dương Thị	Nhung	KBNN Lạng Sơn				25	12	1999	x	DT Tây	NV2056	3	Phòng thi số 08	
861	Dương Thị Hồng	Nhung	KBNN Thanh Hóa				04	06	1995			NV2057	3	Phòng thi số 08	
862	Hà Thị Ngọc	Nhung	Cơ quan KBNN				30	10	2000			NV2058	3	Phòng thi số 08	

SMP

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngôi ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Năm			Nă								
				Ngày	Thang	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
863	Hồ Thị Tuyết	Nhung	KBNN Quảng Trị				30	10	1988			NV2059	3	Phòng thi số 08	
864	Huỳnh Thị Bích	Nhung	KBNN Hà Giang				18	11	1993			NV2060	3	Phòng thi số 08	
865	Lê Thị Hồng	Nhung	KBNN Thanh Hóa				30	07	1990			NV2061	3	Phòng thi số 08	
866	Liêu Hồng	Nhung	KBNN Lạng Sơn				06	03	1997	x	DT Tây	NV2062	3	Phòng thi số 08	
867	Lương Thị Hồng	Nhung	KBNN Cao Bằng				29	03	1999	x	DT Nùng	NV2063	3	Phòng thi số 08	
868	Ngô Hồng	Nhung	KBNN Cao Bằng				01	10	1996	x	DT Tây	NV2064	3	Phòng thi số 08	
869	Nguyễn Hồng	Nhung	KBNN Hải Phòng				30	7	1993			NV2065	3	Phòng thi số 08	
870	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	KBNN Hòa Bình				26	10	1993			NV2066	3	Phòng thi số 08	
871	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	KBNN Quảng Trị				02	07	1998			NV2067	4	Phòng thi số 01	
872	Nguyễn Trần Cẩm	Nhung	KBNN Thừa Thiên Huế				20	04	1999			NV2068	4	Phòng thi số 01	
873	Nguyễn Vũ Quỳnh	Nhung	KBNN Sơn La				16	05	1994			NV2069	4	Phòng thi số 01	
874	Nông Hồng	Nhung	KBNN Lạng Sơn				27	12	1994	x	DT Tây	NV2070	4	Phòng thi số 01	
875	Phạm Thị Hồng	Nhung	Cơ quan KBNN				27	06	1994			NV2071	4	Phòng thi số 01	
876	Trịnh Thị Hồng	Nhung	KBNN Thanh Hóa				08	09	1998			NV2072	4	Phòng thi số 01	
877	Vũ Thị Hồng	Nhung	Cơ quan KBNN				09	12	1998			NV2073	4	Phòng thi số 01	
878	Bùi Thị	Nhung	KBNN Nghệ An				14	07	2000			NV2074	4	Phòng thi số 01	
879	Đỗ Thị Lâm	Oanh	Cơ quan KBNN				13	01	1995			NV2075	4	Phòng thi số 01	
880	Đoàn Thị	Oanh	Cơ quan KBNN				20	05	1995			NV2076	4	Phòng thi số 01	
881	Hồ Ngọc	Oanh	Cơ quan KBNN				16	06	1994			NV2077	4	Phòng thi số 01	
882	Hoàng Thị	Oanh	KBNN Lạng Sơn				18	08	1992	x	DT Tây	NV2078	4	Phòng thi số 01	
883	Lê Thị Ngọc	Oanh	KBNN Thừa Thiên Huế				13	02	1988			NV2079	4	Phòng thi số 01	
884	Nguyễn Lâm	Oanh	KBNN Yên Bái				13	12	1993			NV2080	4	Phòng thi số 01	
885	Nguyễn Thị	Oanh	KBNN Hải Dương				19	04	1992			NV2081	4	Phòng thi số 01	
886	Phạm Thị Tú	Oanh	Cơ quan KBNN				02	07	1999			NV2082	4	Phòng thi số 01	
887	Lý Hoàng	Oanh	KBNN Bắc Kan				29	8	1989	x	DT Tây	NV2083	4	Phòng thi số 01	
888	Trịnh Anh	Pháp	KBNN Thanh Hóa	12	02	1989						NV2084	4	Phòng thi số 01	
889	Đinh Tuấn	Phong	KBNN Lào Cai	30	6	1999						NV2085	4	Phòng thi số 01	
890	Hồ Xuân	Phú	KBNN Thừa Thiên Huế	21	09	1993						NV2086	4	Phòng thi số 01	
891	Nguyễn An	Phú	Cơ quan KBNN	26	5	2001				x		NV2087	4	Phòng thi số 01	
892	Nguyễn Ngọc	Phú	KBNN Thái Nguyên	30	4	1996						NV2088	4	Phòng thi số 01	
893	Nguyễn Thị	Phú	KBNN Thanh Hóa				10	05	1993			NV2089	4	Phòng thi số 01	
894	Nguyễn Văn	Phú	KBNN Hòa Bình	15	5	1994						NV2090	4	Phòng thi số 01	
895	Bế Thủy	Phượng	KBNN Lạng Sơn				12	08	1999	x	DT Nùng	NV2091	4	Phòng thi số 01	
896	Bùi Thị Bích	Phượng	KBNN Điện Biên				26	11	1996			NV2092	4	Phòng thi số 01	
897	Cao Lan	Phượng	KBNN Thanh Hóa				26	03	1995	x		NV2093	4	Phòng thi số 01	
898	Châu Thị Hoài	Phượng	KBNN Thừa Thiên Huế				07	03	1993			NV2094	4	Phòng thi số 01	
899	Đào Thị	Phượng	KBNN Hà Tĩnh				02	05	1987			NV2095	4	Phòng thi số 02	
900	Đào Hà	Phượng	KBNN Nghệ An				11	05	1998			NV2096	4	Phòng thi số 02	
901	Đỗ Thị	Phượng	KBNN Thanh Hóa				23	07	1995			NV2097	4	Phòng thi số 02	
902	Đỗ Thị Hà	Phượng	KBNN Hà Nội				11	11	1998			NV2098	4	Phòng thi số 02	
903	Đỗ Thị Hà	Phượng	Cơ quan KBNN				05	02	1999			NV2099	4	Phòng thi số 02	
904	Đoàn Thu	Phượng	KBNN Hà Nội				12	07	1998		DT Tây	NV2100	4	Phòng thi số 02	
905	Dương Thị	Phượng	KBNN Bắc Ninh				07	01	1993			NV2101	4	Phòng thi số 02	
906	Hoàng Thị	Phượng	KBNN Nghệ An				24	02	1997			NV2102	4	Phòng thi số 02	
907	Kiều Thị Liên	Phượng	KBNN Bắc Ninh				15	09	1990			NV2103	4	Phòng thi số 02	
908	Lai Thị	Phượng	KBNN Hà Nội				25	08	1995			NV2104	4	Phòng thi số 02	
909	Lê Hà	Phượng	KBNN Nghệ An				21	08	1998			NV2105	4	Phòng thi số 02	
910	Lê Liên	Phượng	Cơ quan KBNN				25	07	1992			NV2106	4	Phòng thi số 02	
911	Lê Thị Minh	Phượng	KBNN Quảng Trị				03	03	1988	x		NV2107	4	Phòng thi số 02	
912	Lê Thị Thu	Phượng	KBNN Thanh Hóa				02	11	1984			NV2108	4	Phòng thi số 02	
913	Lương Thị	Phượng	KBNN Cao Bằng				08	10	1997	x	DT Nùng	NV2109	4	Phòng thi số 02	
914	Ngô Mai	Phượng	Cơ quan KBNN				07	08	1994			NV2110	4	Phòng thi số 02	
915	Ngô Thị Hoài	Phượng	KBNN Thừa Thiên Huế				01	11	1999			NV2111	4	Phòng thi số 02	
916	Ngô Thị Thủy	Phượng	KBNN Thừa Thiên Huế				31	05	1994			NV2112	4	Phòng thi số 02	
917	Nguyễn Hà	Phượng	KBNN Vĩnh Phúc				09	09	1993			NV2113	4	Phòng thi số 02	
918	Nguyễn Mai	Phượng	Cơ quan KBNN				26	12	2000			NV2114	4	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
919	Nguyễn Quốc	Phương	KBNN Thừa Thiên Huế	06	08	1993						NV2115	4	Phòng thi số 02	
920	Nguyễn Thị	Phương	KBNN Nghệ An				21	12	1990			NV2116	4	Phòng thi số 02	
921	Nguyễn Thị	Phương	KBNN Thanh Hóa				27	09	1998			NV2117	4	Phòng thi số 02	
922	Nguyễn Thu	Phương	Cơ quan KBNN				09	10	1993			NV2118	4	Phòng thi số 02	
923	Nguyễn Thủy	Phương	KBNN Thái Nguyên				06	7	1993			NV2119	4	Phòng thi số 02	
924	Nguyễn Lê Anh	Phương	KBNN Thái Nguyên				21	10	2000			NV2120	4	Phòng thi số 02	
925	Nguyễn Thị Thu	Phương	KBNN Hà Nam				08	7	1995			NV2121	4	Phòng thi số 02	
926	Nguyễn Thị Thu	Phương	Cơ quan KBNN				11	06	1989			NV2122	4	Phòng thi số 02	
927	Nguyễn Thị Thu	Phương	Cơ quan KBNN				16	04	1998			NV2123	4	Phòng thi số 02	
928	Phạm Hoàng Mỹ	Phương	KBNN Thừa Thiên Huế				16	02	1995			NV2124	4	Phòng thi số 02	
929	Phùng Thị Anh	Phương	Cơ quan KBNN				14	4	1997			NV2125	4	Phòng thi số 02	
930	Tô Xuân	Phương	KBNN Quảng Ninh	24	01	1996					DT Sản Dư	NV2126	4	Phòng thi số 02	
931	Trần Thị Lan	Phương	KBNN Quảng Trị				11	02	1988			NV2127	4	Phòng thi số 02	
932	Trần Thị Lan	Phương	Cơ quan KBNN				10	11	1992			NV2128	4	Phòng thi số 02	
933	Trần Thị Như	Phương	KBNN Thừa Thiên Huế				21	10	1999			NV2129	4	Phòng thi số 03	
934	Trịnh Thu	Phương	Cơ quan KBNN				11	9	1998			NV2130	4	Phòng thi số 03	
935	Vũ Bích	Phương	Cơ quan KBNN				08	09	1997			NV2131	4	Phòng thi số 03	
936	Vũ Thanh	Phương	Cơ quan KBNN				24	01	1996			NV2132	4	Phòng thi số 03	
937	Vương Thị	Phương	KBNN Hưng Yên				20	02	1998			NV2133	4	Phòng thi số 03	
938	Đỗ Minh	Phương	Cơ quan KBNN				28	10	1991			NV2134	4	Phòng thi số 03	
939	Huỳnh Ngọc	Phương	KBNN Lạng Sơn				12	07	1999	x	DT Tây	NV2135	4	Phòng thi số 03	
940	Nguyễn Minh	Phương	Cơ quan KBNN				03	12	1990			NV2136	4	Phòng thi số 03	
941	Nguyễn Thị	Phương	Cơ quan KBNN				12	11	1995			NV2137	4	Phòng thi số 03	
942	Nguyễn Thị Đan	Phương	KBNN Thái Nguyên				26	8	1994			NV2138	4	Phòng thi số 03	
943	Phùng Trần	Phương	KBNN Hà Nam				16	12	1987			NV2139	4	Phòng thi số 03	
944	Trần Thị Ngọc	Phương	KBNN Bắc Ninh				17	06	1987			NV2140	4	Phòng thi số 03	
945	Vũ Thị	Phương	KBNN Lào Cai				08	3	1993			NV2141	4	Phòng thi số 03	
946	Phạm Minh	Quang	Cơ quan KBNN	5	3	1992				x		NV2142	4	Phòng thi số 03	
947	Tổng Vinh	Quang	KBNN Cao Bằng	19	8	1996				x	DT Tây	NV2143	4	Phòng thi số 03	
948	Nguyễn Thị Ngọc	Quốc	KBNN Quảng Tr				17	01	1994		Con TB	NV2144	4	Phòng thi số 03	
949	Trần Mai	Quốc	KBNN Ninh Bình				02	12	2000			NV2145	4	Phòng thi số 03	
950	Nguyễn Hữu	Quốc	Cơ quan KBNN	09	08	1980						NV2146	4	Phòng thi số 03	
951	Lê Quang	Quý	KBNN Bắc Kạn				22	6	1999	x	DT Tây	NV2147	4	Phòng thi số 03	
952	Trần Ngọc	Quý	KBNN Hải Phòng	04	3	2000						NV2148	4	Phòng thi số 03	
953	Hoàng Lê	Quyến	KBNN Lạng Sơn				08	04	1994	x	DT Tây	NV2149	4	Phòng thi số 03	
954	Nguyễn Thị Lê	Quyến	KBNN Bắc Ninh				03	11	2000			NV2150	4	Phòng thi số 03	
955	Bùi Như	Quýnh	KBNN Hà Giang				28	03	2000			NV2151	4	Phòng thi số 03	
956	Đặng Thị Như	Quýnh	KBNN Thái Nguyên				30	01	1998			NV2152	4	Phòng thi số 03	
957	Đào Hương	Quýnh	KBNN Thái Nguyên				22	10	1997		DT Sản dư	NV2153	4	Phòng thi số 03	
958	Đinh Thủy	Quýnh	Cơ quan KBNN				02	08	2000			NV2154	4	Phòng thi số 03	
959	Dương Bùi Mai	Quýnh	KBNN Hải Phòng				01	11	2000			NV2155	4	Phòng thi số 03	
960	Hoàng Như	Quýnh	KBNN Thanh Hóa				03	02	2000			NV2156	4	Phòng thi số 03	
961	Hoàng Thị	Quýnh	KBNN Quảng Ninh				29	05	1999			NV2157	4	Phòng thi số 03	
962	Hoàng Trúc	Quýnh	KBNN Quảng Ninh				19	01	1995			NV2158	4	Phòng thi số 03	
963	Lê Thị Như	Quýnh	KBNN Sơn La				24	09	2000			NV2159	4	Phòng thi số 03	
964	Ngô Thủy	Quýnh	Cơ quan KBNN				03	09	1997			NV2160	4	Phòng thi số 03	
965	Nguyễn Thị	Quýnh	Cơ quan KBNN				10	05	1994			NV2161	4	Phòng thi số 03	
966	Nguyễn Như	Quýnh	KBNN Thanh Hóa				28	03	1994			NV2162	4	Phòng thi số 03	
967	Nguyễn Thị	Quýnh	Cơ quan KBNN				08	9	1995			NV2163	4	Phòng thi số 04	
968	Nguyễn Thị Ánh	Quýnh	Cơ quan KBNN				03	02	2000			NV2164	4	Phòng thi số 04	
969	Nguyễn Thị Ngọc	Quýnh	KBNN Thái Nguyên				13	11	1988			NV2165	4	Phòng thi số 04	
970	Nguyễn Thị Như	Quýnh	KBNN Thanh Hóa				08	10	1994			NV2166	4	Phòng thi số 04	
971	Vũ Thủy	Quýnh	KBNN Thanh Hóa				10	09	2000			NV2167	4	Phòng thi số 04	
972	Vũ Xuân	Quýnh	KBNN Lào Cai				03	5	1999			NV2168	4	Phòng thi số 04	
973	Đỗ Thị	Sấm	KBNN Vĩnh Phúc				13	04	2000			NV2169	4	Phòng thi số 04	
974	Khả Thế	Sơn	KBNN Hòa Bình	15	02	1998					DT Thái	NV2170	4	Phòng thi số 04	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
975	Nông Thị	Sun	KBNN Bắc Kan				05	4	1993	x	DT Tây	NV2171	4	Phòng thi số 04	
976	Dương Thị	Sang	KBNN Lạng Sơn				17	06	1998	x	DT Tây	NV2172	4	Phòng thi số 04	
977	Lê Thị Thanh	Sang	KBNN Thừa Thiên Huế				26	03	1991			NV2173	4	Phòng thi số 04	
978	Nguyễn Quang	Sáng	KBNN Quảng Trị	04	10	1994					HTNV CAND	NV2174	4	Phòng thi số 04	
979	Ma Thị	Sao	KBNN Thái Nguyên				03	11	1996		DT Tây	NV2175	4	Phòng thi số 04	
980	Nguyễn Thị	Sen	KBNN Cao Bằng				14	12	2000			NV2176	4	Phòng thi số 04	
981	Vàng A	Sénh	KBNN Yên Bái	13	02	1999					DT Mông	NV2177	4	Phòng thi số 04	
982	Vũ A	Sénh	KBNN Điện Biên	01	10	1996					DT Mông	NV2178	4	Phòng thi số 04	
983	Hà Đình	Sĩ	KBNN Thanh Hóa	06	11	1994						NV2179	4	Phòng thi số 04	
984	Vĩ Thị	Sinh	KBNN Bắc Kan				14	12	1994	x	DT Tây	NV2180	4	Phòng thi số 04	
985	Đỗ Văn	Sơn	KBNN Thanh Hóa	12	01	2000						NV2181	4	Phòng thi số 04	
986	Lê Xuân	Sơn	Cơ quan KBNN	26	03	1997						NV2182	4	Phòng thi số 04	
987	Nguyễn Hồng	Sơn	KBNN Hưng Yên	18	6	1999						NV2183	4	Phòng thi số 04	
988	Nguyễn Hồng	Sơn	Cơ quan KBNN	16	09	1996						NV2184	4	Phòng thi số 04	
989	Phạm Ngọc	Sen	KBNN Sơn La	20	12	1987				x		NV2185	4	Phòng thi số 04	
990	Nguyễn Thị	Sương	KBNN Hà Tĩnh				19	06	1995			NV2186	4	Phòng thi số 04	
991	Lê Anh	Tài	KBNN Thanh Hóa	28	02	1995						NV2187	4	Phòng thi số 04	
992	Đinh Thị	Tâm	KBNN Hải Dương				29	09	1990			NV2188	4	Phòng thi số 04	
993	Hoàng Thị	Tâm	KBNN Cao Bằng				21	5	1997	x	DT Tây	NV2189	4	Phòng thi số 04	
994	Lương Thanh	Tâm	KBNN Bắc Kan				26	7	1989	x	DT Tây	NV2190	4	Phòng thi số 04	
995	Ngô Minh	Tâm	Cơ quan KBNN				09	07	1998			NV2191	4	Phòng thi số 04	
996	Nguyễn Đức	Tâm	KBNN Bắc Ninh	15	10	1992						NV2192	4	Phòng thi số 04	
997	Nguyễn Thị	Tâm	KBNN Thanh Hóa				23	07	1987			NV2193	4	Phòng thi số 04	
998	Nguyễn Phạm Băng	Tâm	KBNN Hà Giang				04	03	1999			NV2194	4	Phòng thi số 04	
999	Nguyễn Thị Hồng	Tâm	KBNN Hà Tĩnh				28	12	1993	x		NV2195	4	Phòng thi số 04	
1000	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	KBNN Quảng Trị				03	04	1999			NV2196	4	Phòng thi số 04	
1001	Nông Hoàng	Tâm	KBNN Hà Nội				29	03	1996		DT Tây	NV2197	4	Phòng thi số 05	
1002	Nông Thu	Tâm	KBNN Lạng Sơn				02	05	1992	x	DT Tây	NV2198	4	Phòng thi số 05	
1003	Phạm Nữ	Tâm	Cơ quan KBNN				08	08	2000			NV2199	4	Phòng thi số 05	
1004	Vĩ Thị	Tâm	KBNN Điện Biên				20	8	1996		DT Lào	NV2200	4	Phòng thi số 05	
1005	Vũ Xuân	Tâm	KBNN Thanh Hóa				30	04	1991	x		NV2201	4	Phòng thi số 05	
1006	Vũ Thị Thanh	Tâm	KBNN Hà Nội				16	03	1998			NV2202	4	Phòng thi số 05	
1007	Mai Thị Nhất	Tân	KBNN Thừa Thiên Huế				11	7	1994		Con TB	NV2203	4	Phòng thi số 05	
1008	Nguyễn Ngọc	Tân	KBNN Thanh Hóa	13	02	1991					HTNV CAND	NV2204	4	Phòng thi số 05	
1009	Trần Thị	Tân	KBNN Hà Tĩnh				27	02	1990			NV2205	4	Phòng thi số 05	
1010	Nguyễn Hồng	Thái	KBNN Hà Nam	25	5	1989						NV2206	4	Phòng thi số 05	
1011	Nguyễn Lê	Thái	KBNN Hà Tĩnh	04	12	1997						NV2207	4	Phòng thi số 05	
1012	Nguyễn Thị Hồng	Thẩm	KBNN Ninh Bình				09	9	1999			NV2208	4	Phòng thi số 05	
1013	Hà Toàn	Thắng	KBNN Thanh Hóa	27	10	1995					DT Thái	NV2209	4	Phòng thi số 05	
1014	Nguyễn Đức	Thắng	KBNN Hà Giang	09	09	1999						NV2210	4	Phòng thi số 05	
1015	Dương Thị	Thanh	Cơ quan KBNN				20	10	1992			NV2211	4	Phòng thi số 05	
1016	Hà Thị	Thanh	KBNN Bắc Kan				28	11	1998	x	DT Tây	NV2212	4	Phòng thi số 05	
1017	Lâm Hoài	Thanh	Cơ quan KBNN				22	08	1997		DT Cao Lan	NV2213	4	Phòng thi số 05	
1018	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	KBNN Hà Nội				13	05	1990			NV2214	4	Phòng thi số 05	
1019	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Cơ quan KBNN				10	02	1990			NV2215	4	Phòng thi số 05	
1020	Hoàng Đức	Thánh	KBNN Lạng Sơn	13	09	1999				x	DT Tây	NV2216	4	Phòng thi số 05	
1021	Hoàng Trung	Thánh	KBNN Cao Bằng	26	10	1994				x	DT Tây	NV2217	4	Phòng thi số 05	
1022	Phạm Trung	Thánh	Cơ quan KBNN	10	10	1983				x		NV2218	4	Phòng thi số 05	
1023	Trần Hữu Đức	Thánh	KBNN Quảng Trị	21	01	1999						NV2219	4	Phòng thi số 05	
1024	Hách Phương	Thảo	Cơ quan KBNN				18	11	1995		DT Mường	NV2220	4	Phòng thi số 05	
1025	Bùi Phương	Thảo	KBNN Hà Nam				07	7	1992			NV2221	4	Phòng thi số 05	
1026	Đặng Phương	Thảo	KBNN Quảng Trị				02	12	1999			NV2222	4	Phòng thi số 05	
1027	Đặng Thanh	Thảo	KBNN Sơn La				03	08	1996			NV2223	4	Phòng thi số 05	
1028	Đào Thu	Thảo	KBNN Hải Dương				05	07	1989			NV2224	4	Phòng thi số 05	
1029	Dương Hương	Thảo	KBNN Cao Bằng				30	10	1998	x	DT Tây	NV2225	4	Phòng thi số 05	
1030	Hoàng Thị	Thảo	KBNN Thái Nguyên				07	3	1985			NV2226	4	Phòng thi số 05	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1031	Kiểu Minh	Thảo	KBNN Thái Nguyên				18	01	2000			NV2227	4	Phòng thi số 05	
1032	Lê Minh	Thảo	Cơ quan KBNN	20	11	2000						NV2228	4	Phòng thi số 05	
1033	Lê Thị	Thảo	KBNN Cao Bằng				27	02	2000	x	DT Tây	NV2229	4	Phòng thi số 05	
1034	Lê Thị Phương	Thảo	KBNN Thanh Hóa				09	11	1993			NV2230	4	Phòng thi số 05	
1035	Lý Phương	Thảo	KBNN Yên Bái				12	11	2000			NV2231	4	Phòng thi số 06	
1036	Ngân Phương	Thảo	KBNN Cao Bằng				01	9	1997	x	DT Tây	NV2232	4	Phòng thi số 06	
1037	Ngọc Thị Phương	Thảo	KBNN Bắc Kạn				22	9	1999	x	DT Tây	NV2233	4	Phòng thi số 06	
1038	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Điện Biên				11	11	1997			NV2234	4	Phòng thi số 06	
1039	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Điện Biên				07	5	1997			NV2235	4	Phòng thi số 06	
1040	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Hòa Bình				29	8	2000			NV2236	4	Phòng thi số 06	
1041	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Lạng Sơn				13	11	1995	x	DT Tây	NV2237	4	Phòng thi số 06	
1042	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Thanh Hóa				28	12	1997			NV2238	4	Phòng thi số 06	
1043	Nguyễn Phương	Thảo	KBNN Yên Bái				30	8	1994			NV2239	4	Phòng thi số 06	
1044	Nguyễn Phương	Thảo	Cơ quan KBNN				23	12	2000			NV2240	4	Phòng thi số 06	
1045	Nguyễn Thị	Thảo	KBNN Thừa Thiên Huế				10	01	1994			NV2241	4	Phòng thi số 06	
1046	Nguyễn Thị	Thảo	KBNN Thanh Hóa				26	12	1996			NV2242	4	Phòng thi số 06	
1047	Nguyễn Thị	Thảo	Cơ quan KBNN				25	03	1992			NV2243	4	Phòng thi số 06	
1048	Nguyễn Thu	Thảo	KBNN Hải Phòng				14	01	1995			NV2244	4	Phòng thi số 06	
1049	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KBNN Thừa Thiên Huế				06	03	1998			NV2245	4	Phòng thi số 06	
1050	Nguyễn Thị Phương	Thảo	KBNN Thừa Thiên Huế				04	11	1996			NV2246	4	Phòng thi số 06	
1051	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Cơ quan KBNN				11	12	1992			NV2247	4	Phòng thi số 06	
1052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Cơ quan KBNN				20	09	1993			NV2248	4	Phòng thi số 06	
1053	Nhâm Thị	Thảo	Cơ quan KBNN				10	06	1985			NV2249	4	Phòng thi số 06	
1054	Nông Phương	Thảo	KBNN Cao Bằng				18	10	2000	x	DT Tây	NV2250	4	Phòng thi số 06	
1055	Phạm Minh	Thảo	Cơ quan KBNN				14	03	1995			NV2251	4	Phòng thi số 06	
1056	Phạm Thị Phương	Thảo	KBNN Bắc Kạn				30	8	1998			NV2252	4	Phòng thi số 06	
1057	Phạm Thị Phương	Thảo	KBNN Quảng Ninh				15	07	1988		DT Tây	NV2253	4	Phòng thi số 06	
1058	Phan Thanh	Thảo	KBNN Lào Cai				12	11	1997			NV2254	4	Phòng thi số 06	
1059	Trần Phương	Thảo	Cơ quan KBNN				08	03	1991			NV2255	4	Phòng thi số 06	
1060	Trần Thị	Thảo	KBNN Hà Nội				16	02	1982	x		NV2256	4	Phòng thi số 06	
1061	Trần Thị Phương	Thảo	KBNN Quảng Trị				17	08	1999			NV2257	4	Phòng thi số 06	
1062	Trần Thị Thu	Thảo	KBNN Thái Nguyên				26	9	1990			NV2258	4	Phòng thi số 06	
1063	Triệu Lan	Thảo	KBNN Cao Bằng				19	02	1999	x	DT Nùng	NV2259	4	Phòng thi số 06	
1064	Triệu Thị Thu	Thảo	KBNN Bắc Kạn				20	6	1995	x	DT Tây	NV2260	4	Phòng thi số 06	
1065	Trình Thị	Thảo	KBNN Bắc Ninh				26	03	1998			NV2261	4	Phòng thi số 06	
1066	Vũ Phương	Thảo	KBNN Yên Bái				06	01	1996			NV2262	4	Phòng thi số 06	
1067	Vương Phương	Thảo	KBNN Bắc Ninh				05	03	2000			NV2263	4	Phòng thi số 06	
1068	Liêu Minh	Thế	KBNN Cao Bằng	07	6	2000				x	DT Nùng	NV2264	4	Phòng thi số 06	
1069	Nguyễn Thị	Thềm	KBNN Hải Phòng				01	6	1996			NV2265	4	Phòng thi số 07	
1070	Đinh Thị	Thêu	Cơ quan KBNN				10	12	1993			NV2266	4	Phòng thi số 07	
1071	Nguyễn Thị	Thêu	KBNN Thanh Hóa				26	04	1994			NV2267	4	Phòng thi số 07	
1072	Bùi Giang	Thị	KBNN Quảng Trị				21	10	1995			NV2268	4	Phòng thi số 07	
1073	Nông Thị Hồng	Thị	KBNN Cao Bằng				29	8	1994	x	DT Tây	NV2269	4	Phòng thi số 07	
1074	Đàm Thị	Thiếp	KBNN Cao Bằng				14	6	1997	x	DT Tây	NV2270	4	Phòng thi số 07	
1075	Vũ Thị	Thiếp	KBNN Lạng Sơn				10	10	1990	x	DT Tây	NV2271	4	Phòng thi số 07	
1076	Vũ Hoàng	Thiếp	KBNN Hà Nội	26	05	2000						NV2272	4	Phòng thi số 07	
1077	Nguyễn Đức	Thịnh	KBNN Bắc Kạn	19	9	1999				x	DT Tây	NV2273	4	Phòng thi số 07	
1078	Phan Ngọc	Thịnh	KBNN Thừa Thiên Huế	09	03	1993						NV2274	4	Phòng thi số 07	
1079	Nguyễn Thị	Thơ	KBNN Bắc Ninh				27	04	1998			NV2275	4	Phòng thi số 07	
1080	Nguyễn Thị Anh	Thơ	KBNN Hà Nội				14	04	1991			NV2276	4	Phòng thi số 07	
1081	Nguyễn Phúc	Thơ	KBNN Hải Dương	20	06	1994				x		NV2277	4	Phòng thi số 07	
1082	Hoàng Thị	Thoa	KBNN Lạng Sơn				20	05	1991	x	DT Tây	NV2278	4	Phòng thi số 07	
1083	Lê Thị	Thoa	KBNN Thanh Hóa				13	05	1985	x		NV2279	4	Phòng thi số 07	
1084	Nguyễn Thị	Thoa	Cơ quan KBNN				14	12	1988		Con TB, bệnh học	NV2280	4	Phòng thi số 07	
1085	Phạm Thị	Thoa	KBNN Quảng Ninh				01	08	1998			NV2281	4	Phòng thi số 07	
1086	Bùi Thị	Thơm	Cơ quan KBNN				07	06	1996		DT Mường	NV2282	4	Phòng thi số 07	

201

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền (thị ngoại ngò)	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1087	Nguyễn Văn	Thống	Cơ quan KBNN	27	7	1977						NV2283	4	Phòng thi số 07	
1088	Hà Thị Minh	Thu	KBNN Thanh Hóa				25	03	1995			NV2284	4	Phòng thi số 07	
1089	Lê Thị Minh	Thu	KBNN Quảng Trị				10	08	1997			NV2285	4	Phòng thi số 07	
1090	Lưu Thị	Thu	KBNN Sơn La				28	09	2000	x	DT Thai	NV2286	4	Phòng thi số 07	
1091	Nguyễn Thu	Thu	KBNN Thái Nguyên				30	5	1990			NV2287	4	Phòng thi số 07	
1092	Nguyễn Thị Hoài	Thu	KBNN Hải Phòng				18	5	1991			NV2288	4	Phòng thi số 07	
1093	Nguyễn Thị Lệ	Thu	KBNN Thanh Hóa				26	12	1996			NV2289	4	Phòng thi số 07	
1094	Võ Hoài	Thu	KBNN Thanh Hóa				13	11	1990			NV2290	4	Phòng thi số 07	
1095	Vũ Minh	Thu	KBNN Hưng Yên				23	10	1996			NV2291	4	Phòng thi số 07	
1096	Vũ Thị	Thu	KBNN Bắc Kan				22	3	1988	x		NV2292	4	Phòng thi số 07	
1097	Đỗ Minh	Thu	KBNN Thanh Hóa				23	11	2000			NV2293	4	Phòng thi số 07	
1098	Đoan Anh	Thu	KBNN Hải Phòng				02	8	1994			NV2294	4	Phòng thi số 07	
1099	Nguyễn Quỳnh	Thu	Cơ quan KBNN				02	12	1997			NV2295	4	Phòng thi số 07	
1100	Nguyễn Đỗ Anh	Thu	KBNN Quảng Trị				10	12	1995			NV2296	4	Phòng thi số 07	
1101	Nguyễn Thị Anh	Thu	KBNN Quảng Ninh				10	10	1997			NV2297	4	Phòng thi số 07	
1102	Trần Anh	Thu	KBNN Thừa Thiên Huế				08	03	1996			NV2298	4	Phòng thi số 07	
1103	Huang Thi	Thuần	Cơ quan KBNN				09	06	1998		DT Cao Lan	NV2299	4	Phòng thi số 07	
1104	Lê Thị	Thuần	KBNN Thừa Thiên Huế				01	8	1997			NV2300	4	Phòng thi số 07	
1105	Lê Vinh	Thuần	KBNN Cao Bằng	14	9	1999				x	DT Tây	NV2301	4	Phòng thi số 07	
1106	Đào Thị Phú	Thuần	KBNN Thừa Thiên Huế				13	03	2000			NV2302	4	Phòng thi số 07	
1107	Đỗ Thị	Thuần	Cơ quan KBNN				10	02	1995			NV2303	4	Phòng thi số 07	
1108	Đặng Thị Minh	Thương	KBNN Thừa Thiên Huế				18	12	1999			NV2304	4	Phòng thi số 07	
1109	Nguyễn Ánh	Thương	KBNN Hà Nội				16	12	1999			NV2305	4	Phòng thi số 07	
1110	Nguyễn Thị	Thương	KBNN Quảng Trị				02	01	1992			NV2306	4	Phòng thi số 07	
1111	Nguyễn Thị Hoài	Thương	KBNN Nghệ An				13	11	1993			NV2307	4	Phòng thi số 07	
1112	Nguyễn Thị Kim	Thương	Cơ quan KBNN				27	01	1991	x		NV2308	4	Phòng thi số 07	
1113	Tô Hiền	Thương	KBNN Bắc Kan				30	12	1996	x	DT Nùng	NV2309	4	Phòng thi số 07	
1114	Cao Phương	Thủy	KBNN Hải Phòng				7	12	1991		Con TB	NV2310	4	Phòng thi số 07	
1115	Nguyễn Thị Hiền	Thủy	KBNN Hải Phòng				17	5	1998			NV2311	4	Phòng thi số 08	
1116	Nhà Thị	Thủy	KBNN Hải Phòng				26	8	1986			NV2312	4	Phòng thi số 08	
1117	Trần Thị Thanh	Thủy	KBNN Thừa Thiên Huế				19	10	1991			NV2313	4	Phòng thi số 08	
1118	Bùi Thị	Thủy	KBNN Lào Cai				01	02	1995			NV2314	4	Phòng thi số 08	
1119	Bùi Thị	Thủy	KBNN Vĩnh Phúc				12	10	1990			NV2315	4	Phòng thi số 08	
1120	Bùi Thị Diệu	Thủy	KBNN Quảng Trị				12	04	1987			NV2316	4	Phòng thi số 08	
1121	Đào Thị Thanh	Thủy	KBNN Hòa Bình				18	4	1988	x		NV2317	4	Phòng thi số 08	
1122	Hà Thị	Thủy	Cơ quan KBNN				11	01	1998			NV2318	4	Phòng thi số 08	
1123	Hoàng Thị	Thủy	KBNN Quảng Trị				29	09	1999			NV2319	4	Phòng thi số 08	
1124	Hoàng Thị	Thủy	Cơ quan KBNN				18	3	1992			NV2320	4	Phòng thi số 08	
1125	Lê Thị	Thủy	KBNN Hòa Bình				03	9	1997			NV2321	4	Phòng thi số 08	
1126	Lê Thị Phương	Thủy	KBNN Lào Cai				09	5	1999			NV2322	4	Phòng thi số 08	
1127	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Hải Dương				27	12	2000			NV2323	4	Phòng thi số 08	
1128	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Hưng Yên				28	12	1994			NV2324	4	Phòng thi số 08	
1129	Trương Thị	Thủy	KBNN Nghệ An				08	10	1992			NV2325	4	Phòng thi số 08	
1130	Hè Thị	Thủy	KBNN Bắc Kan				14	4	1989	x	DT Tây	NV2326	4	Phòng thi số 08	
1131	Đỗ Thị	Thủy	KBNN Thái Nguyên				13	01	1994			NV2327	4	Phòng thi số 08	
1132	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Cao Bằng				13	11	1994			NV2328	4	Phòng thi số 08	
1133	Nguyễn Thị Phương	Thủy	KBNN Yên Bái				29	11	2000			NV2329	4	Phòng thi số 08	
1134	Nông Thị	Thủy	KBNN Cao Bằng				04	4	1995	x	DT Tây	NV2330	4	Phòng thi số 08	
1135	Nông Thu	Thủy	Cơ quan KBNN				03	04	1999		DT Tây	NV2331	4	Phòng thi số 08	
1136	Phùng Thị Thanh	Thủy	KBNN Quảng Trị				04	07	1992			NV2332	4	Phòng thi số 08	
1137	Lương Thị Bích	Thủy	KBNN Điện Biên				22	12	1990			NV2333	4	Phòng thi số 08	
1138	Ngô Thị	Thủy	Cơ quan KBNN				22	11	2000			NV2334	4	Phòng thi số 08	
1139	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Hà Nội				18	08	1991			NV2335	4	Phòng thi số 08	
1140	Nguyễn Thị	Thủy	KBNN Yên Bái				17	3	1993			NV2336	4	Phòng thi số 08	
1141	Nguyễn Thị	Thủy	Cơ quan KBNN				13	12	1991			NV2337	4	Phòng thi số 08	
1142	Nguyễn Thị	Thủy	Cơ quan KBNN				30	06	1993			NV2338	4	Phòng thi số 08	

Đào

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1143	Nguyễn Thu	Thúy	KBNN Hưng Yên				31	7	1995			NV2339	4	Phòng thi số 08	
1144	Nguyễn Thị Bích	Thúy	KBNN Hà Tĩnh				13	01	1988		Con TB	NV2340	4	Phòng thi số 08	
1145	Nguyễn Thị Phương	Thúy	KBNN Sơn La				09	09	1995			NV2341	4	Phòng thi số 08	
1146	Nguyễn Thị Thu	Thúy	KBNN Hà Nội				03	02	1991			NV2342	4	Phòng thi số 08	
1147	Phạm Thị Thu	Thúy	KBNN Quảng Ninh				24	8	1991			NV2343	4	Phòng thi số 08	
1148	Phùng Thị	Thúy	KBNN Quảng Ninh				03	02	1992			NV2344	4	Phòng thi số 08	
1149	Trần Thị Thu	Thúy	KBNN Quảng Tr				23	09	1991			NV2345	4	Phòng thi số 08	
1150	Đinh Thị	Tiến	KBNN Hà Giang				25	05	1997	x	DT Mường	NV2346	4	Phòng thi số 08	
1151	Khuông Minh	Tiến	KBNN Hòa Bình	08	11	1994						NV2347	4	Phòng thi số 08	
1152	Lê Nhật	Tiến	Cơ quan KBNN	01	09	1997						NV2348	4	Phòng thi số 08	
1153	Phạm Minh	Tiến	KBNN Hà Nội	30	07	2000						NV2349	4	Phòng thi số 08	
1154	Trần Quang	Tiến	KBNN Quảng Tr	03	01	1996						NV2350	4	Phòng thi số 08	
1155	Thái Thị	Tỉnh	KBNN Hà Tĩnh				07	12	1998			NV2351	4	Phòng thi số 08	
1156	Hoàng Ngọc	Toàn	Cơ quan KBNN	24	2	2000					Con TB	NV2352	4	Phòng thi số 08	
1157	Phan Văn	Toàn	KBNN Thừa Thiên Huế	01	07	1999						NV2353	4	Phòng thi số 08	
1158	Vũ Huy	Toàn	KBNN Hòa Bình	06	11	1996						NV2354	4	Phòng thi số 08	
1159	Giảng Seo	Toàn	KBNN Lào Cai	15	01	1996					DT H'Mông	NV2355	4	Phòng thi số 08	
1160	Đặng Thị	Tôn	KBNN Bắc Kan				10	01	1992	x	DT Dao	NV2356	4	Phòng thi số 08	
1161	Kiểu Quang	Tôn	Cơ quan KBNN	04	08	1990				x		NV2357	5	Phòng thi số 01	
1162	Lương Thu	Trà	KBNN Quảng Ninh				07	07	1988		DT Tây	NV2358	5	Phòng thi số 01	
1163	Nguyễn Minh	Trà	KBNN Hà Giang				18	11	1999			NV2359	5	Phòng thi số 01	
1164	Nguyễn Thị Cẩm	Trà	KBNN Nghệ An				10	05	2000			NV2360	5	Phòng thi số 01	
1165	Phạm Thanh	Trà	KBNN Hà Nam				07	3	1999			NV2361	5	Phòng thi số 01	
1166	Vũ Thị Xuân	Trà	Cơ quan KBNN				13	07	1993	x		NV2362	5	Phòng thi số 01	
1167	Đỗ Thị Ngọc	Trâm	KBNN Thái Nguyên				06	6	1990			NV2363	5	Phòng thi số 01	
1168	Khuông Ngọc	Trâm	KBNN Thái Nguyên				10	8	1991			NV2364	5	Phòng thi số 01	
1169	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	KBNN Thừa Thiên Huế				10	11	1987		Con TB	NV2365	5	Phòng thi số 01	
1170	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	KBNN Quảng Tr				29	6	1992			NV2366	5	Phòng thi số 01	
1171	Bùi Huyền	Trang	KBNN Lào Cai				21	9	2000			NV2367	5	Phòng thi số 01	
1172	Bùi Quỳnh	Trang	KBNN Hòa Bình				11	9	1995		DT Mường	NV2368	5	Phòng thi số 01	
1173	Bùi Thảo	Trang	Cơ quan KBNN				12	09	1992			NV2369	5	Phòng thi số 01	
1174	Bùi Thị Huyền	Trang	KBNN Hà Giang				02	08	1992	x		NV2370	5	Phòng thi số 01	
1175	Bùi Thị Thủy	Trang	KBNN Hải Phòng				28	3	1995			NV2371	5	Phòng thi số 01	
1176	Đặng Thảo	Trang	KBNN Hải Phòng				08	01	2000			NV2372	5	Phòng thi số 01	
1177	Đào Thu	Trang	KBNN Sơn La				03	01	1997			NV2373	5	Phòng thi số 01	
1178	Đinh Thị Quỳnh	Trang	Cơ quan KBNN				30	04	1999			NV2374	5	Phòng thi số 01	
1179	Dỗ Thị Hiệp	Trang	KBNN Bắc Ninh				18	07	1995			NV2375	5	Phòng thi số 01	
1180	Dương Minh	Trang	Cơ quan KBNN				15	02	1995			NV2376	5	Phòng thi số 01	
1181	Hoàng Minh	Trang	KBNN Điện Biên				26	9	1991			NV2377	5	Phòng thi số 01	
1182	Hoàng Thị	Trang	Cơ quan KBNN				19	05	1997			NV2378	5	Phòng thi số 01	
1183	Hoàng Thu	Trang	KBNN Lạng Sơn				15	04	1997	x	DT Nùng	NV2379	5	Phòng thi số 01	
1184	Hoàng Thu	Trang	KBNN Thanh Hóa				15	08	2000			NV2380	5	Phòng thi số 01	
1185	Hoàng Thị Đài	Trang	Cơ quan KBNN				20	9	2000			NV2381	5	Phòng thi số 01	
1186	Hoàng Thị Huyền	Trang	KBNN Cao Bằng				13	7	1995	x	DT Nùng	NV2382	5	Phòng thi số 01	
1187	Hoàng Thị Lê	Trang	KBNN Quảng Tr				20	06	2000			NV2383	5	Phòng thi số 01	
1188	Hoàng Thị Thu	Trang	KBNN Bắc Ninh				27	08	2000			NV2384	5	Phòng thi số 01	
1189	Hoàng Thị Văn	Trang	Cơ quan KBNN				07	05	1993			NV2385	5	Phòng thi số 02	
1190	Hữu Thị Kim	Trang	Cơ quan KBNN				01	10	1987			NV2386	5	Phòng thi số 02	
1191	Lai Thị Đồng	Trang	KBNN Hà Nam				06	9	2000			NV2387	5	Phòng thi số 02	
1192	Lê Thủy	Trang	KBNN Cao Bằng				25	10	1995	x	DT Tây	NV2388	5	Phòng thi số 02	
1193	Lê Thị Hồng	Trang	KBNN Hà Nam				08	5	1992			NV2389	5	Phòng thi số 02	
1194	Lê Thị Kiều	Trang	Cơ quan KBNN				23	07	1997			NV2390	5	Phòng thi số 02	
1195	Lê Thị Thủy	Trang	KBNN Quảng Tr				15	09	1992			NV2391	5	Phòng thi số 02	
1196	Lưu Thị	Trang	KBNN Hà Nội				15	03	1997			NV2392	5	Phòng thi số 02	
1197	Lý Hồng	Trang	KBNN Yên Bái				13	11	1990		DT Tây	NV2393	5	Phòng thi số 02	
1198	Mã Thị	Trang	KBNN Cao Bằng				05	8	1995	x	DT Tây	NV2394	5	Phòng thi số 02	

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miễn thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1199	Mai Thu	Trang	KBNN Hà Nội				22	05	1992			NV2395	5	Phòng thi số 02	
1200	Mai Thị Cẩm	Trang	KBNN Thanh Hóa				26	02	1988			NV2396	5	Phòng thi số 02	
1201	Nghiêm Thị Thu	Trang	KBNN Sơn La				10	09	1999			NV2397	5	Phòng thi số 02	
1202	Ngô Thu	Trang	KBNN Thái Nguyên				27	12	2000			NV2398	5	Phòng thi số 02	
1203	Nguyễn Hà	Trang	KBNN Hà Tĩnh				09	10	1991			NV2399	5	Phòng thi số 02	
1204	Nguyễn Ha	Trang	KBNN Quảng Ninh				24	12	1998			NV2400	5	Phòng thi số 02	
1205	Nguyễn Hương	Trang	KBNN Hải Dương				20	06	1996			NV2401	5	Phòng thi số 02	
1206	Nguyễn Huyền	Trang	KBNN Sơn La				20	12	1994			NV2402	5	Phòng thi số 02	
1207	Nguyễn Huyền	Trang	Cơ quan KBNN				24	11	1985	x		NV2403	5	Phòng thi số 02	
1208	Nguyễn Minh	Trang	KBNN Hà Nội				02	09	1994			NV2404	5	Phòng thi số 02	
1209	Nguyễn Thi	Trang	KBNN Quảng Trị				04	07	1999			NV2405	5	Phòng thi số 02	
1210	Nguyễn Thu	Trang	KBNN Điện Biên				20	01	2000			NV2406	5	Phòng thi số 02	
1211	Nguyễn Thu	Trang	KBNN Hà Nội				01	08	1991			NV2407	5	Phòng thi số 02	
1212	Nguyễn Thu	Trang	KBNN Nghệ An				12	11	1998			NV2408	5	Phòng thi số 02	
1213	Nguyễn Thu	Trang	KBNN Thanh Hóa				29	08	1993			NV2409	5	Phòng thi số 02	
1214	Nguyễn Thủy	Trang	Cơ quan KBNN				29	10	1996	x		NV2410	5	Phòng thi số 02	
1215	Nguyễn Hồng Hà	Trang	KBNN Điện Biên				14	6	1997			NV2411	5	Phòng thi số 02	
1216	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Trang	Cơ quan KBNN				13	04	2000			NV2412	5	Phòng thi số 02	
1217	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KBNN Thái Nguyên				01	10	1998			NV2413	5	Phòng thi số 02	
1218	Nguyễn Thị Thu	Trang	KBNN Hải Phòng				28	4	1987			NV2414	5	Phòng thi số 02	
1219	Nguyễn Thị Thu	Trang	KBNN Thừa Thiên Huế				24	8	1983			NV2415	5	Phòng thi số 02	
1220	Nguyễn Thị Thu	Trang	KBNN Yên Bái				16	9	2000			NV2416	5	Phòng thi số 02	
1221	Nguyễn Thị Thủy	Trang	KBNN Thừa Thiên Huế				01	04	1996			NV2417	5	Phòng thi số 02	
1222	Nguyễn Thị Thủy	Trang	KBNN Thừa Thiên Huế				09	3	1999		Con TB	NV2418	5	Phòng thi số 02	
1223	Nguyễn Thị Thủy	Trang	Cơ quan KBNN				25	08	1988			NV2419	5	Phòng thi số 03	
1224	Nguyễn Thị Vân	Trang	KBNN Lạng Sơn				15	07	1993			NV2420	5	Phòng thi số 03	
1225	Nông Thu	Trang	KBNN Cao Bằng				15	4	1997	x	DT Tây	NV2421	5	Phòng thi số 03	
1226	Nông Thị Thảo	Trang	KBNN Bắc Kan				20	12	1999	x	DT Tây	NV2422	5	Phòng thi số 03	
1227	Nông Thị Thủy	Trang	KBNN Lạng Sơn				21	05	1996	x	DT Nùng	NV2423	5	Phòng thi số 03	
1228	Phạm Huyền	Trang	KBNN Thừa Thiên Huế				10	08	1995			NV2424	5	Phòng thi số 03	
1229	Phạm Minh	Trang	KBNN Hải Phòng				05	6	1999			NV2425	5	Phòng thi số 03	
1230	Phạm Thu	Trang	KBNN Hải Phòng				08	12	1998			NV2426	5	Phòng thi số 03	
1231	Phạm Thị Quỳnh	Trang	KBNN Thừa Thiên Huế				08	08	1995			NV2427	5	Phòng thi số 03	
1232	Phạm Thị Thu	Trang	Cơ quan KBNN				02	10	1996			NV2428	5	Phòng thi số 03	
1233	Phan Quỳnh	Trang	KBNN Quảng Trị				23	06	1991			NV2429	5	Phòng thi số 03	
1234	Tăng Thị Hà	Trang	Cơ quan KBNN				28	06	1999			NV2430	5	Phòng thi số 03	
1235	Tên Nữ Thiên	Trang	Cơ quan KBNN				28	09	1992			NV2431	5	Phòng thi số 03	
1236	Trần Hà	Trang	KBNN Hà Nội				28	11	1996			NV2432	5	Phòng thi số 03	
1237	Trần Thu	Trang	KBNN Hòa Bình				22	12	1999			NV2433	5	Phòng thi số 03	
1238	Trần Thu	Trang	KBNN Lào Cai				14	11	1995		DT Tây	NV2434	5	Phòng thi số 03	
1239	Trần Hà Kiều	Trang	KBNN Lào Cai				18	01	2000			NV2435	5	Phòng thi số 03	
1240	Trần Thị Huyền	Trang	KBNN Nghệ An				03	09	1994			NV2436	5	Phòng thi số 03	
1241	Trần Thị Thu	Trang	KBNN Hà Nội				07	03	1998			NV2437	5	Phòng thi số 03	
1242	Uông Thị Mai	Trang	Cơ quan KBNN				20	04	1985			NV2438	5	Phòng thi số 03	
1243	Vì Thị Huyền	Trang	KBNN Bắc Kan				08	10	2000			NV2439	5	Phòng thi số 03	
1244	Vô Quỳnh	Trang	KBNN Hải Phòng				20	01	1995			NV2440	5	Phòng thi số 03	
1245	Vũ Quỳnh	Trang	Cơ quan KBNN				01	03	1998			NV2441	5	Phòng thi số 03	
1246	Vũ Thu	Trang	Cơ quan KBNN				24	12	1994			NV2442	5	Phòng thi số 03	
1247	Vũ Thị Đài	Trang	KBNN Yên Bái				11	7	1998		DT Tây	NV2443	5	Phòng thi số 03	
1248	Vũ Thị Huyền	Trang	KBNN Quảng Ninh				17	06	1999			NV2444	5	Phòng thi số 03	
1249	Khieu Việt	Trình	Cơ quan KBNN				16	4	1993			NV2445	5	Phòng thi số 03	
1250	Lê Thị Kiều	Trình	KBNN Thừa Thiên Huế				21	11	1995			NV2446	5	Phòng thi số 03	
1251	Mạc Thị Quế	Trình	KBNN Bắc Kan				01	9	1993	x	DT Nùng	NV2447	5	Phòng thi số 03	
1252	Ngô Thục	Trình	KBNN Bắc Ninh				20	02	1997			NV2448	5	Phòng thi số 03	
1253	Phan Ngọc Thục	Trình	KBNN Thừa Thiên Huế				01	04	1998			NV2449	5	Phòng thi số 03	
1254	Lê Văn	Trang	KBNN Quảng Trị	14	04	1996						NV2450	5	Phòng thi số 03	

STT	Họ và tên đến	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Ca thi	Phòng thi số	Ghi chú	
				Nam			Nữ									
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1255	Đàm Quang	Trung	Cơ quan KBNN	14	02	1992					x		NV2451	5	Phòng thi số 03	
1256	Lương Quang	Trung	KBNN Lạng Sơn	27	10	1996					x	DT Tây	NV2452	5	Phòng thi số 03	
1257	Lương Thành	Trung	KBNN Cao Bằng	17	7	1993							NV2453	5	Phòng thi số 04	
1258	Đinh Thanh	Tù	KBNN Thừa Thiên Huế	30	09	1997							NV2454	5	Phòng thi số 04	
1259	Lê Anh	Tù	Cơ quan KBNN	07	06	1992							NV2455	5	Phòng thi số 04	
1260	Phùng Thị Cẩm	Tù	KBNN Nghệ An				15	11	2000				NV2456	5	Phòng thi số 04	
1261	Đàm Thị	Tư	KBNN Cao Bằng				12	10	1997	x	DT Nùng		NV2457	5	Phòng thi số 04	
1262	Lê Thị	Tư	KBNN Quảng Trị				07	01	1996				NV2458	5	Phòng thi số 04	
1263	Chu Anh	Tuấn	KBNN Hưng Yên	25	12	2000							NV2459	5	Phòng thi số 04	
1264	Lương Anh	Tuấn	KBNN Lạng Sơn	07	12	1995				x	DT Tây		NV2460	5	Phòng thi số 04	
1265	Ngô Xuân	Tuấn	Cơ quan KBNN	16	11	1991							NV2461	5	Phòng thi số 04	
1266	Nguyễn Minh	Tuấn	KBNN Vĩnh Phúc	24	01	1995							NV2462	5	Phòng thi số 04	
1267	Vũ Minh	Tuấn	KBNN Hưng Yên	16	01	2000							NV2463	5	Phòng thi số 04	
1268	Áu Hoàng	Tú	KBNN Lạng Sơn	08	11	1996					x	DT Nùng	NV2464	5	Phòng thi số 04	
1269	Đặng Thanh	Tú	Cơ quan KBNN	12	11	2000							NV2465	5	Phòng thi số 04	
1270	Nguyễn Đình	Tú	KBNN Hải Phòng	16	10	1998							NV2466	5	Phòng thi số 04	
1271	Nguyễn Đường	Tú	Cơ quan KBNN	20	12	1998							NV2467	5	Phòng thi số 04	
1272	Nguyễn Quang	Tú	KBNN Hưng Yên	27	8	2000							NV2468	5	Phòng thi số 04	
1273	Nguyễn Sơn	Tung	KBNN Hà Nội	05	06	1997							NV2469	5	Phòng thi số 04	
1274	Nguyễn Thế	Tung	KBNN Hà Nội	04	11	1997							NV2470	5	Phòng thi số 04	
1275	Nguyễn Thị	Tú	KBNN Thừa Thiên Huế				17	02	1997				NV2471	5	Phòng thi số 04	
1276	Nông Đức	Tung	KBNN Cao Bằng	27	7	1993					x	DT Tây	NV2472	5	Phòng thi số 04	
1277	Phạm Thanh	Tú	KBNN Quảng Ninh	25	02	1994							NV2473	5	Phòng thi số 04	
1278	Quách Sơn	Tú	KBNN Hòa Bình	08	8	1999						DT Mường	NV2474	5	Phòng thi số 04	
1279	Trương Văn	Tú	KBNN Hà Nam	07	4	1998							NV2475	5	Phòng thi số 04	
1280	Phạm Văn	Tuyển	KBNN Yên Bái	02	02	2000							NV2476	5	Phòng thi số 04	
1281	Hải Thị Kim	Tuyển	KBNN Hòa Bình				03	9	1995				NV2477	5	Phòng thi số 04	
1282	Lê Thị Kim	Tuyển	Cơ quan KBNN				3	3	1993		Con TB		NV2478	5	Phòng thi số 04	
1283	Ta Thị Kim	Tuyển	Cơ quan KBNN				23	12	1998				NV2479	5	Phòng thi số 04	
1284	Lê Thị	Tuyệt	KBNN Thanh Hóa				02	09	1995				NV2480	5	Phòng thi số 04	
1285	Nguyễn Thị	Tuyệt	KBNN Yên Bái				25	12	1990		DT Nùng		NV2481	5	Phòng thi số 04	
1286	Nguyễn Thị	Tuyệt	Cơ quan KBNN				11	06	1986				NV2482	5	Phòng thi số 04	
1287	Hà Thu	Uyển	KBNN Cao Bằng				01	11	2000	x	DT Tây		NV2483	5	Phòng thi số 04	
1288	Khuông Thị Thu	Uyển	KBNN Thừa Thiên Huế				28	10	1998				NV2484	5	Phòng thi số 04	
1289	Lâm Thị Tú	Uyển	KBNN Lạng Sơn				11	04	1999	x	DT Nùng		NV2485	5	Phòng thi số 04	
1290	Lê Thu	Uyển	Cơ quan KBNN				12	03	2000				NV2486	5	Phòng thi số 04	
1291	Lê Tổ	Uyển	KBNN Ninh Bình				04	9	1994	x			NV2487	5	Phòng thi số 05	
1292	Lưu Tổ	Uyển	KBNN Yên Bái				13	12	1999				NV2488	5	Phòng thi số 05	
1293	Nguyễn Thị	Uyển	Cơ quan KBNN				20	11	2000				NV2489	5	Phòng thi số 05	
1294	Nguyễn Thu	Uyển	KBNN Yên Bái				18	8	1998				NV2490	5	Phòng thi số 05	
1295	Nguyễn Thị Thu	Uyển	KBNN Thái Nguyên				16	11	1995	x			NV2491	5	Phòng thi số 05	
1296	Trần Thị Tổ	Uyển	KBNN Hà Tĩnh				08	07	1999		Con BB		NV2492	5	Phòng thi số 05	
1297	Đàm Thị Hồng	Vân	KBNN Cao Bằng				24	4	1995	x	DT Tây		NV2493	5	Phòng thi số 05	
1298	Đào Thị Hải	Vân	KBNN Hà Nội				21	11	1993				NV2494	5	Phòng thi số 05	
1299	Đỗ Thị	Vân	KBNN Thái Nguyên				06	7	1990				NV2495	5	Phòng thi số 05	
1300	Hoàng Thị	Vân	KBNN Lạng Sơn				15	11	1994	x	DT Nùng		NV2496	5	Phòng thi số 05	
1301	Kiều Thị Cẩm	Vân	Cơ quan KBNN				22	9	1985				NV2497	5	Phòng thi số 05	
1302	Lâm Thị	Vân	Cơ quan KBNN				20	11	1990				NV2498	5	Phòng thi số 05	
1303	Lê Thị Hồng	Vân	KBNN Lạng Sơn				16	05	1993	x	DT Tây		NV2499	5	Phòng thi số 05	
1304	Lưu Thụy	Vân	Cơ quan KBNN				14	10	1992				NV2500	5	Phòng thi số 05	
1305	Nguyễn Ngọc	Vân	Cơ quan KBNN				09	11	1989				NV2501	5	Phòng thi số 05	
1306	Nguyễn Thanh	Vân	KBNN Hải Dương				24	12	1998				NV2502	5	Phòng thi số 05	
1307	Nguyễn Thị	Vân	KBNN Bắc Ninh				17	06	1988				NV2503	5	Phòng thi số 05	
1308	Nguyễn Thanh Thụy	Vân	KBNN Thừa Thiên Huế				11	03	1990				NV2504	5	Phòng thi số 05	
1309	Nguyễn Thị Bích	Vân	KBNN Thừa Thiên Huế				09	01	1990				NV2505	5	Phòng thi số 05	
1310	Nguyễn Thị Thụy	Vân	Cơ quan KBNN				24	02	1993				NV2506	5	Phòng thi số 05	

20/1

STT	Họ và tên đệm	Tên	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ngày, tháng, năm sinh						Miền thi ngoại ngữ	Đối tượng ưu tiên	Số báo danh	Cm thi	Phòng thi số	Ghi chú
				Nam			Nữ								
				Ngày	Tháng	Năm	Ngày	Tháng	Năm						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1311	Trần Thanh	Vân	Cơ quan KBNN				04	10	1999			NV2507	5	Phòng thi số 05	
1312	Trần Thủy	Vân	KBNN Cao Bằng				08	8	1993	x	DT Tây	NV2508	5	Phòng thi số 05	
1313	Trương Mỹ Cẩm	Vân	KBNN Hà Tĩnh				18	05	1992			NV2509	5	Phòng thi số 05	
1314	Trương Thị Hồng	Vân	KBNN Lạng Sơn				21	03	1990	x	DT Tây	NV2510	5	Phòng thi số 05	
1315	Vũ Thị Anh	Vân	Cơ quan KBNN				29	03	1994			NV2511	5	Phòng thi số 05	
1316	Dương Tùng	Vân	KBNN Thái Nguyên	05	11	1994						NV2512	5	Phòng thi số 05	
1317	Ngô Thủy	Vi	KBNN Lạng Sơn				01	10	2000	x	DT Nùng	NV2513	5	Phòng thi số 05	
1318	Trần Hoài	Vi	KBNN Yên Bái				13	8	1994			NV2514	5	Phòng thi số 05	
1319	Lê Đức	Viết	KBNN Điện Biên	16	12	2000						NV2515	5	Phòng thi số 05	
1320	Nguyễn Quốc	Viết	KBNN Hải Phòng	19	7	1992						NV2516	5	Phòng thi số 05	
1321	Trần Thị	Vĩnh	KBNN Cao Bằng				14	9	1996	x	DT Tây	NV2517	5	Phòng thi số 05	
1322	Đỗ Ngọc	Vũ	KBNN Hà Nội	08	10	1999						NV2518	5	Phòng thi số 05	
1323	Trương Thị	Vui	Cơ quan KBNN				17	05	1997			NV2519	5	Phòng thi số 05	
1324	Nguyễn Nam	Vương	KBNN Quảng Trị	16	12	1994						NV2520	5	Phòng thi số 05	
1325	Phan Thị Hồng	Vương	KBNN Nghệ An				04	01	1999			NV2521	5	Phòng thi số 06	
1326	Dương Thị	Vy	KBNN Cao Bằng				10	6	1999	x	DT Nùng	NV2522	5	Phòng thi số 06	
1327	Trần Thị Tường	Vy	KBNN Thừa Thiên Huế				27	12	1994			NV2523	5	Phòng thi số 06	
1328	Vương Thị	Xanh	KBNN Lào Cai				07	11	1996		DT Giáy	NV2524	5	Phòng thi số 06	
1329	Nguyễn Thị	Xoan	KBNN Thái Nguyên				29	10	1997			NV2525	5	Phòng thi số 06	
1330	Nguyễn Thị	Xuân	Cơ quan KBNN				10	11	2000			NV2526	5	Phòng thi số 06	
1331	Phạm Thị	Xuân	KBNN Hải Phòng				11	02	1990			NV2527	5	Phòng thi số 06	
1332	Lương Thu	Yến	KBNN Cao Bằng				27	9	1995	x	DT Tây	NV2528	5	Phòng thi số 06	
1333	Hoàng	Yến	KBNN Thái Nguyên				18	11	1999		DT Nùng	NV2529	5	Phòng thi số 06	
1334	Cao Minh	Yến	Cơ quan KBNN				14	07	1982	x		NV2530	5	Phòng thi số 06	
1335	Đỗ Hải	Yến	Cơ quan KBNN				29	8	1999			NV2531	5	Phòng thi số 06	
1336	Lê Thị Kim	Yến	KBNN Bắc Kan				25	01	1999	x	DT Tây	NV2532	5	Phòng thi số 06	
1337	Lê Hải	Yến	KBNN Thanh Hóa				23	05	1998			NV2533	5	Phòng thi số 06	
1338	Nguyễn Thị	Yến	KBNN Hà Nam				01	12	1994			NV2534	5	Phòng thi số 06	
1339	Nguyễn Thị Hải	Yến	KBNN Hưng Yên				08	10	2000			NV2535	5	Phòng thi số 06	
1340	Nguyễn Thị Hải	Yến	KBNN Nghệ An				16	04	2000			NV2536	5	Phòng thi số 06	
1341	Nguyễn Thị Hải	Yến	Cơ quan KBNN				06	4	1995			NV2537	5	Phòng thi số 06	
1342	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Cơ quan KBNN				27	10	1998			NV2538	5	Phòng thi số 06	
1343	Phạm Hải	Yến	Cơ quan KBNN				21	07	1995	x		NV2539	5	Phòng thi số 06	
1344	Phan Thị Hải	Yến	Cơ quan KBNN				09	11	2000			NV2540	5	Phòng thi số 06	
1345	Trần Thị Hải	Yến	KBNN Hà Nội				21	03	1998			NV2541	5	Phòng thi số 06	
1346	Trần Hải	Yến	KBNN Lạng Sơn				12	04	1999	x	DT Nùng	NV2542	5	Phòng thi số 06	
1347	Võ Phú	Yến	KBNN Quảng Trị				08	07	1991			NV2543	5	Phòng thi số 06	